

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



*Thành Kính
Tưởng Niệm*



 **ỐNG NHỰA HOA SEN**
Đ dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

www.hoasengroup.vn

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN

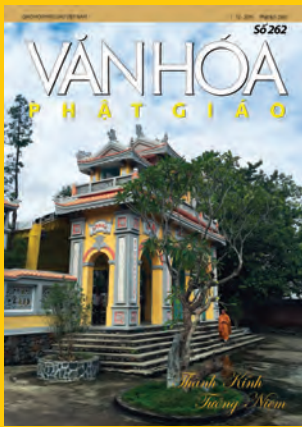
 **1800 1515**

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

 **EUROMONEY**
ASIA BEST ECONOMIC
CORPORATE GOVERNANCE
2014

 **Vietnam Quality Standard**

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Tình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Thành kính tưởng niệm...	4
Cánh thư từ Cali... (Nguyễn Cảnh)	6
Điển cố có nguồn gốc <i>Truyện Kiều</i> trong văn học Việt Nam (Phạm Tuấn Vũ – Nguyễn Thị Hương Lại)	10
Kẻ lọc vàng (Nguyễn Huệ)	14
Tổ sư Nguyên Thiều, phái Lâm Tế - công đức và sự truyền thừa (Thích Thiện Nhơn)	18
Chư vị Hộ pháp Phật giáo tỉnh Trà Vinh (Thích Như Đạo)	21
Hương sen (Đỗ Hồng Ngọc)	24
Những trở ngại cho việc hành thiền (Nyanaponika; Trần Khiết Bách dịch)	26
Đừng bắt trẻ thơ mặc chiếc áo quá rộng (Đặng Trung Công)	29
Bóng ma tự hù dọa (Hồ Anh Thái)	30
Thành phố khẩu trang (Lê Hải Đăng)	32
Vừa rao giảng lòng từ vừa giết thịt là thế nào (Matthieu Ricard; Hoang Phong dịch)	34
Tìm hiểu về địa danh Đồng Nai (Tôn Thất Thọ)	38
Chiếc sáo bầu của người K'Ho (Trịnh Chu)	40
Hoành phi câu đối tại phủ Quốc Uy công (Nguyễn Văn Cương – Nguyễn Văn Khánh)	42
Tôn giả A-nan (Thích Trung Hậu)	45
Vào nghề (Xanh Nguyên)	46
Mẹ là gì? (Nguyễn Hoàng Duy)	48
Cơm nắm mo cau của mẹ (Trịnh Viết Hiệp)	50
Thương nhớ rau rừng (Lý Thị Minh Châu)	51
Thơ (Tánh Thiện, Nguyên Từ, Hà Ngọc Hoàng, Phan Thành Minh, Nguyễn Thị Bình, Kim Hoa, Nguyễn Nghĩa, Trần Thị Thùy Linh)	52
Cách rong yêu của loài hoa (Trần Bảo Định)	54
Phan Châu Trinh và "Hồn Tinh Vệ" (Vĩnh Sính)	56

Bìa 1: Mây Lành còn mãi. Ảnh: Duy Tuệ.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, ngày 8-11-2016, nhằm ngày 9 tháng 10 năm Bính Thân, Phật lịch 2560, vị Tổng Biên tập khả kính của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Trưởng lão Hòa thượng Thích Chơn Thiện, đã đột ngột viên tịch, nương Phật lực về nơi an lạc vĩnh hằng.

Chúng tôi vô cùng đau buồn, không thể có lời than vãn nào hơn nữa. Toàn thể thành viên của Tạp chí đều quy tụ về Tổ đình Tường Vân tại thành phố Huế để thọ tang và tiễn đưa Trưởng lão Hòa thượng. Chúng tôi đã thành kính cúi lạy kim quan Trưởng lão Hòa thượng trong giờ phút nhục thân của ngài được đưa nhập bảo tháp. Chúng tôi đã cố gắng đưa thông tin sớm nhất về nỗi đau buồn này trong số báo trước, để chia sẻ cùng quý độc giả.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn quý độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên đã gọi điện thoại, gửi thư, thư điện tử và tin nhắn đến tòa soạn để chia buồn. Sự lưu tâm của quý vị cũng có phần an ủi chúng tôi trước sự mất mát quá lớn trong giờ phút đau buồn này.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin thông báo, lịch treo tường năm 2017 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ được chuyển đến các vị độc giả dài hạn, các ân nhân, thân hữu, cộng tác viên thường xuyên và các nhà quản lý các điểm phát hành tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trong nước cũng như ngoài nước vào thượng tuần tháng 12-2016. Rất mong quý vị hoan hỷ đón nhận.

Thành tâm nguyện cầu chư Phật mười phương gia hộ toàn thể quý vị luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập.

(Kinh Pháp cú, số 14)

Thành kính tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng THÍCH CHƠN THIỆN

Diếu văn

tưởng niệm Hòa thượng Thích Chơn Thiện của môn đồ đệ tử

Kính lạy Đức Phó Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hũy thượng Tâm hạ Ngộ, tự Chơn Thiện, hiệu Viên Giác, Trưởng lão Hòa thượng Giác linh.

Ngưỡng bạch Giác linh Hòa thượng,

Chúng con - hàng môn đồ đệ tử - thành kính đảnh lễ Giác linh Thầy, xin được dâng lên Thầy tất cả tâm thành kính ngưỡng của chúng con trong giờ phút thiêng liêng ngàn thu vĩnh biệt.

Kính bạch Giác linh Thầy,

Trời Huế mấy ngày nay bắt đầu se lạnh. Không gian ẩm đậm thấu cảm lạ thường đến càn khôn vạn vật.

Sông Hương cúi mặt nước tiếc ngẩn ngơ về biển nhớ

Núi Ngự nghiêng mình mây buồn lãng đãng giữa trời thương.

Hòa cùng với không gian u tịch, nỗi buồn chúng con đang cảm nhận là sự mãi mãi vắng đi hình bóng thân thương của người Thầy khả kính, của bậc mô phạm nơi chốn tông lâm Phạm vũ. Nỗi lòng của chúng con trong lúc này là sự hụt hẫng khó tả nên lời khi chúng con cảm nhận sự vô thường đến với Thầy sao mà nhanh chóng như vậy!

Thuở xưa,

Khi Thế Tôn nhập diệt,

A-nan bật khóc sấu:

"Than ôi, còn hữu học,

Bậc Đạo Sư lia xa!"

Hôm nay, làm sao hàng hậu học chúng con lại không đau buồn khi mất đi một bậc Thầy mà chúng con hằng tôn kính nương tựa? Chốn Tổ từ nay còn

đâu nét từ hòa dung dị mà Thầy đã thị hiện mỗi ngày? Tường Vân còn đâu hình dáng vàng kem thiền hành mỗi sớm chiều đều đặn trước hương phòng? Phương tượng đường còn đâu bậc ẩn sĩ âm thầm tỏa sáng vùng trời đạo hạnh? Và đâu rồi nụ cười giải thoát làm xua tan ưu phiền như pháp âm được tuyên dương? Những hình ảnh thân giáo ấy của Thầy đã vô tình in dấu trong tâm thức của những con người từ phương xứ mà Thầy hiện hữu: Từ Sài Gòn hoa lệ có Vạn Hạnh lung linh nền học xứ, từ Đà Lạt mù sương có Linh Sơn thấp sáng đạo nguồn, từ xứ Huế cổ đô có Tường Vân - Học viện, vang vọng hải triều âm, từ Hà Nội thủ đô có hàng nhân sĩ láng láng niềm đạo pháp. Ở đâu bước chân Thầy đi qua đều còn mãi lưu dấu trong lòng người nguồn pháp vị thâm sâu và tình thương yêu vô hạn!



Kính bạch Giác linh Thầy,

Bài pháp thân giáo sinh động nhất của Thầy đối với chúng con là hạnh buông xả. Năm dục trường dưỡng, mà trong Kinh tạng Đức Phật thường giáo giới, là những công án lớn mà người xuất gia cần phải vượt qua thì, Thầy là một minh chứng hùng hồn cho sự vượt qua ấy. Giới hạnh của Thầy trong sạch như băng tuyết! Đời sống phạm hạnh thanh tịnh của Thầy cũng đủ làm bài học vô giá cho chúng con trọn đời noi gương để hướng tới thực hành một đời sống cao đẹp. Hơn nữa, hạnh buông xả các lợi danh mà Thầy đã thể hiện là hành trạng hiếm có trong thời chủ nghĩa vật chất được tôn sùng. Khi thực hành hạnh thí xả, Thầy trân quý mọi giá trị cuộc sống bằng sự thấu cảm thiêng liêng cao cả của tình người. Hạnh sống của Thầy đã truyền cảm đến lòng người sự thăng hoa trong Chánh pháp. Thật vậy,

Thầy đã đi vào cuộc đời và không cự tuyệt những gì hiện có, nhưng Thầy vẫn toát lên nét thanh nhân siêu trần thoát tục!

Thầy ơi! Thầy như đóa hoa sen không bợn chút mùi bùn; hạnh phúc của Thầy cũng chính là tâm giải thoát mà Thầy đã trải rộng giữa trần gian. Chúng con như được thăng hoa khi tiếp nhận Chánh pháp từ Thầy; và chúng con đã cảm nhận được hạnh phúc xả của Thầy trong đời thường sống thật!

Ngưỡng bạch Giác linh Thầy,

Mặc dù những cơ sở vật chất đồ sộ nhờ Thầy mà có được, như ngôi Tổ đình uy linh đã được trùng hưng hay ngôi Học viện mới đang được xây cất, nhưng ưu tiên hàng đầu mà Thầy hằng ưu mang chính là sự nghiệp giáo dục đào tạo con người, vun trồng hậu thế để tiếp nối mạng mạch Phật-đà. Tất cả sự dẫn thân vào đời của Thầy lúc sinh tiền đều không ngoài mục tiêu cao cả ấy. Thầy khuyên người xuất gia cần phải có đầy đủ sở từ và sở học để làm hành trang vững chắc cho việc hoàng dương Chánh pháp. Có lần Thầy dạy: *"Quý thầy ra làm Phật sự thì đừng có thiếu học hỏi, đừng có thiếu sự hy sinh, và đừng bao giờ thiếu sự cầu tiến"*. Lời Thầy tuy ngắn ngủi nhưng đã truyền đạt một triết lý vô ngã sâu sắc từ nơi công việc hằng ngày của cuộc sống, là bài học thiết thực cho sự nghiệp phụng sự trọn đời của chúng con. Thiết nghĩ, thực hiện được lời dạy ấy cũng chính là hạnh tu tập trên con đường hướng đến giải thoát mọi trói buộc khổ đau. Chúng con kính cẩn nguyện ghi lòng tạc dạ!

Bạch Giác linh Thầy,

Pháp âm của Thầy luôn khai sáng nguồn tâm cho chúng con nhìn thấu được bản chất mọi hiện hữu. Bài thơ được Thầy cảm tác chỉ vài ngày trước khi Thầy viên tịch đã khai sáng cho chúng con bản chất này:

*Cầu vòng bảy sắc, có mà không
Thế giới nhân sinh, thể tánh đồng.
Vạn sự cổ kim tuông huyễn ngã
Mộng đời tỉnh giấc, có mà không.*

Nói "có mà không", Thầy muốn khuyên chúng con rằng không nên chấp trước bất kỳ một vật gì là "có", và cũng không nên chấp trước bất kỳ một vật gì là "không". Chính vì hai chữ "có" và "không" mà nhân loại đảo điên trong vòng luẩn quẩn của sự được và mất, thắng và bại, v.v. Để siêu việt "có" và "không" ấy, Thầy đã hướng dẫn hàng đệ tử chúng con phương pháp nhìn thẳng vào thực tại rằng:

"Dòng sống là dòng chảy vô thường: có rồi không, được rồi mất, thịnh rồi suy. Các đệ tử cần giác tỉnh mà yêu đạo và yêu đời, làm các Phật sự, lòng hãy đừng dao động, sợ hãi. Cái nhìn đời như thế này là cái nhìn oai dũng của sư tử nhìn muông thú. Trí tuệ thay!"

Với Thầy, chỉ có tình yêu thương đối với đạo, với đời là thật nhất mà không gì có thể đánh đổi được. Nhìn cuộc đời bằng con mắt yêu thương mới là cái nhìn trí tuệ và oai dũng của bậc Giác ngộ. Pháp âm ấy của Thầy như lời huấn thị cuối cùng cho môn nhân đệ tử chúng con. Chúng con nguyện ghi lòng tạc dạ!

Ngưỡng bạch Giác linh Thầy,

Đối với chúng con, Thầy đã ra đi quá đột ngột! Nhưng với Thầy thì các pháp đã hiện ra như thật trước mắt. Thầy dạy: *"Giữa biển sinh tử mênh mông, bao la, thì chuyện sống, chết chỉ là cái bọt nước nổi trôi, có gì phải bận tâm"*. Có lẽ đây là lý do Thầy vẫn thản nhiên cười và trò chuyện với chư tôn đức đến thăm tại Bệnh viện Vinmec Hà Nội trong những ngày cơn bệnh đang ở giai đoạn cuối. Thấy Thầy cười mà sao lòng chúng con lại se thắt nhói đau!

Bạch Giác linh Thầy, sự buông bỏ huyễn thân của Thầy sau 75 năm trụ thế đã cho chúng con thấy được *"cái dũng khí của một thiền sư, một tướng lãnh mang sứ mệnh của Như Lai"*. Thầy đã đến như vậy và Thầy đã đi như vậy! Chúng con ngưỡng mong Thầy sớm hồi nhập Ta-bà để đem ánh sáng tuệ giác của Thầy tiếp tục soi sáng cho nhân loại khỏi bị mê mờ trong cõi đời ác trược!

Hàng đệ tử chúng con kính đầu thành đảnh lễ Giác linh Thầy!

Nam-mô Liễu Quán cứu đại, Tường Vân Tổ đình Trúc trì, Vạn Hạnh Thiền viện Viên chủ, húy thượng Tâm hạ Ngộ, tự Chơn Thiện, hiệu Viên Giác, Trưởng lão Hòa thượng Giác linh.





Cánh thư từ Cali...

NGUYỄN CÁN

Westminster, ngày xx tháng 11, 2016
Thủy Lan thân mến,
Lời chúc của em nhân ngày Hiến chương Nhà giáo trên facebook làm thầy cảm thấy xao xuyến dù thầy từ già nghề đã hơn 30 năm.

Thầy đã sang đây hơn ba tuần. Những chuyến bay dài từ Sài Gòn sang Maryland và từ Virginia sang California, lại thêm thời tiết ở Bờ Đông khá lạnh, làm thầy hơi mệt, nhưng vẫn rất vui vì khám phá được nhiều điều mới lạ hơn so với những gì mình biết qua sách vở trước đây. Điều dễ nhận thấy là ở đâu trên đất Hoa Kỳ này, cuộc sống cũng diễn ra sôi động và người dân luôn tuân thủ luật lệ cùng những quy định.

Đường tuy rộng nhưng rất đông xe; tuy nhiên, dù có kẹt xe hay không thì vẫn chẳng nghe tiếng kèn xe nào. Người lái xe vẫn chờ đợi thành từng hàng ngay ngắn, không lấn tuyền, kiên nhẫn và hiểu biết. Đó đây vẫn có những cuộc biểu tình của học sinh - sinh viên bày tỏ

chính kiến chống vị Tổng thống mới được bầu, nhưng ý thức trật tự vẫn được đề cao. Hơn nữa, đây là một xã hội làm việc. Vui chơi chỉ diễn ra có nơi có lúc.

Thầy đã gặp nhiều người Việt Nam định cư ở đây đến 70 tuổi vẫn còn đi làm. Họ làm *nail* hay hót tóc hay nghề gì đi nữa, nhưng khi có dịp ngồi ăn uống cùng nhau, họ tâm sự rất hài lòng khi nói về cuộc sống vì họ có thể để dành chút ít phòng khi gặp chuyện bất trắc. Về tương lai, họ nói mình sẽ được lãnh tiền "già" và họ tin vào hệ thống y tế chính phủ, luôn thuận lợi cho những người có thu nhập thấp như họ. Có một bác sĩ người Việt ở Virginia trên 30 năm nói rằng ở cái xứ này phải biết làm "homework", nghĩa là phải *work* mới có *home* và nếu siêng năng thì sẽ có những gì mình muốn: nhà cửa, bảo hiểm, giáo dục con cái, và không lo về bệnh hoạn. Và như hàng triệu người Việt khác, ông đã lao động cần mẫn và làm nhiều việc vất vả trước khi vay mượn tiền nhà nước để theo đuổi ngành Y ở bậc đại học. Giờ đây ông đã toại nguyện.

Người dân ở đây tôn trọng luật pháp không chỉ vì tự giác mà còn vì hệ thống camera trên đường rất khách quan và nhanh chóng ghi hình những ai vi phạm; và khi cảnh sát gửi biên bản đến nhà thì chỉ còn cách nộp phạt chứ khỏi tranh cãi hay sợ họ “làm luật” trên đường (!). Thế nên rất ít thấy bóng dáng cảnh sát trên đường trừ những nơi xảy ra tai nạn hay sự cố gì đó.

Thầy cũng vui khi gặp lại một số sinh viên cũ ở những tiểu bang khác nhau và tất cả đều thành đạt vì các em thông minh và tích cực làm việc... Nhưng ấn tượng nhất với thầy ở đây là hình ảnh các thầy cô trong những ngôi trường. Họ vui vẻ, năng động và luôn gần gũi học sinh như anh như chị. Ở đây không có Ngày Nhà giáo và chẳng có nhiều mỹ từ tôn vinh họ như ở nước ta “*Nghề cao quý nhất trong những nghề cao quý; sáng tạo nhất trong những nghề sáng tạo...*”. Để rồi “... *câu chuyện lương không đủ sống và giáo viên phải làm nghề tay trái, vốn đã quá cũ đến nỗi người trong cuộc không còn dám than thở nữa*” (Nguyễn Gia, Góc Nhìn, tạp chí VH TT 19/11).

Đầu năm học này, nghe đâu có thầy đã bật khóc khi phổ biến quy định cấm “dạy thêm-học thêm”; dạo gần đây trên facebook lại lan truyền câu chuyện ở Hồng Lĩnh khi các cô giáo được điều đi “tiếp khách”! Một sự xúc phạm phẩm giá! Thôi nói làm gì những chuyện kém vui bây giờ khi em cũng đã sắp về hưu. Hãy để em cảm nhận một chút hạnh phúc cùng đồng nghiệp và học sinh khi đang ở những ngày cuối trong hành trình sự phạm của mình, đặc biệt hôm nay ngày 20 tháng 11.

Trở lại chuyện ở California. Thời tiết ở đây mát dịu không quá lạnh như Maryland. Một ngày bình thường khi, buổi sớm mai, cô em vẫn bận bịu đưa bốn đứa nhỏ đến trường. Nhưng nếu ở đây em sẽ cảm nhận được niềm vui của các bậc cha mẹ khi họ nói về việc học hành của những đứa trẻ. Các em được tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, không khiến cưỡng nhồi nhét và có đủ thời gian cũng như điều kiện phát huy năng khiếu. Không phải vì lớn lên hay sinh ra trong một nước Hoa Kỳ giàu có làm cho các em mạnh mẽ, mà chính cách họ giáo dục công dân “mầm non” của họ giàu sức sống, tự tin và luôn muốn vươn lên trong cộng đồng và xã hội.

Thầy để ý quan sát bốn đứa con cô em của thầy từ lúc sáng sớm cho đến tối: tất cả đều phải đi ngủ đúng 9 giờ tối để 6 giờ sớm mai dậy, chuẩn bị tập sách, ăn sáng, đến trường lúc 8 giờ vì ở đây nhà tương đối xa trường. Học và ăn trưa trong trường nhưng không có ngủ trưa mà học luôn từ 1 giờ đến 3 giờ về. Từ lúc đó, các em có thể học âm nhạc hay chơi thể thao hoặc tham gia các đội nhóm trong trường như nhóm kịch hay nhóm đồng ca. Hai chú bé trong nhà này đều chơi piano rất hay đến mức ngạc nhiên. Một điều em phải biết là giáo dục bậc tiểu và trung học ở đây hoàn toàn miễn phí. Nhưng tiền học âm nhạc hay các sở thích

khác như võ thuật cần đến thầy cô thì cha mẹ phải trả. Đặc biệt ở đây không có tình trạng dạy thêm học thêm nhưng có kèm thêm đối với những học sinh không phải là người bản ngữ mới qua hay học sinh yếu về các môn trong lớp được kèm bởi những học sinh giỏi hơn do thầy cô chỉ định.

Nói đến giáo dục Hoa Kỳ thì thầy nhớ không phải lúc nào cũng có những lời ngợi khen mà họ luôn nhìn thẳng vào sự thật, dù sự thật ấy có khi khó nghe và dễ bị phủ nhận. Có nhà giáo dục từng phê phán, “*Những yếu tố nào trong xã hội Hoa Kỳ đã ảnh hưởng tới sự phát triển và trưởng thành của con em chúng ta? Đất nước mà chúng ta đang sống là một trong những đất nước có tình trạng bạo lực cao hơn những nước phát triển. Nhiều người Hoa Kỳ cảm thấy không an toàn khi đi loanh quanh ngoài đường gần khu nhà mình vào buổi tối. Điều lo lắng này là có cơ sở. Theo Sentencing Project, một tổ chức phi lợi nhuận chủ yếu hoạt động nhằm cải thiện hệ thống pháp lý thì tỷ lệ tội phạm ở Hoa Kỳ cao hơn nhiều quốc gia khác*” (Theo Carol Mooney, *Theories of Childhood, An Introduction to Dewey, Montessori, Erikson, Piaget and Vygotsky*, 2013).

Đọc đến đây, thầy liên hệ đến xã hội chúng ta hiện nay, bạo lực cũng đang hoành hành trong học đường, ngày nào cũng có clip học sinh đánh nhau trên mạng (nhất là nữ sinh!). Nếu em biết rằng có hơn 310 triệu khẩu súng được dân chúng Hoa Kỳ giữ trong nhà thì em mới thấy tỷ lệ bạo lực vậy là không cao. Giả như chúng ta cho bán súng tự do thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Một vấn đề nữa mà các nhà giáo dục ở đây băn khoăn trước đây là giá trị gia đình vì có những giai đoạn mọi người lo toan làm việc của mình mà ít dành thời gian cho gia đình. Nhưng khi ở Westminster, thầy thấy các trường đều có những cuộc họp thường xuyên với cha mẹ, theo cô em của thầy là hàng quý hay thậm chí hàng tháng. Họ muốn cha mẹ tham dự không chỉ các phiên họp với giáo viên và nhà trường mà cả trong những buổi diễn kịch, thi đọc thơ, thi hát... Họ rất chu đáo khi cử ra hai người phiên dịch tiếng Việt và tiếng Tây Ban Nha (vì học sinh người Mỹ chiếm tỷ lệ cao) sao cho tất cả phụ huynh đều hiểu điều giáo viên muốn diễn đạt. Có hôm còn ở Maryland, thầy thấy vui khi rất nhiều cha mẹ dắt lũ trẻ đi thành từng đoàn, chúng hóa trang thành Thần Chết hay những thầy ma trong lễ hội Halloween đến từng nhà xin kẹo.

Em cũng cần biết rằng nền giáo dục Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng rất lớn từ Dewey, một nhà giáo dục định hình những phương thức tốt nhất hỗ trợ giáo dục trẻ em tại đất nước này. Ông đã biến Đại học Chicago thành trung tâm tư tưởng về giáo dục tiến bộ, một phong trào hướng tới nền giáo dục dân chủ và lấy trẻ em làm trung tâm. Giáo dục tiến bộ (Progressive education) là một động thái phản ứng lại nền giáo dục cứng nhắc, mô phạm truyền thống trong thế kỷ XIX.

Những câu hỏi của ông đặt ra trong thế kỷ trước vẫn còn nguyên cho đến hôm nay trong thế kỷ XXI. Chúng ta vẫn đang đi tìm câu trả lời: làm thế nào chúng ta có thể dạy trẻ các môn học một cách tốt nhất? Chúng ta có nên tổ chức lớp học hỗn hợp nhiều lứa tuổi khác nhau hay không? Làm thế nào để xây dựng chương trình học tốt nhất? Làm thế nào để những người giám sát (supervisor) có thể hỗ trợ giáo viên đứng lớp? Các kỹ năng tư duy nên dạy thế nào? Nếu như Dewey có vai trò trung tâm trong sự phát triển phong trào giáo dục tiến bộ của Hoa Kỳ thì Maria Montessori và Jean Piaget cũng truyền đạt cùng thông điệp đó tại châu Âu. Những nhà lý luận tiên phong này đều đồng ý trẻ em học từ việc làm và giáo dục nên gắn với chất liệu và những trải nghiệm của đời sống thực tế, khuyến khích thử nghiệm và *tư duy độc lập*. Trong tác phẩm *"Tín niệm sư phạm của tôi"*, ông viết *"Quá trình giáo dục thực sự đến từ sự kích thích các năng lực của trẻ thông qua những yêu cầu từ các tình huống xã hội, mà trong đó trẻ tìm thấy chính mình"* (John Dewey - *My Pedagogic Creed* - 1897); hay ở một chỗ khác, ông viết *"Tôi tin rằng giáo dục là một tiến trình của cuộc sống chứ không phải một sự chuẩn bị cho cuộc sống tương lai... Giáo dục nghĩa là một phần của đời sống. Do đó chương trình cần được thiết kế dựa trên môi trường gia đình, công việc và những tình huống đời sống thực tế khác..."* và ông tin rằng *"... giáo viên không chỉ đơn thuần tham gia vào việc đào tạo những con người cá nhân mà còn góp phần trong việc xây dựng đời sống xã hội tốt đẹp hơn"* (sđd).

Thế nên giáo dục ở Hoa Kỳ, nói theo Dewey là con đường dẫn tới chất lượng là phải hiểu rõ trẻ em, xây dựng những trải nghiệm cho các em dựa trên những thứ đã được học trước đây, để có thể tổ chức và lập kế hoạch tốt nhất. Ông yêu cầu giáo viên phải:

- Có cơ sở kiến thức nền vững chắc cũng như hiểu biết từng trẻ cụ thể;
- Sẵn lòng giúp trẻ tạo dựng cảm thức về thế giới dựa trên sự hiểu biết và từng trải hơn của giáo viên;
- Đầu tư thời gian tâm sức để quan sát, xây dựng kế hoạch tổ chức và ghi chép lại quá trình giáo dục.

Viết đến đây, thấy chợt nhớ đến tinh thần giáo dục Phật giáo luôn đề cao tinh thần giáo dục con người toàn diện, không chỉ truyền dạy kiến thức chuyên môn, mà còn quan tâm đến cách ứng xử, chất lượng sống, đạo đức, thẩm mỹ... bởi mục đích sau cùng của đời sống là biết cách sống hạnh phúc trong tương quan duyên sinh của xã hội hay cộng đồng cũng như văn hóa của đất nước nơi mình sinh ra... Nhớ lời cổ Hòa thượng Chơn Thiện: *"Nói đến giáo dục là nói đến niềm tin căn bản của nó, cái niềm tin mở hướng phát triển muôn thuở cho giáo dục, tin tưởng rằng trong con*

người có khả năng gần như vô tận, có thể tiếp thu nhiều kiến thức và có thể điều chỉnh mọi lệch lạc của tâm lý, vật lý, sinh lý và tư duy của tự thân" (17 lời đáng suy ngẫm của HT Chơn Thiện - Pháp Hỷ sưu tầm).

Thầy thấy rằng các thầy cô giáo ở Westminster đã thực hiện gần đúng như vậy khi phân loại học sinh theo từng nhóm và theo dõi từng ngày sự tiến bộ của các em. Cậu cháu nhỏ ở nhà cô em thầy trước đây là một đứa bé rất hiếu động, luôn luôn nghịch và đặc điểm của nó là không thể ngồi yên quá 15 phút. Sau



khi trao đổi với mẹ nó, cô đã chia lớp làm ba nhóm. Và cháu được vào nhóm “kinetic” là nhóm “quậy” được chia riêng một góc phòng. Các em có thể vừa chép bài vừa nhảy nhót, loăng quăng trong phạm vi dành riêng.

Nhóm Visual là nhóm thích nhìn, xem thì ngồi gần cô hơn, còn nhóm thứ ba là các em thụ động - nhóm “auditory” - thì ngồi phía sau một tí vì các em hiền lành, hơi thụ động (có lẽ Việt Nam mình đang có nhiều thầy cô ép tất cả học sinh theo hướng này nghĩa là bắt các em lắng nghe và làm đúng những gì được dạy, không có ý kiến riêng).

Cách làm trên khá hiệu quả vì cậu cháu hiếu động ấy nay đã chán nhảy nhót và trở thành một cậu bé mê đọc sách đến độ ngạc nhiên! Thầy đi cùng cháu vào Thư viện của quận Westminster và nó lựa ra 10 quyển (có 5 truyện bằng tranh), tự *check out* và đem về nhà đọc trong vòng 1 tuần! Sau đó làm phần test cuối sách và gửi về nhà trường để được phân loại “top học sinh đọc sách nhiều nhất”.

Ngoài ra, ở đây họ khuyến khích học sinh nói lên quan điểm của chúng dù quan điểm ấy có khác với người lớn là cha mẹ hay thầy cô. Các em có quyền tưởng tượng hay sáng tạo theo ý mình.

Ví dụ trong một lễ hội hóa trang, có em thích hóa trang thành mèo chó, có em lại thích làm superman, hay người ngoài hành tinh... và được tha hồ tưởng tượng.

Dewey tin chắc rằng khi trẻ em được tham dự thì việc học trở nên vui thú và hào hứng. Thầy cô phải biết gắn hứng thú của học sinh với hiểu biết rộng hơn của mình về thế giới. Tạo dựng cảm thức về thế giới cho trẻ là thử thách đối với nhiều giáo viên ở bậc mầm non, những người vì quán tính đã mất đi hứng thú chia sẻ hiểu biết của mình với trẻ em, và họ thường tránh né các câu hỏi mang hơi hướm “triết lý” của trẻ em như ai sinh ra con voi và hỏi cho đến “Ai sinh ra ông cố con voi?” thì cô giáo nạt học sinh không được hỏi nữa!

Ông đưa ví dụ có giáo viên cho học sinh quan sát và bình luận về đội hình chữ V của những chú chim di trú trong mùa đông, bay về phương nam. Nhưng trong lớp có em vẫn biết không phải mọi loài chim đều bay đi và có những chú chim vẫn bay đến sân trường hàng ngày tìm đến chỗ các em cho chúng ăn. Nếu chỉ đưa ra kết luận mà vẫn còn những ngoại lệ thì tốt nhất phải tập quan sát lại. Nên chăng cô giáo cho các em nghiên cứu về những loài chim không di trú trong mùa đông?

Đến đây thầy liên tưởng việc làm văn theo mẫu của chúng ta. Tả các buổi tối trong gia đình thì luôn luôn là cha ngồi đọc báo, mẹ ngồi may áo, ông bà ngồi kể chuyện đời xưa. Nếu có học sinh nào nói rằng không viết như thế được vì em mơ còi thì sao? Em không thể nói thật mà phải biết theo văn mẫu chẳng?

Dewey tin rằng một hoạt động thiếu tính mục đích hoặc tổ chức sẽ không phải là một hoạt động học. Ông phê bình những môi trường dạy học truyền thống mang tính mô phạm của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, trong đó trẻ em học vẹt và dành phần lớn thời gian để thuộc những thứ trích ra từ sách giáo khoa. (Hình như vết tích của lối học này vẫn còn tồn tại trong hệ thống giáo dục Việt Nam hôm nay, thế kỷ XXI khi mà chúng ta vẫn đang bị xem là một nền giáo dục thiếu triết lý và định hướng mơ hồ!). Chúng ta không dạy những chủ đề thiết thực với xã hội, và với cuộc sống của học sinh. Cũng trong sách đó, Dewey có nói tới yêu cầu các giáo viên dạy trẻ cách sống trong xã hội. Ông tin rằng thầy cô giáo thông qua những gì họ làm không chỉ xây dựng nhân cách cá thể cho học sinh mà còn góp phần xây dựng xã hội. Qua những chương trình cụ thể như IMIL (I am moving, I am learning) giúp trẻ hình thành khái niệm về màu sắc, hình dạng, con chữ và con số theo những cách hoạt động thực tế vui vẻ. Đồng thời nó cũng hướng đến vấn đề xã hội nghiêm trọng ở Hoa Kỳ: vấn đề béo phì ở trẻ nhỏ. Nó truyền đạt tới trẻ em tầm quan trọng của sức khỏe tốt thông qua việc để các em đứng dậy, di chuyển và nói về những loại rau được điệu nhạc vừa giúp hoạt động vui vẻ vừa giúp cơ thể các em săn chắc hơn, cân đối hơn.

Những nhà giáo dục tiên phong hiện nay thường hỏi “*Giáo dục tồn tại vì trẻ em hay trẻ em tồn tại vì giáo dục?*”. Câu hỏi từ thế kỷ trước vẫn còn nguyên giá trị để chúng ta thảo luận suy ngẫm. Lý thuyết của Dewey vẫn là một định hướng cần xem xét. Vai trò của nhà giáo muôn đời vẫn là phát huy tiềm năng con trẻ đến mức tối đa, để chúng vào đời với tất cả sự tự tin trên đôi cánh tài năng và tưởng tượng, hướng đến mục đích làm người hữu ích, hòa nhập và biết cư xử trong xã hội.

Đừng để các em như những đóa hoa của Thomas Gray, nhà thơ thế kỷ XVII:

*“Full many a flower is born to blush unseen
And waste its fragrance on the desert air...”*

(Biết bao nhiêu hoa nở âm thầm
Hương sắc phí hoài theo gió hoang).

Hãy trân trọng những cánh hoa đẹp ấy và làm cho nó tỏa ngời hương sắc, em nhé! Đó chính là thiên chức muôn đời của ngành sư phạm.

Chúc em một Ngày Nhà giáo thật nhiều niềm vui và hãy tin vào ngày mai, nếu còn có thể, em nhé!

Thầy. ■

Điển cố có nguồn gốc Truyện Kiều trong văn học Việt Nam

PHẠM TUẤN VŨ - NGUYỄN THỊ HƯƠNG LÀI

Truyện Kiều là đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn học Việt Nam trên nhiều phương diện. Một phương diện trong đóng góp ấy là kiệt tác này đã trở thành nguồn gốc của điển cố độc đáo, giá trị trong văn học nước ta; bổ sung và làm phong phú cho kho tàng điển cố nội sinh của văn học Việt Nam như là một đối trọng với hệ thống điển cố ngoại lai mà chủ yếu là điển cố gốc Hán.

1 Truyện Kiều trở thành kho tàng điển cố

Sẽ có nhiều người ngạc nhiên khi khẳng định *Truyện Kiều* là một trong những kho tàng, xuất xứ của nhiều điển cố được sử dụng trong văn học Việt Nam. Tuy nhiên, khi tìm hiểu về bản chất, cơ chế hình thành và con đường giải mã của điển cố cũng thực tế ảnh hưởng của *Truyện Kiều* trong đời sống văn học Việt Nam, chúng ta đủ các cơ sở thuyết phục để khẳng định điều này.

Như đã biết, điển cố là một phương tiện tu từ đặc biệt của văn học trung đại. Theo Đoàn Ánh Loan trong *Điển cố và nghệ thuật sử dụng điển cố* (Nxb ĐHQG TP.HCM, 2003), điển là “những từ ngữ về chuyện xưa, tích cũ, về tư tưởng, hình tượng trong sách xưa được tác giả dùng làm phương tiện để diễn đạt ý tưởng một cách ngắn gọn, hàm súc” (tr.20). Về hình thức của điển, theo tác giả, đó là những “từ hay nhóm từ được lấy ra từ những câu chuyện trong kinh, sử, tử, truyện, các sách ngoại thư... về nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử, địa danh, những quan niệm trong cuộc sống” và “từ hay nhóm từ mượn ý, lời từ câu thơ hoặc bài thơ của người trước, hay được trích từ thành ngữ, tục ngữ, ca dao có tích truyện được lưu truyền hoặc đã nổi tiếng” (tr.20).

Về bản chất, điển là những “từ hay nhóm từ” có hình thức ngắn gọn, gắn liền với một nhân vật, địa danh, câu chuyện, tư tưởng, bài thơ nổi tiếng trong lịch sử, văn hóa, văn học, được dẫn dụng lại trong tác phẩm văn học (và cả những lĩnh vực khác như âm nhạc, ngôn ngữ đời sống...) nhằm diễn đạt cho một ý nghĩa khái quát nào đó. Cơ chế hình thành của điển là rút gọn câu chuyện, tư tưởng, ý thơ thành một ngữ liệu có hình thức tối giản. Một ngữ liệu thỏa mãn những điều trên có khả năng trở thành điển cố.

Trong văn học thế giới, một tác phẩm trở thành xuất xứ của điển cố là hiện tượng khá phổ biến. Trong văn học Trung Hoa, Kinh thi, Sở từ, Đường thi, các bộ kinh sử tử tập là xuất xứ của phần lớn điển cố. Trong văn học phương Tây, phần nhiều điển cố xuất xứ từ Kinh thánh,

thần thoại Hy Lạp. Trong văn học Việt Nam, hiện tượng này cũng không phải là quá hiếm. Một số bài ca dao, truyện ngụ ngôn, truyện cổ tích, truyền thuyết, tác phẩm văn học viết, trong đó có *Truyện Kiều*, chính là nguồn gốc của hầu hết điển cố nội sinh trong văn học nước ta.

Truyện Kiều là kiệt tác của nền văn học Việt Nam, có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn học nước ta, được đông đảo các tầng lớp độc giả nhiều thế hệ yêu quý, nâng niu. Nhiều nhân vật, tích truyện, câu thơ trong tác phẩm của Nguyễn Du đã trở nên hết sức quen thuộc, không chỉ trong văn học mà cả trong đời sống, được sử dụng với tư cách là những điển cố, tức là những ngữ liệu mang ý nghĩa khái quát hơn so với ý nghĩa ban đầu trong tác phẩm.

Thông thường, một tác phẩm thơ thường là xuất xứ của một vài điển cố. Trong khi đó, *Truyện Kiều* lại là nguồn gốc của hàng trăm điển bởi đây là một tác phẩm tự sự bằng thơ có dung lượng khá lớn (3.254 câu thơ lục bát). Hơn nữa, điển xuất xứ từ *Truyện Kiều* còn khá đa dạng. Điều này phần nào được thể hiện trong ba kiểu điển chính dưới đây.

2 Các dạng điển cố có nguồn gốc Truyện Kiều

2.1. Điển nhân danh

Điển nhân danh là một bộ phận quan trọng, chiếm số lượng lớn trong kho tàng điển cố. Loại điển này có hình thức ngắn gọn một từ hoặc một cụm từ, là tên gọi (tên tự, tên hiệu, tên gọi lên chức danh, cách xưng hô,...) của một nhân vật trong lịch sử, truyền thuyết, văn học. Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du sử dụng nhiều điển nhân danh, hầu hết đều có nguồn gốc Hán, chẳng hạn: *Nàng Oanh, ả Lý (Dâng thư đã then nàng Oanh/ Lại thua ả Lý bán mình hay sao), Tống Ngọc, Trường Khanh (Sớm đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh),...*

Cơ chế hình thành của kiểu điển cố này như sau: Từ một nhân vật chính (có tài năng, phẩm chất đặc biệt hoặc gắn với một sự kiện nổi tiếng nào đó) trong lịch sử, văn hóa, văn học, người ta rút gọn chỉ còn tên (thậm chí gọn hơn chỉ còn họ, bỏ qua các phương diện còn lại của nhân vật) và đưa vào sáng tác để khái quát cho một ý nghĩa nào đó. Chẳng hạn, điển *nàng Oanh, ả Lý* để chỉ cho những người con hiếu thảo. Khi tiếp xúc “mã tên gọi” này, theo cơ chế giải mã của điển cố, người đọc phải truy ngược về các đặc điểm con người (phẩm chất, tài năng, tính cách), sự nghiệp, câu chuyện nổi tiếng liên quan đến nhân vật để hiểu ý



Tranh: Anh Phương

nghĩa của “mã tên gọi” ấy, tức điển nhân danh được nhà văn dẫn dụng.

Theo cơ chế này, tên gọi của nhiều nhân vật nổi tiếng trong *Truyện Kiều* như Thúy Kiều, Kim Trọng, Sở Khanh, Hoạn Thư, Từ Hải được các tác giả đời sau đưa vào sáng tác của mình với tư cách là những điển cố nhân danh. Dạng điển nhân danh có nguồn gốc *Truyện Kiều* trong văn học Việt Nam có số lượng khá lớn, xuất hiện cả trong văn học dân gian và văn học viết.

Ảnh hưởng của *Truyện Kiều* đối với văn học dân gian khá đa dạng. Một trong những biểu hiện của sự ảnh

hưởng đó là nhiều điển cố nhân danh được tác giả dân gian lấy từ nguồn gốc *Truyện Kiều*, chẳng hạn như trong bài ca dao sau:

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn

Liễu xa đào, liễu ngã, đào nghiêng

Anh xa em như bến xa thuyền

Như Thúy Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho tái hồi.

Trong văn học viết, nhiều tác giả của văn học trung đại, văn học hiện đại đã mượn lại tên nhân vật trong *Truyện Kiều* với tư cách là những điển cố. Chẳng hạn,



Nguyễn Công Trứ với hai câu thơ:

*Nghĩ mình chưa phải tình Kim Trọng
Mà đổ đờ mang nợ Thúy Kiều.*

(Trách nhân tình)

Hay Nguyễn Bính trong bài Cảm tác:

*Bá Nha thuở trước còn Chung Tử
Kim Trọng đời nay hết Thúy Kiều.*

Bên cạnh điển *Thúy Kiều*, *Kim Trọng* thường xuyên xuất hiện, các điển nhân danh khác có nguồn gốc *Truyện Kiều* cũng được các tác giả đời sau dẫn lại, như trong các câu thơ sau:

*Song còn bao nỗi chua cay
Góm quân Ưng Khuyển, ghê bầy Sở Khanh.*

(Tố Hữu, *Kính gửi cụ Nguyễn Du*)

*Chỗ anh thương ít
Sao anh xit ra nhiều
Anh hồng coi Từ Hải
Thương nàng Kiều mấy năm,
Anh mà bắt chước Thúc Sinh*

Thì anh đừng trách vợ mình Hoạn Thư...

(ca dao)

Trong các tác phẩm này, với những “mã tên gọi” trên, nếu một người chưa từng đọc *Truyện Kiều*, chưa tiếp xúc với “văn hóa *Truyện Kiều*” thì chắc hẳn rất khó để hiểu. Để hiểu được những mã này, người đọc phải tuân theo nguyên tắc giải mã của điển cổ. Đó là từ tên gọi lần tìm về nhân vật trong *Truyện Kiều* với các đặc điểm ngoại hình, tài năng, tính cách, cuộc đời... để hiểu ý nghĩa của những tên gọi trên, trên cơ sở đó hiểu được ý nghĩa của tác phẩm. Chẳng hạn, với điển *Thúc Sinh*, người đọc phải lần tìm về đặc điểm của nhân vật này (không chung tình) để từ đó tìm ra ý nghĩa khái quát chỉ “người đàn ông trăng hoa”; với điển *Hoạn Thư*, ý nghĩa khái quát là “người đàn bà ghen tuông”...

2.2. Điển tích truyện

Điển tích truyện cũng là một dạng phổ biến của điển cổ. Kiểu điển này có nội dung gắn liền với một câu chuyện nổi tiếng trong lịch sử, truyền thuyết, văn hóa. Cơ chế hình thành của kiểu điển này là rút gọn câu chuyện nổi tiếng thành một từ, cụm từ hoặc câu ngắn gọn nhằm khái quát cho một ý nghĩa nào đó. Cơ chế giải mã của dạng điển này là từ những “mã tích truyện” có hình thức ngắn gọn, người đọc phải truy ngược về câu chuyện dài hàm chứa bên trong để tìm ra ý nghĩa khái quát của điển.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du dẫn dụng nhiều điển tích truyện có nguồn gốc Hán. Hầu hết những điển này đều được nhà thơ sử dụng một cách linh hoạt, tài hoa, mang lại nhiều giá trị độc đáo. Có thể kể ra một số điển như: *bể dâu* (chuyển dịch từ điển *thương hải tang điền*, trong câu: *Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*), *lá thắm chỉ hồng* (chuyển dịch từ điển *hồng diệp xích thằng*, trong câu *Dù khi lá thắm chỉ*

hồng/ Nền chảng thì cũng tại lòng mẹ cha), *gương vỡ lại lành* (chuyển dịch từ *phá kính trùng viên*, trong *Bây giờ gương vỡ lại lành/ Khuôn thiêng lờn lọc đã đành có nơi*),...

Không chỉ vay mượn từ kho tàng điển cổ gốc Hán, *Truyện Kiều* còn là nơi phát sinh nhiều điển cổ tích truyện được dẫn lại trong văn học Việt Nam. Đó là những câu chuyện nổi tiếng trong tác phẩm này được các tác giả đời sau đưa vào sáng tác với tư cách là những điển cổ. Chẳng hạn, trong bài ca dao dưới đây, tác giả dân gian đã dẫn một điển liên quan đến câu chuyện Kim Trọng lần đầu gặp Kiều:

*Vừa ra vừa gặp người xinh
Cũng bằng Kim Trọng tiết thanh minh gặp Kiều.*

Mở đầu bài thơ *Kiều bán mình*, Nguyễn Khuyến dẫn ra một điển gắn với câu chuyện gia đình Kiều bị vu oan, trong câu:

*Thằng bán tơ kia dở giới ra
Làm cho bạn đến cụ viên già.*

Trong bài thất ngôn bát cú *Thúy Kiều lúc ra tu chùa Hoạn Thư*, Tản Đà đã dẫn lại điển gắn với việc Kiều trộm chuông vàng khánh bạc trốn khỏi nhà họ Hoạn trong câu:

*Nợ những chuông vàng cùng khánh bạc
Này thôi má phấn với râu xanh.*

Trong bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du*, Tố Hữu dẫn lại một điển gắn với câu chuyện Kiều tự vẫn trên sông Tiền Đường:

*Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường.*

Nhìn chung, phần điển tích truyện có nguồn gốc *Truyện Kiều* đều xoay quanh nhân vật trung tâm của tác phẩm là Thúy Kiều, gắn với những bước ngoặt lớn trong cuộc đời chìm nổi của nhân vật này. So với các dạng khác, điển tích truyện có nguồn gốc *Truyện Kiều* chiếm tỉ lệ nhỏ hơn.

2.3. Điển thơ ca

So với kiểu điển nhân danh, tích truyện, điển thơ ca có nguồn gốc *Truyện Kiều* chiếm số lượng lớn hơn cả. Cơ chế hình thành của kiểu điển này là mượn lại ý thơ, lời thơ ở hình thức rút gọn hoặc cải biên. Trong tác phẩm của Nguyễn Du, có nhiều điển thơ ca mượn từ Kinh Thi (như điển *quả mai* trong câu *Quả mai ba bảy đương vừa*, điển *củ mọc* trong câu *Một cây củ mọc một sân quế hòe*), thơ Trung Hoa cổ (như điển *Cỏ non xanh rợn chân trời/ Cành lê trắng điểm một vài bông hoa* mượn từ hai câu thơ *Phương thảo liên thiên bích/ Lê chi sở điểm hoa*), thơ Đường (như điển *hoa đào năm ngoái* mượn ý từ bài *Đề đô thành Nam trang* của Thôi Hộ, điển *Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều* lấy ý từ trong bài *Xích Bích hoài cổ* của Đỗ Mục)...

Truyện Kiều là áng văn chương trác tuyệt, “Đại Việt thiên thu tuyệt diệu tử”, là “khúc Nam âm tuyệt xứong”. Ngay đương thời, văn chương *Truyện Kiều* đã có ảnh hưởng lớn đến sáng tác văn học. Rất nhiều ý thơ, câu thơ của kiệt tác này được dẫn lại trong các tác phẩm. Và nhiều trong số đó đã trở thành điển cố.

Trong văn học dân gian (chủ yếu là ca dao) có nhiều câu dẫn điển thơ ca mượn từ *Truyện Kiều*, chẳng hạn:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi

Đùng trần ai vẽ ngược xuôi hồi chàng

hay

Ra tay mở khóa động đào

Thực tiên thì được bước vào chơi tiên...

Trong văn học viết, ngay từ thời Nguyễn Du đã có nhiều nhà thơ sử dụng điển cố thơ ca có nguồn gốc *Truyện Kiều*. Có thể kể ra một vài trường hợp điển thơ ca có nguồn gốc *Truyện Kiều* tiêu biểu được dẫn lại trong văn học viết như:

- Nguyễn Công Trứ: *Trai anh hùng gặp gái thuyền quyên, Châu Trần còn có châu Trần nào hơn* (Duyên gặp gỡ), *Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi, Dập diu những văn nhân tài tử* (Nhân nhân với quý nhân),...

- Tản Đà: *Ngày xuân con én con oanh/ Ve ngâm vượn hót để dành đêm thu, Ngày xuân ngắn lắm ai ơi/ Khổ cho cái én đưa thoi hết ngày* (Phong, mượn từ câu *Ngày xuân con én đưa thoi* trong *Truyện Kiều*),...

- Đoàn Phú Tứ: *Tóc mây một món chiếc dao vàng* (*Màu thời gian*, mượn chữ và ý từ câu *Tóc mây một món, dao vàng chia đôi* trong *Kiều*),...

- Nguyễn Bính: *Thương vui bởi tại lòng này/ Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời* (*Vịnh cụ Tiên Điền*, mượn từ hai câu: *Tẻ vui bởi tại lòng này, Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời* trong *Kiều*),...

Có thể nói, hiếm có tác phẩm nào có sức lan tỏa sâu rộng như *Truyện Kiều*. Từ bói Kiều, vịnh Kiều, ngâm Kiều, nhại Kiều, đố Kiều, trò Kiều đến lấy Kiều, tập Kiều,... tất cả làm nên một “văn hóa *Truyện Kiều*” đặc sắc trong đời sống văn hóa, văn chương nước ta. Trong những hình thức này, lấy Kiều, tập Kiều, xét về bản chất, có thể xem là nghệ thuật dụng điển thơ ca có xuất xứ *Truyện Kiều* của các tác giả.

3 **Đóng góp của *Truyện Kiều* với kho tàng điển cố nội sinh**

Trước hết, cần khẳng định tính dân tộc của điển cố có xuất xứ *Truyện Kiều*. Mặc dù các nhân vật, tích truyện trong tác phẩm này đều xuất phát từ *Kim Vân Kiều truyện* của Trung Hoa nhưng nếu không có kiệt tác *Truyện Kiều*, có lẽ không mấy người Việt biết đến chúng. Hơn nữa, những điển cố này đều do người Việt sáng tạo trong quá trình tiếp nhận *Truyện Kiều* (trong văn học Trung Hoa có lẽ không có các điển cố này), bộ phận lớn trong chúng là điển thơ ca lại bắt nguồn

từ những câu thơ lục bát *Truyện Kiều* mang tính dân tộc đậm đà. Điển cố có nguồn gốc *Truyện Kiều* chính là một đóng góp của *Truyện Kiều* đối với kho tàng điển cố trong văn học Việt Nam nói chung.

Trong tiến trình phát triển của mình, văn học Việt Nam thời trung đại luôn vận động theo khuynh hướng dân tộc hóa. Từ việc chịu ảnh hưởng trên nhiều phương diện của văn học Trung Hoa, văn học nước ta đã tìm về với các giá trị nội sinh để bứt phá ra khỏi từ trường của văn hóa Hán học, vươn tới những bước phát triển mới. Chữ Nôm ra đời, cùng với các thể loại văn học dân tộc (thơ lục bát, song thất, hát nói,...) ngày càng được ưu tiên sử dụng, giữ vai trò là thành tựu lớn nhất của nhiều thời kỳ văn học là những biểu hiện rõ nét cho khuynh hướng vận động này.

Trên phương diện lịch sử sử dụng điển cố, việc điển cố nội sinh ra đời và ngày càng được sử dụng phổ biến, đem lại nhiều giá trị thẩm mỹ quan trọng trong văn học cũng là một biểu hiện như vậy. Không chấp nhận chỉ vay mượn trong kho tàng điển cố gốc Hán, cha ông ta đã sáng tạo ra nhiều điển cố nội sinh có nguồn gốc từ văn hóa, văn học dân gian, văn học viết của dân tộc. *Truyện Kiều* là một trong những tác phẩm được viện dẫn nhiều nhất, là xuất xứ của nhiều điển cố nội sinh nhất.

Do các điều kiện lịch sử, văn hóa, kho tàng điển cố nội sinh trong văn học nước ta không đồ sộ, phong phú như điển gốc Hán. Số lượng tác phẩm trở thành xuất xứ điển không nhiều, tác phẩm văn học viết lại càng ít ỏi. Trong bối cảnh đó, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã đóng góp vào kho tàng điển nội sinh hàng trăm điển cố có giá trị, góp phần đưa điển nội sinh trở thành đối trọng với điển cố ngoại lai (chủ yếu gốc Hán) trong vai trò mang đến các giá trị thẩm mỹ cho tác phẩm. Đó là những đóng góp to lớn của *Truyện Kiều* đối với văn học trung đại Việt Nam trên phương diện lịch sử sử dụng điển cố. Ngày nay, không chỉ trong văn chương, những điển nhân danh như *Thúc Sinh, Hoạn Thư, Sở Khanh*, những điển thơ ca như *trong cõi người ta, nghề chơi cũng lắm công phu, còn trời còn nước còn non*,... đã trở nên quen thuộc trong đời sống ngôn ngữ, báo chí.

Rõ ràng, cùng với sức lan tỏa sâu rộng của tác phẩm, nhiều điển cố nội sinh có nguồn gốc *Truyện Kiều* cũng có một sức sống lâu bền, có vị trí nhất định trong đời sống văn chương, ngôn ngữ của dân tộc.

Có thể nói, *Truyện Kiều* là tác phẩm có vị trí đặc biệt trong lịch sử sử dụng điển cố trong văn học Việt Nam. Cũng vay mượn nhiều điển cố gốc Hán nhưng khác với nhiều tác phẩm khác, kiệt tác của Nguyễn Du còn trở thành nguồn gốc của hàng trăm điển cố nội sinh có giá trị, được sử dụng phổ biến trong văn học Việt Nam, góp phần làm phong phú kho tàng điển cố nội sinh của văn học dân tộc. Đây là một trong những đóng góp quan trọng của *Truyện Kiều* đối với nền văn học nước ta. ■

Kê lọc vàng

NGUYỄN HUỆ

Tuyển tập *Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaaya)* lưu một bài kinh có tên là *Kê lọc vàng*, ghi lại những lời Đức Phật dạy về kinh nghiệm tu Thiền hay thực tập nội tâm tịnh chỉ (*samatha*), rất căn bản và bổ ích cho những ai muốn tu tập Tăng thượng tâm (*Adhicitta-bhavana*) hay hành trì Thiền định theo lời Phật dạy.

Bài kinh dùng hình ảnh một người thợ kim hoàn cẩn mẫn và khéo léo trong các khâu đãi lọc và nung nấu quặng vàng, nhờ đó có được loại vàng nhu nhuyễn tinh luyện, có thể làm ra các vật trang sức tốt đẹp như ý muốn, để minh họa việc một người tu Thiền kiên trì thực tập đúng pháp thì sẽ có được nội tâm tịch tịnh, có thể hướng tâm đến pháp nào cần thăng tri và cần chứng ngộ như ý muốn. Cái tâm của chúng sinh vốn thanh tịnh nhưng bị tập khí tham-sân-si đeo bám lâu ngày thành ra ô nhiễm và mê mờ, giống như quặng vàng mới lấy lên từ hầm mỏ còn bám đầy đất cát, cần phải tập trung tẩy rửa và tinh luyện đúng cách thì mới sạch các cấu uế, mới trở nên thanh tịnh và sáng suốt.

Nguyên văn lời Phật dạy:

"Này các Tỳ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm bậc trung của vàng, như cát đá, sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay đệ tử người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm tế nhị, như cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi, hay đệ tử người đãi lọc bụi lại rửa sạch nữa, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm xong như vậy, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng.

Rồi người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò, rồi thụt ống bệ, thụt ống bệ thêm, thụt ống bệ cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa được làm xong, chưa sạch các uế nhiễm, chưa có nhu nhuyễn, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bể vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỳ-kheo, người thợ vàng ấy hay đệ tử người thợ vàng ấy lại thụt bệ, thụt bệ thêm nữa, thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyễn, được kham nhậm và được chói sáng. Vàng ấy không bị bể vụn, và có thể được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn, như vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tâm, sân tâm, hại tâm. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỳ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư tưởng không bị khinh rẻ. Tỳ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tâm (tư tưởng về pháp).

Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhất tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép. Nhưng đến một thời, này các Tỳ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dần ép, tùy thuộc theo pháp gì tâm vị ấy hướng đến để thăng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Ta sẽ chứng được các loại thân thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không, độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, ngồi kiết-già đi trên hư không như con chim, với bàn tay



chạm và rời mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy, có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư Thiên và loài Người'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Mong rằng với tâm của mình có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các người khác như sau: Tâm có tham biết là tâm có tham. Tâm không tham biết là tâm không tham. Tâm có sân biết là tâm có sân. Tâm không sân biết là tâm không sân. Tâm có si biết là tâm có si. Tâm không si biết là tâm không si. Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm biết không phải là đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng. Tâm Thiên định biết là tâm Thiên định. Tâm không Thiên định biết là tâm không Thiên định. Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ

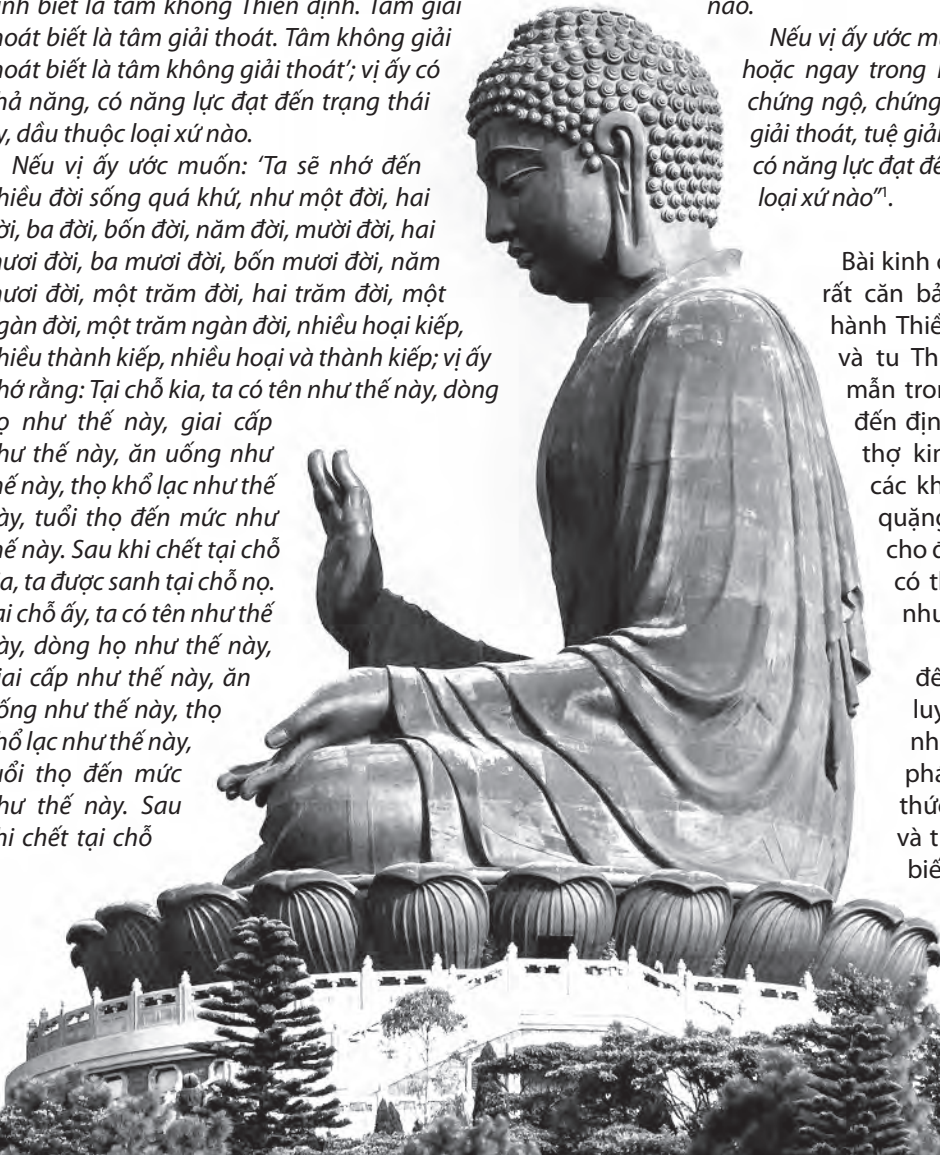
nọ, ta được sanh tại đây'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh nào làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những chúng sanh này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, địa ngục, đọa xứ. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi thiện, cõi Trời, cõi đời này. Như vậy, với thiên nhĩ thuần tịnh, siêu nhân ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta có thể biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: 'Do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát'; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào¹.

Bài kinh có nhiều gợi ý và chỉ dẫn rất căn bản và bổ ích cho người hành Thiền. Trước hết, người học và tu Thiền cần có thái độ cẩn mẫn trong mỗi bước tu tập đưa đến định tâm; giống như người thợ kim hoàn cẩn mẫn trong các khâu đãi lọc và nung nấu quặng vàng để cuối cùng lấy cho được loại vàng tinh luyện, có thể làm ra các sản phẩm như ý muốn.

Nói đến Thiền tức là nói đến tâm, nói đến sự huấn luyện tâm, chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, an trú tâm, phát triển tâm hay cách thức làm cho tâm an tịnh và trong sáng, đưa đến hiểu biết sáng suốt, đạt đến





trí tuệ đoạn trừ các lậu hoặc, đắc quả giải thoát. Đó là cả một lộ trình tu tập bền bỉ và lâu dài bao gồm sự phát triển của nhiều yếu tố tự nội như tín tâm, giới đức, sự nhiệt tâm, cần mẫn, sự điều hòa, quân bình, sự thoải mái, thanh thân, sự định tĩnh, nhất tâm, sự tịch tịnh, sáng suốt, sự buông xả, giải thoát. Nói cách khác, đó là một quá trình nỗ lực làm trong sạch và trong sáng nội tâm, khiến cho tâm được tu tập, được chuyển hóa, được phát triển, trở thành thanh tịnh, nhu nhuyễn, thuần thực, có thể vận dụng tâm ấy để quán sát bản chất duyên sinh, vô thường, khổ, vô ngã của các pháp, đạt đến sự thấy biết như thật, hướng đến ly tham, giải thoát, gọi là hướng tâm đến các pháp nào cần thăng tri và cần chứng ngộ như ý muốn.

Theo lời Phật thì để hành Thiên hay tu tập Tăng thượng tâm có kết quả, hành giả cần phải từng bước nỗ lực dứt trừ các kiết sử (*samyojanāni*) từ thô đến tế, tức các pháp bất thiện ở bên ngoài và ở bên trong, có công năng trói buộc chúng sinh trong vòng sanh tử luân hồi, không để cho chúng sanh khởi làm hoen ố và che mờ tâm thức.

Trước hết, hành giả cần phải dứt trừ các nghiệp bất thiện thuộc thân, khẩu, ý (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham dục, sân hận, tà kiến).

Sự tu tập này gợi tưởng ý rằng giới đức (*sila*) hay nếp sống đạo đức hiền thiện đóng vai trò quan trọng trong pháp môn hành Thiên hay phát triển tâm thức; muốn có được nội tâm trong sáng và lành mạnh thì con người cần phải có đời sống trong sáng và lành mạnh, thể hiện qua việc nỗ lực dứt trừ mười ác nghiệp. Đây là hướng đi căn bản, hết sức tự nhiên, cho sự phát triển các phẩm chất tự nội, nghĩa là định tâm và trí tuệ được sinh khởi và phát triển trên cơ sở giới đức hay lối sống đạo đức hiền thiện.

Tiếp theo, vị hành giả tập trung làm trong sạch nội tâm thông qua việc chú tâm nhận diện tâm thức của mình có cấu uế hay không để nỗ lực trừ bỏ. Các cấu uế ở đây chỉ cho các kiết sử bậc trung, tức các ý tưởng bất thiện liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si, gọi là dục tầm (*kamavittaka*), sân tầm (*patighavittaka*) và hại tầm (*vihimsavittaka*). Dục tầm tức là những ý nghĩ hay suy tư gắn liền với tham dục, liên hệ đến lòng tham, bị dục vọng chi phối và dẫn dắt. Sân tầm là các ý tưởng hay suy nghĩ gắn liền với bực giận giận dữ, liên hệ đến sân tâm, bị sân hận chi phối và ngự trị. Hại tầm nghĩa là những ý tưởng hay tư duy gắn liền với tà kiến, liên hệ đến mê lầm, bị tà kiến chi phối và kích động. Sự tu tập này cốt yếu làm giảm thiểu và muội lược các tập khí tham-sân-si tiềm ẩn trong nội tâm, khiến cho tâm dần dần trở nên trong lắng, bớt quay cuồng, bớt dao động, dễ dàng đi đến định tĩnh, nhất tâm. Đây là bước tu tập gian khó, cần phải kiên trì thực tập nhiều lần và đúng cách mới có kết quả. Kinh *Pháp Cú* nói rằng tâm khó thấy, tế nhị², khó nắm giữ, khinh động, theo các dục quay cuồng³, khó hộ trì, khó nhiếp phục⁴; lành thay điều phục tâm, tâm điều an lạc đến⁵.

Cách thức tu tập tăng thượng tâm hay kinh nghiệm nhiếp phục dục tầm, sân tầm, hại tầm được nói đến trong các bản kinh *Song tầm* và *An trú tầm* thuộc tuyển tập *Trung Bộ*. Kinh *An trú tầm* nêu rõ năm cách dứt trừ các cấu uế nội tâm hay làm cho vắng bật các tư tưởng bất thiện đưa đến tâm tịnh chỉ:

1. Tác ý đến một vấn đề hiền thiện nhằm xua đuổi các ý tưởng bất thiện.
2. Nghĩ đến sự nguy hiểm của các tư tưởng bất thiện để sinh tâm sợ hãi mà từ bỏ.
3. Loại bỏ hay cắt đứt dòng suy nghĩ bất thiện.
4. Điều chỉnh hướng vận hành (tác ý đến hành tướng và sự an trú) của các tư tưởng bất thiện cho đến lúc im lắng.
5. Nghiến răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, nhiếp phục tâm, đánh bại tâm bất thiện.

Làm sạch các ý tưởng hay suy nghĩ bất thiện liên hệ đến tham-sân-si gọi là dục tầm, sân tầm và hại tầm rồi thì bước tiếp theo là tập buông bỏ các tư tưởng tế nhị gắn liền với ý niệm "tôi" và "của tôi", như ý tưởng về gia tộc, về chủ nghĩa quốc gia, về tự ngã. Đây gọi là sự thanh lọc các kiết sử vi tế thuộc kiến mạn tùy miên

(attaditthimànanusaya), tức các ý niệm liên hệ đến ngã và ngã sở. Sự tu tập này cốt yếu làm tịch chỉ các ý niệm mê lầm về “tôi” và “của tôi”, không để cho chúng dấy khởi làm dao động và mê hoặc tâm thức.

Trên đây là các bước tu tập chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự ý, cốt yếu làm trong sạch các hành vi thuộc thân, miệng, ý, giúp cho tâm thoát khỏi tình trạng quay cuồng và dao động do tác động của các hành vi mê lầm bất thiện thuộc thân, khẩu, ý, khiến cho tâm dần dần trở nên trong sáng, an tịnh, lắng sạch các cấu uế, các kiết sử. Đây gọi là các bước tu tập đưa đến định tâm, cơ bản là sự giữ giới và vận dụng tầm (vittaka) và tứ (vicàra) để nhiếp phục và đối trị các hành vi bất thiện làm cấu uế và rối loạn tâm thức, giúp cho tâm dần dần đạt đến chuyên chú và định tĩnh.

Với kinh nghiệm của mình, Đức Phật gọi các bước tu tập trên là điều kiện đưa đến định cận hành (upacàra), tức trạng thái định tĩnh sơ khởi của tâm thức đạt được nhờ thường xuyên chế ngự và dẫn ép các bất thiện tầm (năm triển cái). Mặc dù chưa được xem là đặc định thật sự nhưng các bước tu luyện như vậy là căn bản và cần thiết, cần phải kiên trì thực tập nhiều lần để tâm đạt đến sự huyấn luyện thuần thực và để đặc định.

Bạc Giác ngộ xác nhận:

“Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhất tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dẫn ép. Nhưng đến một thời, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhứt tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dẫn ép, tùy thuộc theo pháp gì tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dấu thuộc loại xứ nào.”

Lời xác chứng của Đức Phật về diễn tiến của tâm thức đạt đến đại định, nghĩa là chứng và trú các cấp độ định tâm từ Thiền thứ nhất đến Thiền thứ tư, gọi cho hành giả tu Thiền nhiều kinh nghiệm bổ ích.

Định được nói ở đây là trạng thái nhất tâm (ekaggata) đạt được nhờ chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự ý, sự gột bỏ các ý tưởng bất thiện liên hệ đến tham-sân-si tức dục tâm, sân tâm, hại tâm, sự buông bỏ các tập quán suy nghĩ mê lầm gắn liền với ý niệm “tôi” và “của tôi”. Nhờ chuyên cần thực tập uốn nắn tự thân theo trình tự như vậy mà hành giả dần dần có được nội tâm trong sáng và an tịnh, thực nghiệm các trạng thái Thiền sâu lắng gọi là chứng đắc các tầng Thiền, gồm Thiền thứ nhất với “hỷ lạc do ly dục sanh”, Thiền thứ hai với “hỷ lạc do định sanh”, Thiền thứ ba với “xả niệm lạc trú” và Thiền thứ tư với “xả niệm thanh tịnh”, tâm thức trở nên hoàn toàn thanh tịnh, đạt đến định tĩnh, nhất tâm. Ở đây, hành giả cần tiếp tục công phu hành Thiền để tâm thức đi đến thuần thực và có nhiều kinh nghiệm,

trở nên nhu nhuyễn và thiện xảo trong khả năng hoạt dụng gọi là “đến một thời, tâm của vị ấy được nội trú, lắng đứng lại, được nhứt tâm, được định tĩnh... tùy thuộc theo pháp gì tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dấu thuộc loại xứ nào”.

Kinh văn truyền thống nói đến việc tâm khéo tu tập (supatipanna/subhàvita) có khả năng đưa đến giải thoát các lậu hoặc. Khéo tu tập ở đây chỉ cho công phu tu tập, thực tập và hành tập nhiều lần các Thiền sắc giới, khiến cho tâm thuần thực và sắc bén trong các giới xứ, trở nên nhu nhuyễn, dễ sử dụng, đạt đến tinh luyện về kinh nghiệm giải thoát.

Các bản kinh Pàli thường nhấn mạnh tiến trình đoạn trừ các lậu hoặc, đặc quả giải thoát, khởi từ tâm được khéo tu tập ở Thiền thứ tư:

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh... vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Trí tuệ về sanh tử của chúng sanh... vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: ‘Đây là Khổ’, biết như thật: ‘Đây là Nguyên nhân của khổ’, biết như thật: ‘Đây là sự Khổ diệt’, biết như thật: ‘Đây là Con đường đưa đến khổ diệt’, biết như thật: ‘Đây là những lậu hoặc’, biết như thật: ‘Đây là nguyên nhân của lậu hoặc’, biết như thật: ‘Đây là các lậu hoặc diệt’, biết như thật: ‘Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt’. Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: ‘Ta đã giải thoát’. Vị ấy biết: ‘Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không có trở lui đời sống này nữa”.

Nhìn chung, pháp môn tu Thiền hay hành Thiền được đề cập trong kinh tạng Pàli là rất rõ ràng và cụ thể. Đó là nếp sống trong sáng và lành mạnh đưa đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nhờ thực hành đầy đủ tiến trình Giới-Định-Tuệ. Đó là sự chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự ý, sự nhiếp phục và dứt trừ các ý nghĩ và tư tưởng bất thiện, sự buông bỏ các ý niệm mê lầm liên hệ đến ngã và ngã sở, sự thành tựu các trạng thái định tâm, sự hướng tâm thắng tri các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sự thành tựu trí tuệ đưa đến đoạn tận dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, sự chứng đắc tâm giải thoát và tuệ giải thoát, sự chấm dứt sinh tử luân hồi. ■

Chú thích:

1. Kinh Kê lạc vàng, Tăng Chi Bộ.
2. Kinh Pháp Cú, kệ số 36.
3. Kinh Pháp Cú, kệ số 35.
4. Kinh Pháp Cú, kệ số 33.
5. Kinh Pháp Cú, kệ số 36.

Tổ sư Nguyên Thiều, phái Lâm Tế công đức và sự truyền thừa

THÍCH THIỆN NHƠN

Kỷ niệm ngày húy kỵ Tổ sư Nguyên Thiều
(19/10 Mậu Thân 1728 - 19/10 Bính Thân 2016)

Trong bối cảnh chung của lịch sử Đại Việt, vào thời vua Lê Anh Tông (1557-1573), Đoan Quận công Nguyễn Hoàng nghe lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm người Hải Dương qua câu nói:

"Một dãy Hoành sơn có thể dung thân được muôn đời"
(Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân).

Do đó, Nguyễn Hoàng xin anh rể là Thái sư Trịnh Kiểm được vào trấn thủ xứ Thuận Hóa (Thuận Hóa - Quảng Nam). Năm 1570, Nguyễn Hoàng được vua Lê Anh Tông cử làm Trấn thủ hai xứ Thuận Hóa - Quảng Nam và toàn quyền quyết định về vấn đề quân sự và dân sự, cho đến năm 1600, chia đôi đất nước Trịnh - Nguyễn phân tranh (Đàng Trong, Đàng Ngoài), lấy sông Linh Giang (sông Gianh) tỉnh Quảng Bình làm ranh giới. Chúa Nguyễn đóng đô đầu tiên ở gò Phù Sa, bên sông Ái Tử, làng Trà Bát, còn gọi là Dinh Cát (làng Ái Tử), huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị ngày nay. Về sau dời về làng Kim Long, cuối cùng là làng Phú Xuân - Thuận Hóa (Huế).

Từ phủ chúa, nhìn về phương Nam, chúa Nguyễn muốn mở mang bờ cõi, vì vùng lãnh thổ quá hẹp, chỉ có thể nói đến đèo Cù Mông (ranh giới Bình Định - Phú Yên) ngày nay. Do đó, các đời chúa Nguyễn luôn

luôn tiếp tục sự nghiệp của tổ tiên, hướng về phương Nam. Nhất là từ năm 1708, Mạc Cửu đã dâng biểu đến chúa Nguyễn xin được phong chức Hà Tiên trưởng, chúa Nguyễn đã chấp thuận và phong chức Tổng binh trấn Hà Tiên, tước Cửu Ngọc hầu. Kể từ đó, Hà Tiên là phần đất cuối cùng được thuộc về Đại Việt dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725). Cho đến đời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765) hoàn tất cuộc Nam tiến, bờ cõi Đại Việt nói chung, xứ Đàng Trong nói riêng đến Hà Tiên, hoàn thành hình chữ S như ngày nay vào năm 1757.

Dưới thời chúa Nguyễn, Phật giáo Đàng Trong luôn được các chúa Nguyễn ủng hộ, vì phần lớn đều là Phật tử. Công tác xây dựng, trùng tu chùa chiền được phát triển liên tục như chùa Thiên Mụ, Giác Hoàng, Pháp Vân, Thiên Phúc, Thiền Lâm, Vĩnh Hòa (Huế), chùa Long Hưng, Bửu Châu (Quảng Nam), Kính Thiên về sau đổi thành Hoàng Phúc (Quảng Bình)... Chư Tăng các chốn Tổ Thiền phái Trúc Lâm gốc Lâm Tế còn lại cũng đã hoạt động hữu hiệu, làm rực sáng Phật giáo Đàng Trong một thời như Tổ Viên Cảnh Lục Hồ, Viên Khoan Đại Thâm, Minh Châu Hương Hải... thuộc dòng Lâm Tế Trí Tuệ (Trí Bản Đột Không) đời thứ 31 như sau: Trí Tuệ Thanh Tịnh, Đạo Đức Viên Minh, Chân, Như, Tánh, Hải, Tịch, Chiếu, Phổ, Thông...

Đến đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), năm 1677 Thiền sư Nguyên Thiều - Thọ Tôn (hay Siêu Bạch - Hoán Bích) dòng Lâm Tế Nghĩa Huyền đời thứ 33, sinh năm Mậu Tý (1648), làng Trịnh Hương, phủ Triều Châu, Trung Quốc, xuất gia năm 19 tuổi (1666), đệ tử Bồn Quả Khoáng Viên (Hành Quả Khoáng Viên), khai sơn chùa Báo Tư-Trung Quốc, theo thuyền buôn cùng một số đệ tử đến phủ Quy Ninh (Qui Nhơn) và lập cước nơi đây để hoằng đạo. Đầu tiên, vào năm 1678, ngài cho xây dựng chùa Thập Tháp Di Đà (phía sau chùa có 10 ngôi tháp Chàm), công trình đến năm 1683 hoàn thành. Tổ cử hành lễ khánh thành, được vua Lê Hy Tông ban bằng vàng Sắc tứ "Thập Tháp Di Đà tự".

Tổ Nguyên Thiều thuộc môn phái Lâm Tế Nghĩa Huyền, truyền đến ngài Vạn Phong-Thời Uy, đời thứ 21 khai sơn chùa Thiên Đồng-Trung Quốc, cho ra bài kệ: Tổ, Đạo, Giới, Định, Tông, Phương, Quảng, Chứng, Viên, Thông (Thông Thiên-Hoàng Giác hay Đạo Mãn Mộc Trần) khai sơn chùa Thiên Khai-Trung Quốc. Tổ quy y với Hòa thượng Bồn Quả Khoáng Viên hay Hành Quả Khoáng Viên đệ tử Đạo Mãn Mộc Trần khai sơn chùa Báo Tư Tân Tự.

Do đó, trong quá trình truyền thừa, ý Tổ muốn giữ cả hai dòng kệ cùng chung một môn phái Lâm Tế Nghĩa Huyền, cùng một chốn Tổ là Thiên Đồng, Thiên Khai, Báo Tư, nên khi truyền pháp, Ngài dùng hai chữ: Nguyên-Thành, Phật, Tổ, Tiên... hay Siêu, Minh, Thiệt, Tế... tùy theo nhân duyên phú pháp.

Sau một thời gian hành đạo tại chùa Thập Tháp, Tổ vân du hóa đạo các tỉnh cực Bắc (Thuận Hóa), trùng tu chùa Phổ Thành (chùa Hà Thành hay chùa Hà Trung) cửa biển Tư Dung nay là Tư Hiền, huyện Phú Lộc, Thừa Thiên-Huế. Sau đó, Tổ trùng tu chùa Vĩnh Ân, đổi tên thành chùa Quốc Ân (TP.Huế). Năm 1690, Tổ vâng lệnh chúa Nguyễn Phúc Trăn về Trung Quốc thỉnh một số chư Tăng sang hành đạo tại Đàng Trong như Thiền sư Giác Phong về sau khai sơn chùa Hàm Long Thiên Thọ (Báo Quốc), Thiền sư Từ Lâm về sau khai sơn chùa Từ Lâm (Thuận Hóa), Thiền sư Minh Hoàng Từ Dung về sau khai sơn chùa Ấn Tông (Từ Đàm), Thiền sư Minh Hải về sau khai sơn chùa Chúc Thánh (Quảng Nam), Thiền sư Hưng Liên Quả Hoàng về sau khai sơn chùa Tam Thai (Đà Nẵng) và một số pháp khí để tôn thờ tại chùa Thiên Mục, Hà Trung, Quốc Ân...

Đến năm 1694 thời chúa Nguyễn Phúc Chu, Tổ cùng đệ tử vân du hành đạo tại miền Nam, trước tiên lưu trú tại chùa Đại Giác Cù lao Phố, Đồng Nai (thuộc dinh Trấn Biên).

Qua đó, có thể nói trong quá trình di dân, mở mang bờ cõi phương Nam của chúa Nguyễn đã có nhiều lưu dân Thuận Quảng vào cư trú tại đây, mốc thời gian cụ thể là năm 1611. Và trong đó không loại trừ các thiền sư phái Trúc Lâm gốc Lâm Tế vào hóa đạo và xây dựng chùa chiền, như Thiền sư Viên Cảnh Lục Hồ, Đại Thâm



Viên Khoan, Viên Văn Chuyết Chuyết, Minh Hành Tại Tại... vào những năm 1630-1640. Như vậy, chùa Đại Giác, chùa Bửu Phong đã in dấu chân hoằng hóa của các thiền sư này, trước khi Tổ Nguyên Thiều đến lưu ngụ và hành đạo tại phương Nam (1694).

Sang năm 1695, Tổ Nguyên Thiều xây dựng chùa Kim Cang - Bình Thảo, Biên Hòa, Đồng Nai và hóa độ rất nhiều đệ tử nổi danh, làm xán lạn Phật giáo Đàng Trong cũng như Đồng Nai - Gia Định (Nam Kỳ Lục Tỉnh). Vì lúc đó, Gia Định thành là gồm cả vùng đất miền Đông và miền Tây (Dinh Trấn Biên - Biên Hòa, Dinh Phiên Trấn - Gia Định, Chợ Lớn, Dinh Trường Đồn - Long An, Mỹ Tho; Dinh Long Hồ - Vĩnh Long, An Giang và Trấn Hà Tiên).

Như trên đã nói, Tổ Nguyên Thiều sử dụng hai bài kệ cùng dòng phái là Tổ Đạo Giới Định Tông và Đạo Bồn Nguyên... Do đó, khi truyền thừa pháp phái Lâm Tế thì có hai dòng, từ chữ Nguyên đến các chữ Thành, Phật, Tổ, Tiên...; và từ chữ Siêu đến các chữ Minh, Thiệt, Tế...

Qua đó, từ chữ Siêu, Tổ truyền cho:

- Minh Giác Kỳ Phương (đời 34)
- Minh Hải Pháp Bảo
- Minh Lượng Nguyệt Ân
- Minh Hằng Định Nhiên
- Minh Phụng
- Minh Vật Nhất Tri

- Minh Dung Pháp Thông
- Minh Cần Chánh Trung....
- Từ chữ Nguyên, Tổ truyền cho đệ tử chữ Thành (đời 34):
- Thành Đạo (Minh Giác Kỳ Phương)
- Thành Đăng (Minh Lượng)
- Thành Nhạc Ẩn Sơn
- Thành Chí Pháp Thông (Minh Dung)
- Thành Ngộ Nghiêm An v.v...

Rồi từ đó các Hòa thượng mang chữ Minh hay chữ Thành cũng theo gương Tổ Nguyên Thiệu truyền cho đệ tử cũng theo dòng kệ của Tổ Định Tuyết Phong (Tổ Đạo Giới...) hoặc Đạo Mân Mộc Trần (Đạo Bản Nguyên...), nhưng dù chữ nào, cũng là một dòng Lâm Tế, là đệ tử Phật, đệ tử Tổ với nhau, cùng một Tổ đình Thiên Đồng, Thiên Khai, Báo Tư - Trung Quốc, hay Thập Tháp Di Đà - Bình Định, Quốc Ân, Thiên Tôn - Huế, Kim Cang, Đại Giác - Đồng Nai, Từ Ân, Giác Lâm - Gia Định, Sài Gòn, Tây An, Phi Lai - Châu Đốc, An Giang...

Sau hơn 80 năm hành đạo, Phật sự đã xong, công viên quả mãn, ngày 19/10 năm Mậu Thân, niên hiệu Bảo Thái thứ 9 (20/11/1728) ngài lâm bệnh nhẹ, cho tập hợp đệ tử lại và làm bài kệ di chúc:

寂寂鏡無影
明明珠不容
堂堂物非物
寥寥空勿空

Âm:

*Tịch tịch kính vô ảnh
Minh minh châu bất dung
Đường đường vật phi vật
Liêu liêu không vật không.*

Nghĩa:

Lặng lặng gương không bóng
Rực rỡ ngọc không hình
Rành rành vật chẳng vật
Mênh mông không chẳng không.

Viết xong bài kệ di chúc, ngài an nhiên tịch, thọ 81 tuổi. Các hàng đệ tử, môn đồ xây tháp Tổ thờ tại chùa Quốc Ân và Phổ Thành - Hà Trung - Tháp Phổ Đồng Thuận Hóa (Huế) và chùa Kim Cang - Đồng Nai.

Sang năm Kỷ Dậu, hiệu Bảo Thái thứ 10 (1729), mùa Phật đản 08/4 chúa Nguyễn Phúc Trú (1725-1738) ban tặng thụy hiệu "Thiền sư Hạnh Đoan", Sắc tứ Hà Trung tự Hoán Bích bi ký và bài minh khắc vào bia tháp phụng thờ.

Nội dung như sau:

優優船若
堂堂梵室
水月優遊
戒持戰慄
湛寂狐堅
卓立可必
視身本空

弘教利物
遍處慈雲
普照慧日
瞻之嚴之
泰山屹屹

Âm:

*Ưu ưu Bát nhã;
Đường đường phạm thất.
Thủy nguyệt ưu du
Giới trì chiến lật.
Trạm tịch cô kiên,
Trác lập khả tất.
Thị thân bản không
Hoàng giáo lợi vật.
Biển xứ từ vân;
Phổ chiếu tuệ nhật.
Chiêm chi nghiêm chi,
Thái sơn ngật ngật.*

Nghĩa:

Bát nhã cao siêu
Chùa thất sáng ngời
Trăng nước rong chơi
Giữ giới nghiêm nhật
Lắng trong riêng vững
Ắt hẳn đứng cao
Quán thân vốn không
Hoàng pháp lợi sanh
Mây lành che khắp
Vằng tuệ chiếu cùng
Nhìn ngài ngưỡng ngài
Cao như non Thái.

Ngày nay, từ các chốn Tổ Thập Tháp Di Đà (Bình Định), Tổ đình Quốc Ân (Huế), Kim Cang, Đại Giác (Đồng Nai), Từ Ân, Giác Lâm, Giác Viên (TP.Hồ Chí Minh), Tam Bảo (Rạch Giá), Tây An, Phi Lai (Châu Đốc)... qua đó, các bậc tiền bối, hậu côn đã phát triển đạo vàng truyền đăng tục diệm, kế vãng khai lai, làm cho Đạo pháp được chấn hưng trong những thập niên 1920-1950, đóng góp nhiều công đức trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Việt Nam thống nhất đất nước, cũng như công cuộc thống nhất Phật giáo Việt Nam năm 1981 thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam là đỉnh cao của thời đại; đồng thời, nguyện đoàn kết, hòa hợp hơn nữa, để làm cho Đạo pháp ngày càng phát triển vững mạnh trang nghiêm, đồng hành cùng dân tộc, hiện hữu trong lòng dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam thân yêu của thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo.

Quả thực:

*Vòi vọi sáng ngời ngôi tháp Tổ
Ngàn năm còn rạng rỡ nét tông phong
Giữ gìn Tổ ấn môn phong
Tốt đời đẹp đạo giữa lòng dân gian. ■*

Chư vị Hộ pháp Phật giáo tỉnh Trà Vinh

THÍCH NHƯ ĐẠO

Thời Phật còn tại thế có những vị Phật tử đại hộ pháp như ông trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika), bà Visakha... đến sau Phật nhập diệt khoảng ba trăm năm có vua A-dục (Asoka)... là những Phật tử tạo nên trang sử bất hủ cho Phật giáo Ấn Độ.

Thời xưa ở nước Việt ta, có vua Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn), Trần Thái Tông (Trần Cảnh), Tuệ Trung Thượng Sĩ (Trần Tung), là những Phật tử đại hộ pháp đã tạo nên trang sử Phật giáo Lý-Trần.

Đầu thế kỷ XX tại Trà Vinh cũng có những vị hộ pháp đã làm nên trang sử đẹp cho Phật giáo tỉnh nhà, như cụ Huỳnh Thái Cửu, cụ Phạm Văn Luông, cụ Phạm Văn Liêu, bác sĩ Nguyễn Văn Khỏe, cụ Trần Thế, cụ Nguyễn Văn Thọ, cụ Hội Đồng Ngà, nữ cư sĩ Nguyễn Thanh Lâm Nguyệt Ánh... Ở đây xin giới thiệu một số vị:

Cụ Huỳnh Thái Cửu (1866-1935)

Cụ quê quán tại làng Long Trường, tổng Ngãi Hòa Trung, hạt Trà Vinh. Thuở nhỏ thông minh, học giỏi, chuyên rèn luyện văn.

Năm 1897, cụ được hương chức tuyển cử lên làm chức hương văn, năm 1898 được cử làm thôn trưởng làng Long Trường.

Năm 1899, cụ được dân yêu chuộng kính mến, cử làm chức Phó tổng nhì và lần lượt giữ các chức như Phó tổng hạng nhất năm 1908, Cai tổng hạng ba năm 1914, Cai tổng hạng nhì năm 1919, Cai tổng hạng nhất năm 1922.

Từ ngày bước lên địa vị Cai tổng cho đến ngày về hưu năm 1929, trải qua thời gian làm việc hết sức mình, cụ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 1925, quan trên ân tứ cho cụ chức Huyện hàm. Với tinh thần tích cực trong mọi lĩnh vực, đóng góp cho xã hội công sức lớn lao nên cụ được chính phủ Pháp, triều đình Cao Miên, triều đình nhà Nguyễn phong tặng nhiều danh hiệu và huân chương, ngân bài, kim chương, bội tinh...

Cụ quy hướng Phật giáo không phân biệt Nam tông, Bắc tông. Vốn là nhà trí thức tinh thông Phật lý Cao Miên và chữ Pali, năm 1903, cụ được đức vua Cao Miên phong chức thầy giảng dạy trong đạo Phật (gọi là Lục-cà-cha), cụ giúp các thầy sãi Cao Miên chấn chỉnh đạo Phật với những hoạt động xây dựng trường Phật học trong các chùa, lập các vị Đại đức lên cai quản Tăng-già. Cụ có thỉnh bộ Tam tạng kinh Cao Miên cúng vào chùa Vat Kompong Thum còn gọi là chùa Ông Mẹt để các Sư học và nghiên cứu giáo lý.

Năm 1911, cụ xây một ngọn Chùa Tháp (chùa Cao Miên), cao ngất trời xanh (25 thước tây), tại Sài Dẩn,



bên tả thì cất chùa Cao Miên, bên hữu thì cất chùa An Nam lấy hiệu Vinh Sơn Tự.

Năm Bính Dần (1926), sau khi mãn kỳ hạ tại chùa Long Phước, làng Long Đức, Trà Vinh, cụ thỉnh chư vị Hòa thượng cùng chư Đại đức về nhà riêng tại Trà Sắt, Trà Cú, thiết đãi thời trai, rồi yêu cầu các vị Đại đức nên sửa đạo. Bài tác bạch cụ đọc kêu ca thảm thiết làm cho các vị Đại đức mũi lòng cảm động. Từ đó, cái thuyết Phật giáo hội mới manh nha trong lòng các nhà Đại đức, và Hòa thượng Lê Khánh Hòa mới hết lòng chủ động.

Năm 1929, cụ cùng các vị cư sĩ tại Trà Vinh chung đậu một số tiền thỉnh bộ Tục Tạng kinh chữ Hán 750 quyển và năm cái tủ đựng kinh để trong Pháp Bảo phường của Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. Cũng năm này, cụ cùng các vị cư sĩ Trà Vinh cúng tiền xây dựng chùa Long Khánh, làng Long Bình, Trà Vinh; xây chùa xong, cụ yêu cầu khai trường gia giáo ba tháng tại đây.

Năm 1934, Hội Lương Xuyên Phật học ra đời thỉnh cụ làm hội trưởng; đến năm 1935, vì tuổi già sức yếu, cụ xin nhường chức chánh hội trưởng. Đối với Lương Xuyên Phật học, ngài là hội viên sáng lập, với Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học cụ có một phần công khó lúc ban sơ. Với nhiều chùa An Nam và Cao Miên trong hạt Trà Vinh, cụ có nhiều phần đóng góp.

Ngày mùng 8 tháng 11 năm Ất Hợi (1935), lúc 8 giờ tối, cụ từ cõi Ta-bà vào nơi An dưỡng, hưởng thọ 69 tuổi, để lại mối cảm xúc sâu đậm cho bạn đồng chí;

và Hội Lương Xuyên Phật học mất một vị đại hộ pháp.

Tạp chí *Duy tâm Phật học* nhận xét về cụ như sau:

"... một khoản đời thanh bạch, quan Huyện hàm Huỳnh đại nhơn là một nhà giàu tư tưởng bác ái, giao thiệp rộng, bạn hữu bên đời cũng nhiều, mà nhất là bên đạo ai ai cũng tín phục. Từ khi làm làng đến lúc làm quan có bốn chục năm, bao giờ ngài cũng giữ một lòng quang minh chánh đại, giúp đỡ dân tình mưu việc lợi ích chung.

Việc làm của ngài rất nhiều, có một điều đáng quý trọng hơn hết là mỗi khi muốn làm việc gì thì hẳn ngài trực tâm mà làm chớ không bao giờ việc làm của ngài có một cái phạm vi hẹp hòi. Với những sự vĩ đại ấy, chính phủ đã có nhiều lần thưởng lệ, ban thưởng khuê bài rất vinh diệu, Huỳnh công có cái trực tánh hi hữu là bao giờ cũng đem ngôn hạnh từ bi mà dắt dẫn đoàn hậu tấn. Tận tâm với Phật pháp, đành gác tư sự mà lo Phật sự, nhất là chư thiện tín ở Trà Vinh ai cũng đều cảm đức ngài, vì ngài phần nhiều lo cất chùa An Nam cũng có, chùa Cao Miên cũng có.

Đối với hội Lương Xuyên, ngài là hội viên sáng lập có công trình vĩ đại, hội Lương Xuyên thành lập là nhờ ở ngài một phần, đến như việc tiến hành của hội cũng nhờ cao ý của ngài định đạt phần nhiều, dù còn đương kiêm chánh hội trưởng hay cựu chức ngài cũng hằng tới lui chăm nom bàn luận cùng đồng chí...¹⁾

Cụ Huỳnh Thái Cửu tuy hình thức cư sĩ tại gia nhưng mang tư tưởng của bậc xuất trần thượng sĩ, có tầm

nhìn xa trông rộng, cụ đã kêu gọi và ủng hộ việc chấn hưng đạo pháp cả Phật giáo Nam tông Khmer và Phật giáo Bắc tông. Lời kêu gọi sửa đạo thống thiết của cụ đã đánh thức lòng nhiệt tâm của các bậc long tượng ẩn mình nơi chốn già-lam. Cụ Huỳnh là một tấm gương cho hàng Phật tử Việt Nam nói chung và Phật tử Trà Vinh nói riêng phải noi theo. Công hạnh của cụ được các thế hệ Tăng Ni và Phật tử Trà Vinh khắc ghi.

Cụ Nguyễn Văn Thọ (1897-1970)

Quê quán làng Phương Trà, tổng Bình Hóa, nay là xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Là thầy giáo tiểu học trường tỉnh, có tâm huyết phát triển sức khỏe giống nòi, coi trọng việc thể thao cho có sức khỏe và cụ đã trở thành ông bầu hội banh tròn (bóng đá) đầu tiên của tỉnh Trà Vinh, tích cực tham gia các phong trào truyền bá chữ Quốc ngữ, các cuộc vận động dân chủ của đảng sau này. Tên tuổi thầy giáo Thọ thường được các nhà cách mạng lão thành, các bậc cao niên nhắc tới. Cụ có 9 người con, nổi bật nhất là Thầy thuốc Nhân dân Nguyễn Thiện Thành, thân phụ ông Nguyễn Thiện Nhân, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cụ vốn là người trí thức mến đạo, nên khi Hội Lương Xuyên Phật học thành lập, cụ hăng hái tham gia hoạt động giảng dạy môn Việt văn cho học Tăng của trường.

Năm 1936, hội Lương Xuyên cử cụ cùng cụ Nguyễn Văn Trọng ra Huế quan sát tình hình Phật sự của Hội An Nam Phật học, được hội tiếp đón nồng nhiệt và hướng dẫn quan sát nhiều Phật sự (chuyến đi này có đăng lời cảm ơn Hội An Nam Phật học trên tạp chí *Duy Tâm*).

Trực tiếp quan sát hoạt động giáo dục của hội An Nam, hai cụ rất tâm đắc và thỉnh ý quý Hòa thượng lãnh đạo trong hội Lương Xuyên nên gửi học Tăng ra Huế học để nâng cao trình độ Phật học và được quý sư cụ tán thành.

Năm 1952, cụ Nguyễn Văn Thọ xuất gia pháp danh là Thích Trường Lạc. Với Lương Xuyên Phật học hội, cụ có công lớn trong việc giáo dục. Cụ là một trí thức am hiểu Phật pháp, luôn hướng mọi người đến lối sống khỏe mạnh, tích cực tham gia các cuộc vận động dân chủ, với đạo pháp hết lòng ủng hộ, với nhân dân thì giúp đỡ tận tình, là tấm gương sáng cho hậu thế noi theo.

Cụ Trần Thế (1911-2013)

Cụ Trần Thế ra đời tại xóm La Bang, xã Đôn Hậu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Thuở nhỏ theo học tiểu học ở Đại Giang và thị xã Trà Vinh. Năm 1926, cụ là một trong số 10 học sinh của tỉnh thi đỗ vào trường Trung học Mỹ Tho. Mỗi năm trường này lấy 60 học sinh vào qua thi tuyển, khắp cho Nam Kỳ lục tỉnh, cộng thêm khoảng 25 suất học sinh theo học đóng tiền dành cho con nhà giàu. Đến năm thứ tư trung học, cụ chuyển sang học ở trường Cần Thơ.

Năm 1931, cụ vào làm việc tại Nhà Dây thép tỉnh Trà Vinh (Bưu điện Trà Vinh). Cùng năm, cụ lập gia đình với cụ bà Ngô Thị Yến, người cùng làng.

Cụ quy y với Sư cụ Huệ Quang tại Hội Lương Xuyên năm 1936 và được Sư cụ đặt pháp danh là Chí Thông. Cụ bắt đầu sinh hoạt tại Hội Lương Xuyên Phật học, và từ tháng 7 năm 1938 là thủ quỹ và thành viên Ban trị sự. Cụ thường xuyên gặp gỡ Sư cụ Huệ Quang, được Sư cụ khai ngộ nhiều nên cụ rất tích cực tham gia hoạt động hội ngoài giờ phải làm việc tại bưu điện. Năm 1946, trong cao trào toàn quốc kháng chiến, cụ bỏ công việc ở bưu điện và đưa gia đình tản cư vào vùng Việt Minh.

Năm 1947 cụ đi theo kháng chiến và gặp lại Sư cụ Huệ Quang tại Bến Thế, khi đó đang là Ủy viên Xã hội Ủy ban Kháng chiến tỉnh Trà Vinh, và cùng sống gần nhau đến cuối năm 1951.

Trong thời gian kháng chiến, cụ công tác tại Ban Kinh Tài Nam Bộ. Tập kết ra Bắc năm 1955, cụ công tác ở ngành bưu điện cho đến khi về hưu năm 1971.

Đất nước thống nhất, cụ về Nam sinh sống tại Trà Vinh và TP.HCM cho đến khi qua đời vào năm 2013, hưởng thọ 103 tuổi, những năm cuối đời cụ xuất gia với pháp danh là Giác Định.

Với đạo pháp, cụ Trần Thế là một Phật tử thuần thành; với đất nước và dân tộc, cụ là người yêu nước thương dân. Công trạng của cụ với Lương Xuyên Phật học hội cũng không nhỏ, Phật giáo Trà Vinh luôn kính ghi.

Nữ cư sĩ Lâm Nguyệt Ánh (Cô Hai Nguyễn Thạnh)

Cô Hai Nguyễn Thạnh tên thật là Lâm Nguyệt Ánh, còn gọi là cô Hai Hòa Thái, sinh năm 1925, lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, ở với chủ tiệm vải Hòa Thái, lớn lên lấy chồng mở tiệm buôn tạp hóa hiệu là Nguyên Thạnh.

Quy y với cụ tổ Thích Huệ Quang, công quả tại chùa Lương Xuyên 55 năm, khi chùa xuống cấp và hoang phế, thầy Minh Hà về trông coi, cô không còn đến Lương Xuyên chỉ đến công quả tại chùa Long Khánh. Cô là vị Phật tử thuần thành chuyên công quả nấu bếp tại các chùa, nhất là Lương Xuyên. Hiện cô đã 92 tuổi, được con cháu chăm sóc rất chu đáo tại nhà riêng ở phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Phật tử Lâm Nguyệt Ánh là một nữ Phật tử gắn bó với đạo pháp hơn nửa cuộc đời, không nổi bật, không phô trương, với công việc thầm lặng nơi bếp núc, một việc mà không phải ai cũng làm được, tuy không gọi là việc lớn nhưng rất quan trọng, vì đó là mạng sống của chư Tăng và Phật tử khi đến chùa. Công hạnh của cô là tấm gương xứng đáng cho chư vị nữ Phật tử noi theo, sự đóng góp của cô là công đức lớn mà Phật giáo Trà Vinh xem cô như là một vị tiền bối hữu công. ■

Chú thích:

1. Tạp chí *Duy Tâm* số 4 ra ngày 01 tháng 01 năm 1936, trang 216.



ĐỖ HỒNG NGỌC

Thiền là gì?

Theo Sư phụ học thiền đã nhiều năm vẫn chưa có một định nghĩa chính xác về thiền là gì nên một hôm nhân cùng Sư phụ bơi thuyền dạo chơi trên hồ nước mênh mông trước thiền viện, thấy Thầy có vẻ sáng khoái, vui tươi, người đệ tử đánh bạo hỏi:

- Thưa sư phụ, thiền là gì ạ?

Thầy chưa kịp trả lời thì chiếc thuyền bỗng lắc lư càng lúc càng mạnh rồi lật úp xuống. Người đệ tử không biết bơi, vùng vẫy sắp chết đuối đến nơi. Thầy vớt người đệ tử lên thuyền, vỗ vai nói:

- Thiền là vậy đó con!

Người đệ tử ướt như chuột lột, run rẩy, mặt mày tái mét và bỗng nở một nụ cười.

Thì ra thiền không phải "là gì" mà thiền là "vậy đó".

"Vậy đó" là giữa cái sống và cái chết, ta thấy biết thiền. Thiền trung gian giữa cái sống và cái chết. Từ bờ này qua bờ kia. Yết đế yết đế. Gaté, Gaté, Paragaté, Parasamgaté... Thiền như sự hồi thức: Qua đi, qua đi, qua luôn đi...

Nhưng chưa qua luôn được thì ở tạm cõi tạm vậy.

Tự tại và An lạc khi đã "chiếu kiến ngũ uẩn giai không".

Nhưng ở đây còn cụ thể hơn: Thiền là thở. Người đệ tử lo ngại suýt chết đuối, tìm cách vùng vẫy, trôi lên mặt nước để lấy hơi thở.

Thở một hơi thở. Ấy là thiền. Thở vào và thở ra. Chỉ có vậy mà vô vàn, mà "nói không được" (bất khả thuyết). Không ai có thể thở giùm ai được. Mỗi người phải tự thở cho chính mình. Mỗi người phải "nuơng tựa vào chính mình". Có sư phụ đó, nhưng sư phụ không thể thở giùm mình được, không thể thiền giùm mình được.

Krishnamurti bảo cái gì mà có định nghĩa thì luôn luôn thiếu sót.

Vô tâm

Chuyện kể một đệ tử từ xa lặn lội đến tìm thầy học đạo, bất kể gió mưa, băng tuyết. Vị thầy là một thiền sư từ Tây Trúc đến, tu thiền nhiều năm, ngồi nhìn vách đá. Đệ tử quỳ trước hang động suốt nhiều ngày đêm, áo quần ướt tả, đói lạnh, xanh xao... Vị thiền sư vẫn mặc. Cho đến một hôm, thấy thử thách như vậy là đã đủ, thiền sư quát hỏi:

"Người đến tìm ta có việc chi?"

Đệ tử lập cập thưa: "Con chỉ muốn được tâm an".

"Vậy người đưa tâm đây Ta an cho", thiền sư bảo.

Đệ tử bắt đầu cuộc hành trình tìm kiếm tâm. Có lẽ tâm ở trong thân. Có lẽ tâm ở sau con mắt. Có lẽ tâm ở mấy sợi thần kinh, ở mấy nếp nhăn trên vỏ não hay tâm ở vùng dưới đồi, hypothalamus... Không thấy đâu cả. Hay tâm ở ngoài thân. Ở nơi sắc tướng, nơi âm thanh, nơi mùi hương, nơi vị giác... cũng không thấy. Hay tâm là ý? Giác quan thứ sáu, núp sau năm giác quan tai mắt mũi lưỡi thân mà ai cũng biết. Cũng không thấy. Hay tâm là thức? Là cái nhận biết, biện biệt, so sánh, đánh giá nằm... sau cái ý, luôn xô đẩy con người vào chốn thị phi hơn kém, tham sân si, mạn, nghi, kiến? Cũng không phải. Hay tâm ở trong cái hũ chứa, còn gọi là tàng thức, tích góp đủ thứ trên đời, từ ngàn kiếp rong chơi, những chủng tử, những hạt mầm. Cũng không phải.

Đệ tử nói: "Con không tìm thấy tâm đâu cả".

Thiền sư nâng người đệ tử nhiều ngày đêm đã quỳ trên tuyết giá toàn thân gần như sắp đóng băng đứng

lên, cho dựa vào người mình rồi ân cần bảo:

"Vậy là ta đã an tâm cho con rồi đó".

Thì ra, tìm không thấy tâm đâu tức là đã làm cho tâm an. Mà thiệt. Tâm tưởng có mà không có. Không nắm bắt được. Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều không thể tìm thấy (bất khả đắc). Tâm vô sở trụ. Không trụ vào đâu cả, không dính vào đâu cả thì biết đâu mà tìm! Tâm mà trụ thì tâm bất an ngay, bị "quái ngại", bị "khủng bố" ngay. Tâm "vô sở đắc", "tâm bất sinh"...

Trong suốt hành trình tìm kiếm tâm đó có lẽ đệ tử đã mệt mỏi, đôi lần suýt ngã, rơi vào trạng thái vô ngã thực sự, đã không qua khỏi mắt vị thầy...

Đừng tìm kiếm mất công. Nó sẵn đó. Nó luôn sẵn đó. Văng vặc. Mênh mông. Thuần khiết. Thanh tịnh. Thường hằng. "Bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh..."

Khi Thức kia thành Trí thì đã trở thành một Đại viên cảnh trí" hay "Nhất thiết chủng trí". Mạt-na thành Bình đẳng chánh trí, không phân biệt nữa và giác quan thứ sáu kia thành Diệu quan sát trí. Chân không mà diệu hữu. Diệu hữu mà chân không. Vui thay!

Cho nên Trần Nhân Tông bảo: "Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền".

Tôi học được một chữ Hán. Chữ tướng, gồm một bên là chữ mộc (cây), một bên là chữ mục (mắt). Căn với trần gặp nhau thì thành cái tướng, cái hình thể, cái trình hiện, bày biện ra cho thấy. Khi thêm vào một chữ tâm thì thành chữ tưởng, sinh sự ngay, nào phân biệt, nào dính mắc, phan duyên lăng nhăng, chằng chịt, gỡ không ra!

Tiếng Việt hay thiệt: Tướng với Tưởng chỉ khác nhau chút xíu ở cái dấu sắc thành dấu hỏi đó thôi! ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 46 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Mỹ thuật tượng Zen Art : 10 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 9 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ

Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triêu, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, Cty Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ

Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **374 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;**

Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Những trở ngại cho việc hành thiền

NYANAPONIKA
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Cả thế giới quanh ta lẫn thế giới nội tâm của ta đều tràn ngập những lực lượng thù nghịch và mâu thuẫn, chỉ gây cho ta những đau khổ và thất vọng nào nề. Từ những kinh nghiệm cay đắng của chính mình, chúng ta biết rằng chúng ta không đủ can trường để đối phó và chế ngự những sức mạnh đối kháng ấy trong một cuộc đương đầu công khai. Ở ngoại giới, chúng ta không thể có đúng những gì mà chúng ta mong muốn; trong khi tại nội tâm, những đam mê, những thôi thúc và những tính khí bất thường vẫn gạt qua một bên mọi đòi hỏi về nghĩa vụ, về lý trí và về những khát vọng cao thượng của chúng ta.

Chúng ta cũng hiểu thêm rằng thường khi một tình thế không đáng mong muốn chỉ trở nên tệ hại hơn nếu có những áp lực lớn lao được sử dụng để chống lại nó. Những khát vọng đầy đam mê có thể tăng trưởng

manh mẽ hơn nếu con người cố gắng đè nén chúng chỉ bằng sức mạnh của ý chí. Tranh chấp và cãi cọ sẽ diễn tiến không cùng và càng lúc càng sôi sục hơn nếu chúng được tiếp sức bởi những lời đáp trả giận dữ hoặc những cố gắng vô vọng trong việc đè bẹp lập trường hay vị thế của đối phương. Một điều gây khó chịu trong lúc làm việc, lúc nghỉ ngơi hay khi thiền định sẽ được cảm thấy là nặng nề hơn và sẽ có ảnh hưởng kéo dài hơn nếu ta phản ứng với điều gây khó chịu ấy bằng sự bực mình, sự giận dữ hay những cố gắng nhằm đè nén.

Cứ như vậy, hết lần này đến lần khác, chúng ta luôn gặp những tình thế trong cuộc đời mà ở đó ta chẳng thể nào bắt ép được mọi việc theo ý mình. Thế nhưng vẫn có những phương cách làm chủ mọi nổi thăng trầm của cuộc đời và những mâu thuẫn trong tâm trí mà không phải sử dụng tới sự áp bức. Những biện

pháp phi bạo lực thường có thể thành công trong khi những cố gắng nhằm áp bức - dù thuộc nội tâm hay ngoại cảnh - đành chịu thất bại. Một đường lối phi bạo lực như vậy trong việc làm chủ đời sống và tâm thức chính là Niệm xứ. Bằng việc áp dụng có phương pháp sự chú ý đơn thuần, việc thực hành căn bản trong sự phát triển chánh niệm, tất cả những sức mạnh tiềm ẩn của một biện pháp không áp bức sẽ lần lần mở ra với những kết quả đầy lợi lạc cùng những dư hưởng rộng lớn đến không ngờ của chúng.

Trong bối cảnh này, chúng ta sẽ quan tâm chủ yếu đến những ích lợi của Niệm xứ cho việc làm chủ tâm thức và cho sự tiến bộ trong việc thực hành thiền định, điều có thể có kết quả nhờ một giải pháp không áp chế. Nhưng thỉnh thoảng chúng ta cũng sẽ nhìn thoáng vào những tác động ngược lại của giải pháp ấy trong cuộc sống hàng ngày. Sẽ chẳng khó khăn gì để một người đọc thận trọng thực hiện sự áp dụng chi tiết hơn nhằm đối trị với những vấn đề của chính mình.

Những sức mạnh đối kháng xuất hiện trong lúc thiền định và phải chịu trách nhiệm về việc gây trở ngại cho tiến trình phẳng lặng của việc hành thiền thuộc ba loại:

1. Những sự xáo trộn do ngoại giới mang lại như tiếng ồn;
2. Những cấu uế của tâm thức như những sự thèm khát, giận dữ, bồn chồn, bất mãn, lừa dối... thường có thể xuất hiện vào bất cứ lúc nào trong lúc đang hành thiền; và
3. Những suy nghĩ lan man lạc lối tình cờ hoặc sự nhượng bộ trước những mơ tưởng hão huyền.

Những điều gây xao lãng đó là những chướng ngại lớn đối với những người mới bước đầu thực hành thiền định, vốn chưa gặt hái đủ sự khéo léo để đối phó với chúng một cách có hiệu quả. Chỉ suy nghĩ không thôi về những yếu tố gây xáo trộn đó khi chúng thực sự xuất hiện trong lúc hành thiền thì quả là còn thiếu sót. Khi bị bắt gặp là chưa chuẩn bị gì cả cho sự phòng ngừa những điều gây xao lãng đó, một người mới học thiền định sẽ vụng vầy chống trả chúng theo một phương cách không hiệu quả và ít nhiều bối rối; thêm vào đó là một cảm giác bứt rứt mà tự nó, sự bứt rứt ấy chính là một chướng ngại phụ trội. Nếu có những rắc rối thuộc bất kỳ loại nào xảy ra - kéo theo những phản ứng kém thiện xảo đối với chúng - vài lần trong một thời hành thiền, một hành giả sơ cơ có thể có cảm tưởng chán nản tột cùng và bứt rứt đến nỗi có thể từ bỏ mọi cố gắng thiền định, ít nhất là trong trường hợp hiện hành.

Quả thực, ngay cả đối với những thiền giả đã có được những thông tin khá đầy đủ - qua sách vở hay bởi sự hướng dẫn của một vị thầy - về những chi tiết liên quan đến chủ đề thiền định, những người ấy vẫn thường thiếu sự chỉ dẫn về việc làm thế nào để đối phó

bằng sự thiện xảo trước những rắc rối mà họ có thể gặp phải. Cái cảm giác không được giúp đỡ khi đối mặt với chúng là sự khó khăn lớn lao của một thiền giả sơ cơ. Bấy giờ, không ít người chấp nhận thua cuộc, sớm từ bỏ mọi cố gắng thêm nữa trong việc thực hành có phương pháp. Cũng như mọi công việc thể tục, việc hành thiền cũng thế, cách thức đối phó với những khó khăn ban đầu của một người thường có tính cách quyết định cho việc thành công hay thất bại của người ấy.

Khi phải đối mặt với những nhiễu loạn nội tâm hay ngoại cảnh, người bắt đầu thực hành thiền định thiếu kinh nghiệm hoặc không được hướng dẫn đầy đủ thường phản ứng theo hai cách. Trước tiên, người ấy sẽ nhẹ nhàng xua đuổi điều rắc rối ấy đi, và nếu thất bại trong việc này, người ấy sẽ cố gắng đè nén chúng chỉ bằng ý chí đơn thuần. Nhưng những nguyên nhân gây xao lãng ấy chẳng khác gì những con ruồi hỏn xược: bằng việc xua đuổi - ban đầu thật nhẹ nhàng; thế rồi với sự mạnh mẽ và cơn giận dữ càng lúc càng tăng - người ấy có thể dẹp yên những yếu tố gây xao lãng ấy trong phút chốc; nhưng thường thì chúng sẽ trở lại với một sự kiên trì đáng bực mình; cuối cùng, sự cố gắng và nỗ lực mệt mỏi của việc xua đuổi ấy chỉ mang lại một sự nhiễu loạn phụ trội vào thái độ bình tĩnh của vị thiền giả sơ cơ.

Niệm xứ, thông qua phương pháp chú ý đơn thuần, cung cấp một giải pháp không bạo lực thay cho những cố gắng vô ích và còn có thể có hại của việc đàn áp bằng sức mạnh như thế. Một tiến trình không bạo lực trong việc kiểm soát tâm thức phải được khởi đầu bằng một thái độ thích hợp. Trước hết, ở đây phải có một sự nhận thức đầy đủ và một sự chấp nhận tinh táo về thực tế là ba yếu tố nhiễu loạn kể trên vốn cùng chung sống với ta trong thế giới mà ta đang sống, cho dù chúng ta có muốn hay không. Thái độ không chấp nhận chúng của chúng ta không hề làm thay đổi sự thật. Có những yếu tố mà ta phải gọi tên chúng ra; và có những yếu tố khác - những cấu uế trong tâm thức - chúng ta phải xem xét đến. Có như thế, chúng ta mới học được cách xử lý chúng một cách có hiệu quả cho đến khi chúng hoàn toàn bị khuất phục.

1. Vì lẽ chúng ta không phải là những cư dân duy nhất trong cái thế giới đông đúc này, luôn luôn có vô số những yếu tố gây xao lãng thuộc nhiều loại khác nhau ở ngoại giới; từ tiếng ồn cho đến việc bị làm gián đoạn bởi những người khách bất ngờ. Chúng ta không thể luôn luôn sống trong một tình trạng cách ly hoàn toàn với tiếng ồn do cuộc sống chung quanh tạo ra, cũng không thể ở trong một "tháp ngà" vượt hẳn mọi đám đông. Việc thực hành thiền định đúng mực không phải là khuyh hướng trốn tránh thực tại; thiền định không có nghĩa là mang lại một chỗ trú ẩn cho sự quên lãng tạm thời. Hoạt động thiền định thực tế có mục tiêu là huấn luyện tâm thức để đối mặt, hiểu biết, và chế ngự cái thế giới mà



chúng ta đang sống. Và hiển nhiên, thế giới này có vô số trở ngại cho cuộc sống thiền định.

2. Vị thiền sư người Miến Điện Mahasi Sayadaw nói, “Ở một con người trần tục chưa được giải thoát, chắc chắn là những cấu uế của tâm thức cứ xuất hiện trở đi trở lại. Người này phải đối diện với sự thật ấy và biết rõ về những cấu uế ấy để thường xuyên ứng dụng giải pháp thích hợp của Niệm xứ. Thế rồi những cấu uế ấy sẽ càng lúc càng yếu đi, yếu mệnh đi, và cuối cùng thì sẽ biến mất”. Cho nên, đối với các thiền giả, biết về sự xuất hiện và bản chất của những cấu uế của tâm thức cũng quan trọng như là biết về sự xuất hiện của những ý nghĩ cao đẹp của mình.

Bằng cách đối diện với những cấu uế tâm thức của chính mình, hành giả sẽ được kích thích để gia tăng mọi nỗ lực nhằm loại bỏ chúng. Mặt khác, nếu do sự ngại ngùng hay tự hào vô lối mà hành giả cố gắng không thèm biết đến những cấu uế ấy khi chúng xuất hiện, hành giả sẽ không bao giờ nhìn thẳng vào chúng để tranh biện, cũng như sẽ luôn luôn tránh né một cuộc đối đầu có tính cách quyết định và cuối cùng đối với chúng. Bằng cách tấn công vào những cấu uế ấy một cách mù lòa, hành giả sẽ chỉ đi đến chỗ kiệt sức mệt hoặc tự bị thương tổn. Thế nhưng, với sự quan sát cẩn thận về bản chất và hành vi của những cấu uế ấy khi chúng xuất hiện trong tâm thức của mình, hành giả sẽ có khả năng ở trong tình trạng đã được chuẩn bị sẵn sàng để đối đầu với chúng, và cuối cùng hoàn toàn trục xuất chúng ra khỏi tâm thức. Cho nên, hãy đối đầu với mọi cấu uế trong tâm thức của mình bằng một cái nhìn tự do và công khai! Đừng ngại ngùng, sợ hãi hay mất tinh thần!

3. Những yếu tố còn lại có thể gây rối cho tâm thức của người hành thiền là những suy nghĩ lan man và những mơ tưởng hão huyền. Nhóm này có thể bao gồm những ký ức và hình ảnh khác nhau của quá khứ, gần hay xa, kể cả những dữ kiện nổi lên từ trong sâu thẳm của vùng tiềm thức; những suy nghĩ về tương lai, như việc lập kế hoạch, việc tưởng tượng, sự sợ hãi, sự hy

vọng...; và những cảm tưởng bất chợt có thể diễn ra ngay trong lúc hành thiền, thường kéo theo với chúng một chuỗi dài lê thê những ý tưởng có liên hệ. Bất kỳ khi nào sự tập trung và sự chú tâm trở nên trì trệ, những suy nghĩ lan man và những mơ tưởng hão huyền liền xuất hiện để lấp chỗ trống. Mặc dù tự thân chúng có vẻ không đáng kể, nhưng do xuất hiện thường xuyên, chúng tạo nên một trở ngại ghê gớm, không chỉ đối với những hành giả sơ cơ, mà trong mọi trường hợp khi tâm thức bất an hay bị xao lãng. Tuy nhiên, khi những yếu tố gây trở ngại ấy đã được giải quyết, hành giả có thể thành tựu cả những thời thiền định liên tục kéo dài. Tương tự trường hợp những cấu uế của tâm thức, những suy nghĩ lan man chỉ có thể bị loại bỏ hoàn toàn ở tầng A-la-hán, khi niệm tâm hoàn hảo đã đạt được luôn luôn bền bỉ quán sát ngay cửa ngõ của tâm.

Nếu chúng có ích cho việc định hướng thái độ của chúng ta, tất cả những sự kiện liên quan đến ba loại yếu tố gây trở ngại nói trên cần phải được xem xét đúng mức và phải được tâm thức của chúng ta chú ý đến. Thế rồi, trong chính ba yếu tố gây rối loạn ấy, sự thật cao quý về khổ sẽ tự thể hiện thật sắc sảo thông qua chính kinh nghiệm cá nhân của hành giả “Không đạt được điều mong muốn là khổ”. Ba sự thật cao quý kế tiếp cũng sẽ được minh họa rõ rệt bằng cách dẫn chiếu cùng một tình thế ấy. Theo đường lối này, ngay cả khi phải xử lý những trở ngại, hành giả vẫn luôn luôn ở trong Niệm xứ. Hành giả sẽ thể nhập vào sự nhận thức tỉnh giác của Tứ diệu đế, một bộ phận của niệm pháp. Đó là đặc điểm của chánh niệm, và một vài trong những nhiệm vụ của chánh niệm là liên hệ những kinh nghiệm thật của đời sống với chân lý của giáo pháp và sử dụng những kinh nghiệm ấy như những cơ hội cho việc thực hành thiết thực. Sẵn sàng ở giai đoạn tận hiến ban đầu này cho việc định hình một thái độ đúng đắn và hữu dụng, chúng ta có sự thử nghiệm thành công đầu tiên của chúng ta về những biện pháp hòa bình: bằng cách hiểu rõ hơn về đối phương của mình và với phương pháp mang tính cách tình cảm, chúng ta đã củng cố được vị trí của chúng ta vốn lúc trước thật là yếu kém; và bằng cách chuyển hóa đối phương của chúng ta thành những người thầy về chân lý, chúng ta đã lôi kéo được từ đó những thuận lợi ban đầu. ■

Nguồn: Obstacles to Meditation, trích từ *The Power of Mindfulness*, Ven. Nyanaponika Thera, Buddha Dharma Education Association Inc.

Tác giả: Trưởng lão Nyanaponika (1901-1994) thế danh là Siegmund Feniger, người Đức gốc Do Thái, tu theo Phật giáo Nguyên thủy, thọ giới và hành đạo ở Sri Lanka, đồng sáng lập Buddhist Publication Society để phổ biến sách báo Phật giáo, tác giả nhiều tác phẩm Phật giáo đem lại nhiều lợi ích cho những người thực hành Phật pháp trên khắp thế giới.

Đừng bắt trẻ thơ mặc chiếc áo quá rộng

ĐẶNG TRUNG CÔNG

Sự tác động của truyền thông đã biến đứa trẻ trở nên sành sỏi trong thế giới người lớn. Chúng đánh mất đi tuổi thơ của mình quá sớm để khoác vào người những chiếc áo trưởng thành to tướng. Tất cả đều là sự toan tính tàn nhẫn của người lớn.

Văn nghệ là món ăn tinh thần không thể thiếu đối với mọi người, nhất là trẻ con. Thời đại sân chơi ngoài trời ngày càng thu hẹp để nhường chỗ cho những tòa cao ốc, sinh hoạt giải trí của trẻ thơ cũng vì thế mà teo tóp theo. Nắm bắt được tình hình đó, các đài truyền hình, các công ty truyền thông ra sức khai thác những cuộc thi truyền hình thực tế dành cho thiếu nhi. Điều đó rất tốt, vì có thể giúp trẻ con sống trong môi trường lành mạnh, mạnh dạn giao tiếp, hòa nhập với cộng đồng, thay vì ngồi dán mắt vào màn hình máy tính, máy điện thoại thông minh. Tuy nhiên, không phải chương trình nào cũng mang tính nhân văn. Do chạy theo lợi nhuận, người lớn đã biến trẻ con thành cỗ máy kiếm tiền và đã thân nhiên phù phép khiến các bé thành người khác.

Sự thành công của *Giọng hát Việt nhí* (The voice kids Viet Nam) ngay từ mùa đầu tiên (2013) có mang lại nhiều lời khen nhưng cũng không ít tiếng chê. Do không có qui định và phân loại bài hát, nên thí sinh nhí cứ vô tư hát nhạc người lớn loạn xạ. Có những bài mang nội dung yêu ông bà, cha mẹ, quê hương, đất nước... thì không có gì bàn cãi.

Chỉ tiếc là để trẻ hát những bài về tình yêu đôi lứa. Cứ nhìn những đứa trẻ với gương mặt hồn nhiên, thân hình bé bỏng nhưng lại "phiêu" trong những ca từ sặc mùi yêu đương, ân ái rất chi là choáng. Ở mùa *Giọng hát Việt nhí* đầu tiên, nếu như á quân Phương Mỹ Chi thể hiện những bài như: *Ru lại câu hò*; á quân Trần Ngọc

Duy hát bài *Sóng tình*; thì quán quân Nguyễn Quang Anh ca *Đá trông chồng*. Toàn những bài ai oán, tình yêu trai gái, vợ chồng.

Phụ huynh càng bàng hoàng hơn với chương trình *Gương mặt thân quen nhí*. Đây là chương trình đòi hỏi thí sinh nhí bắt chước những ngôi sao lớn. Nhìn trẻ con đứng trên sân khấu trong vai trò của một nhân vật khác đã khiến cho nhiều bậc cha mẹ lo lắng. Họ sợ rồi đây, những đứa trẻ lớn lên sẽ trở thành những bản sao mà không chịu sáng tạo. Tại sao lại dạy trẻ bắt chước người khác mà không phải là chứng tỏ tài năng từ bản thân mình. Chẳng phải ngay từ nhỏ chúng ta luôn ra sức cổ vũ trẻ phát triển khả năng tư duy, sáng tạo để tương lai trở nên "khác biệt" hay sao? Vậy có gì để con em cứ bắt chước giọng hát người này, phong cách người kia, hình tượng người nọ? Bởi dù có bắt chước giỏi thì cũng chỉ là chiếc bóng của người khác và theo thời gian cũng bị lu mờ. Đó là chưa nói, trong chương trình *Gương mặt thân quen* còn có cảnh thí sinh nam giả con gái, uốn éo, múa may trông rất hài hước. Khó coi nhất là trong chương trình *Vietnam's Got Talent 2014*, cậu bé Đức Vĩnh đã cố gắng uốn éo để trở thành nàng Thị Mầu lẳng lơ. Các bé sẽ học được gì từ sân chơi "bắt chước" này?

Trẻ con là những búp non trên cành. Chỉ cần một cơn gió độc thổi nhẹ cũng đủ làm trẻ sa ngã. Vì vậy hãy cho trẻ được sống với đúng tuổi của chúng bằng những sân chơi lành mạnh, bổ ích. Đặc biệt, lứa tuổi trẻ thơ luôn định hình nhân cách, tính nết cũng như thói quen, cho nên đừng bắt trẻ phải giả trai hay giả gái, trái với giới tính, khiến cho tuổi trưởng thành có thể bị chi phối bởi tâm sinh lý. ■



Bóng ma tự hủy diệt

HỒ ANH THÁI

C huyện thường thấy là thế này: phóng viên gặp được một người nước ngoài, trong phỏng vấn không quên đặt một câu hỏi. Ông bà nghĩ gì về kinh tế Việt Nam. Nghĩ gì về múa rối nước Việt Nam. Nghĩ gì về dàn nhạc dân tộc Việt Nam. Nghĩ gì về cái này và về cái nọ. Phần lớn các ông Tây bà Mỹ đều cắn câu. Có gì mà không thể trả lời. Những câu có gì nói nấy của họ lập tức được vồ lấy, được trưng lên, như sự phô trương đắc thắng của phóng viên: Đấy nhè Tây nó nhận xét như vậy, Mỹ nó bình luận như vậy, nó thích cái này và không thích cái kia của ta.

Nhà văn Mỹ Wayne Karlin có lần cũng được một cô phóng viên Việt Nam hỏi một câu, đại loại ông thấy văn học Việt Nam nên đi theo hướng nào. Wayne Karlin không cắn câu, ông rất tỉnh táo mà rằng: Văn học Việt Nam có sự vận động tự thân của nó kèm theo ý thức về dòng chảy chung của thời đại. Ý kiến của tôi không thể tác động được gì vào đường hướng ấy.

Nói riêng với tôi sau đó, ông bảo: Tôi biết là cô ấy muốn dùng tôi như một trọng tài, như một chuẩn mực, cô ấy mượn tôi để nhắc nhở văn học Việt Nam. Đó là vai trò tôi không thể và không muốn thực hiện.

Không hề mới mẻ. Không hề lạ. Chủ ý của các vị phóng viên vừa nói ở trên thuộc về hội chứng so sánh. Một số triết gia Âu - Mỹ hiện đại gọi nó là bóng ma so sánh (spectre of comparison). Cái bóng ma ấy

nó ám ảnh các nước thời hậu thuộc địa. Là ma nên nó ẩn hiện, nó phủ bóng, nó lảng vảng đây đó, nó có thể là thứ có thể đem ra dọa lẫn nhau. Chủ nghĩa thực dân khi đã đi khỏi các xứ thuộc địa thì vẫn để lại con ma này, cho các bạn bản địa giữ làm vốn, làm của để dành, để có cái mà hù dọa nhau.

Người bình dân thì lan truyền một lối sống mà họ cho là của Tây. Tây nó thường ăn thế này mặc thế này. Tây nó thường xử sự với phụ nữ thế này với đàn ông thế kia. Tây nó thường đeo kính kiểu này xách túi kiểu nọ.

Với hệ thống quản lý nhà nước xã hội, không thiếu những ý kiến như Tây nó tổ chức bầu cử kiểu này lập nội các kiểu kia. Tây nó làm kinh tế kiểu kia và xây dựng các mô hình kiểu ấy.

Với văn hóa nghệ thuật thì Tây nó viết kiểu này, chỉ huy dàn nhạc kiểu nọ, dàn dựng vở diễn kiểu này, làm nghệ thuật đường phố kiểu khác.

Vân vân và vân vân.

Nói chung là Tây nó không làm như ta. Ta làm như thế này là chưa đúng, chưa chính xác, chưa hay.

Những so sánh như vậy nhiều khi là cần thiết, để mà quan sát học hỏi tham khảo bên ngoài, để mà cải tiến mà thay đổi mà phát triển mà không giảm phải vết xe đổ của người đi trước hoặc người đồng hành.

Nhưng rất nhiều khi so sánh như vậy chỉ nhằm để hù dọa nhau, để không chịu công nhận nhau, để chê



bai người đang làm việc trong khi bản thân mình thì không chịu làm việc.

Bóng ma so sánh ám ảnh đã giúp người tạo ra ma dựng lên được một khuôn mẫu một chuẩn mực một thước đo để rồi áp mọi thứ của đời sống đa dạng phong phú vào cái khuôn chật hẹp. Không vừa khuôn là coi như không đúng, không phù hợp, không đẹp không tốt, là coi như bỏ đi. Cái khuôn Tây. Chất thải của Tây. Phân Tây. Người mang ma đi dọa chính là người giã phải phân Tây mãi không hết mùi.

Nhiều năm sau này, ở châu Á dấy lên một khái niệm một phong trào gọi là Asianism, tinh thần châu Á. Tinh thần châu Á khuấy động lên phong trào lập lại cân bằng khi mà giá trị phương Tây đang ngập tràn đang lây lan đang bao phủ khắp nơi. Hệ thống thông tin đại chúng đang thiên lệch văn hóa phương Tây được cân đối lại bằng một dòng văn hóa châu Á. Báo chí phát thanh truyền hình chủ ý tập trung khai thác nhiều hơn những giá trị châu Á. Ở ta nhiều năm nay văn hóa Đông Âu bị bỏ quên, văn hóa Nam Mỹ và văn hóa châu Phi bị mờ nhạt, thì nay người làm báo có ý thức cần chú ý cân đối trở lại.

Tinh thần châu Á, tinh thần phương Đông được chú trọng đề cao vào thời buổi này dù sao cũng có cái gì mang tính thụ động, như là sự chống trả, sự phản công hơn là sự chủ động sự tự nhiên. Chắc không tránh khỏi những thái độ gồng mình lên.

Chắc sẽ không thể không vấn vương một thời oanh liệt, theo kiểu: phương Đông là cái nôi của văn minh nhân loại, dăm bảy nghìn năm trước, phương Tây còn đang ăn lông ở lỗ thì phương Đông đã xây Kim Tự Tháp Ai Cập, đã xây nhà tắm công cộng và nhà vệ sinh công cộng ở Mohenjo Daro thuộc Ấn Độ cổ đại, đã xây thành quách lâu đài cung điện. Một thời hoàng kim một thời vàng son một thời thành tựu lừng lẫy. Những giá trị xưa được nhắc lại để có thể tiến bước mà tự tin mà không mặc cảm, không phải nhắc lại chuyện ngày xưa ta thuộc loại danh gia vọng tộc để bây giờ có niềm an ủi mà cần răng chịu cảnh suy vi. Không phải vì quá vãng huy hoàng mà có thể không chịu thừa nhận rằng hiện tại mình đang bị bỏ lại một quãng dài đằng sau.

Nhưng cũng không mặc cảm, không tự hạ thấp, không hoảng hốt trước cái bóng ma dân mình tự tạo ra để tự hù dọa. Lập đi lập lại cái tâm lý lấy người Âu - Mỹ làm chuẩn mực làm trọng tài. Giống như tâm lý trẻ con với nhau, có điều gì không tự giải thích được là tao về tao hỏi bố tao. Bố tao bảo đúng là đúng, bố tao bảo sai là sai.

Nhưng mà rất nhiều khi phải như thế này: Âu - Mỹ không phải là bố tao, và ai thì cũng theo dòng phát triển tự nhiên, cũng đến lúc qua thời thơ bé, người ta phải lớn lên và đã lớn lên, phải trưởng thành và đã trưởng thành. ■



Thành phố khẩu trang

LÊ HẢI ĐĂNG

Cố Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu từng dựa vào hệ thống cây xanh để “bắt mạch” tình trạng sức khỏe bầu không khí quốc gia. Theo đó, cây xanh cung cấp những chỉ báo quan trọng liên quan đến lượng ô-xy, khí thải...

Đối với nhiều đô thị ở nước ta, có lẽ chưa cần đến hệ thống cây xanh hay tấm bảng điện tử công bố thông tin về phẩm chất không khí... mà chỉ quan sát chiếc khẩu trang hiện diện một cách thường xuyên trên khuôn mặt người dân là có thể nhận biết được thực trạng bầu không khí.

Khẩu trang từ lâu đã trở thành thứ phụ kiện không thể thiếu khi ra đường của mọi tầng lớp cư dân đô thị. Ban đầu, khẩu trang xuất hiện lác đác trên những người có cơ địa dị ứng với bầu không khí kém phẩm chất, dần dần phát triển tới mức phổ biến. Nó khiến cho vẻ đẹp trên khuôn mặt người Việt Nam bị che đậy một cách bất đắc dĩ và vô lý.

Sau sự kiện 11 tháng 9 năm 2001, nhiều người từng đùa rằng: vệ tinh Mỹ quan sát từ trên không gian phát hiện thấy dân ta đa số ủng hộ Bin Laden! Vì, ở đây, mọi người ra đường đều bịt mặt giống như tín đồ Hồi giáo.

Trên thực tế, tại những quốc gia Hồi giáo Trung Đông chỉ có phụ nữ mới phải che mặt khi ra đường. Nó phản ánh tình trạng bất bình đẳng về giới hơn là phẩm chất bầu không khí. Ngoài ra, người phụ nữ Hồi giáo bịt mặt xuất phát từ truyền thống văn hóa lâu đời, nó thuộc về sự lựa chọn văn hóa. Còn ở ta, khi người dân nói chung không thể lựa chọn được bầu không khí trong lành, nên đành chấp nhận khẩu trang.

Năm 2003, Hong Kong từng xảy ra đại dịch Sars, người ta đã lấy hình ảnh thành phố khẩu trang làm hình tượng nhằm chuyển đi bức thông điệp về tình trạng khủng hoảng xã hội.

Điều bất thường, dị thường này đã trở thành bình thường, thông thường ở đô thị nước ta. Người dân hễ ra đường là phải có khẩu trang bịt mặt, từ trẻ nhỏ đến người già, từ phụ nữ đến nam giới, ai nấy đều gắn bó thân thiết với chiếc khẩu trang. Khẩu trang giờ đã trở thành hình ảnh quen thuộc ở thành phố, một hiện tượng bình thường đến mức bất thường. Chưa một vị lãnh đạo nào dám tuyên bố sẽ “lột” được chiếc khẩu trang trên khuôn mặt người dân nhằm trả lại vẻ đẹp tự tin, rạng ngời cho cư dân đô thị.



Việc che đậy vẻ mặt bất đắc dĩ này có thể bị đánh đồng giữa người ngay và kẻ gian. Trên kênh truyền hình Quân đội hàng ngày phát bản tin về tình hình truy nã tội phạm. Hình ảnh những tên tội phạm bị truy nã trên toàn quốc được cập nhật thường xuyên cho người xem có thể phát hiện, kịp thời tố giác. Song, với hiện trạng khẩu trang bịt mặt phổ biến như hiện nay, dù có mong muốn tố giác kẻ phạm pháp cũng bó tay, vì chúng ta nói chung không tài nào phát hiện được dung nhan con người ẩn sau lớp khẩu trang bịt kín mít, che khuất bộ mặt thật.

Khẩu trang trước kia xuất hiện chủ yếu trong bệnh viện, những y tá, bác sĩ với bộ đồng phục trắng và tấm khẩu trang trên khuôn mặt phần nào đem đến cho bệnh nhân cảm giác yên tâm, vì biết mình đang nhận được sự chăm sóc của nhân viên y tế. Ngày nay, khẩu trang đã phá vỡ thế độc quyền của bác sĩ hay những người làm việc trong môi trường độc hại.

Khẩu trang hiện diện khắp nơi, khắp chốn, hễ ra đường là thấy khẩu trang, khẩu trang tràn vào môi trường công cộng, "thập diện mai phục". Lắm khi người quen gặp nhau làm ngơ, vì sự nhầm lẫn bởi chiếc khẩu trang. Bạn bè, hàng xóm chào nhau bằng thái độ dửng dưng bởi ngộ nhận từ chiếc khẩu trang. Phương cách ngụy trang bằng khẩu trang đã khiến cho bộ mặt thân quen trở nên xa lạ và bộ mặt phạm pháp được cất dấu kỹ lưỡng đằng sau tấm khăn bịt mặt. Người nổi tiếng, người quen, tội phạm... tất cả đều giống nhau, đều che đậy bộ mặt thật dưới lớp vỏ khẩu trang.

Thỉnh thoảng có những bãi đậu xe yêu cầu người điều khiển phương tiện kéo khẩu trang xuống cho

máy quét nhận dạng, khi ấy chúng ta lại có một cảm giác khó chịu tương tự như đối diện trước cơ quan điều tra. Qua đó thấy rằng từ lúc nào không biết, khẩu trang đã làm thay đổi thói quen văn hóa, kể cả tâm lý con người. Có nhiều người mang theo cả thói quen đeo khẩu trang vào những nơi chẳng cần thiết phải sử dụng, như trên xe buýt, trong công viên... có lẽ, họ ngại lột khẩu trang ra rồi lại phải đeo lên.

Chùng nào, chiếc khẩu trang chưa thấy mình trở nên trở tráo, dư thừa, tạo thành nỗi bức bối, ngột ngạt cho người sử dụng thì tình trạng khẩu trang ra đường vẫn là lựa chọn thiết yếu. Nó phản ánh bầu không khí tệ hại của thành phố đến mức phải lệ thuộc vào chiếc khẩu trang nhằm thể hiện trách nhiệm cá nhân trước cơ quan quan hô hấp của mình.

Người sống và người chết nói chung phân biệt nhau ở hơi thở. Một người bình thường một ngày có thể ăn ít nhiều khác nhau, nhưng ai cũng phải hít thở 24/24. Tình trạng bệnh viện quá tải, bệnh nhân liên quan đến đường hô hấp gia tăng, thậm chí kể cả bệnh huyết áp, tim mạch, đột quỵ... đều liên quan mật thiết với chất lượng bầu không khí.

Thành phố đang trong giai đoạn xây dựng, phát triển đến mức độ ngổn ngang, không thiếu những khu vực giống như đóng xà bần, cộng hưởng sự gia tăng liên tục của các phương tiện giao thông, máy điều hòa nhiệt độ, cây xanh thưa thớt, số lượng cây chặt nhiều hơn trồng, rừng ngày một cạn kiệt, thông điệp Hãy tự cứu lấy mình khiến cho con người càng trở nên ích kỷ, hẹp hòi, tự tư, tự lợi, ai cũng chỉ lo đến bản thân và khi đó khẩu trang vẫn sẽ là người bạn đồng hành, thân thiết gửi đi bức thông điệp về tình trạng tồi tệ của bầu không khí. ■



Vừa rao giảng lòng từ vừa giết thịt là thế nào

MATTHIEU RICARD
HOANG PHONG dịch

Matthieu Ricard, người Pháp, vốn là một nhà khoa học nghiên cứu về Di truyền học phân tử; nhưng ông đã trở thành một nhà sư Phật giáo và nổi tiếng với tác phẩm Lượng tử và Hoa sen (The Quantum and the Lotus) viết chung với nhà Thiên văn học người Việt Trịnh Xuân Thuận. Mới đây, ông cho ra đời quyển sách Plaidoyer pour les animaux (Bênh vực cho loài thú vật) do Nhà xuất bản Allary Editions phát hành.

Dưới đây là bản dịch bài phỏng vấn ông với tựa đề Comment prêcher la compassion et tuer pour manger (Làm thế nào có thể vừa quảng bá lòng từ bi lại vừa giết súc vật để ăn) do nữ ký giả Elisabeth Marshall thực hiện và được đăng trên tạp san Thiên Chúa giáo La Vie (Sự Sống) ra ngày 7-10-2014.

Elisabeth Marshall (**EM**): Mọi người đều biết ông là một người thật nhân từ, thế nhưng vì lý do nào mà hôm nay ông lại cho thấy mình còn là một người bạn của loài súc vật?

Matthieu Ricard (**MR**): Thái độ đó không nhất thiết phát sinh từ sự yêu quý súc vật quá đáng, mà đúng hơn là một cung cách hành xử khi nào đã ý thức được các mối dây liên hệ giữa chúng ta và các chúng sinh có giác cảm khác, và nhận thấy được những sự khổ đau mà chính chúng ta đã gây ra cho chúng. Sáu mươi tỷ sinh vật bị sát hại hàng năm trên hành tinh này. Con người đã biến súc vật thành những thứ hàng hóa tiêu dùng, và xem chúng là những bộ máy cơ khí sản xuất các khúc xúc xích đủ loại. Thật ra thì đấy cũng chỉ là cách mang lại tai hại cho tất cả, trước hết là cho loài súc vật và sau đó là cho cả loài người chúng ta. Đấy là cách mà chúng ta tự nghiền nát lương tâm đạo đức của mình, làm phương hại đến sức khỏe của mình và hủy hoại cả môi trường sống trong tương lai.

Chúng ta từng đạt được thật nhiều tiến bộ quan trọng trên phương diện nhân quyền, thế nhưng trên một bình diện khác thì chúng ta lại biến súc vật thành

những món hàng hóa tiêu dùng. Chúng ta thường quên mất là súc vật cũng biết đau đớn và sợ hãi, và chúng cũng có quyền được sống như chính chúng ta. Tôn trọng quyền hạn đó không phải là một hình thức “nhân phẩm hóa” súc vật mà chỉ là một cách trải rộng lòng thương cảm của mình đến tất cả chúng sinh. Mỗi lần nghĩ đến loài chim barge rousse¹ có thể bay xa hàng 10.000 cây số bằng cách định hướng nhờ vào vị trí của các vì sao trên trời, và trong khi đó thì tôi vẫn cứ thường hay đi lạc trong các đường phố Paris, thì tôi lại hiểu rằng loài chim ấy có những phẩm năng mà tôi không hề có được. Vì thế thiết nghĩ đôi khi chúng ta cũng nên khiêm nhường một chút!

EM: Con người từ nguyên thủy không ăn thịt. Vậy có phải là ông chủ trương nên quay về với bối cảnh của các thời kỳ sơ khai với các mối tương quan khác hơn giữa con người và muông thú: có nghĩa là trở về với lối sống bằng cách nhặt hái hoa quả, trước khi chuyển sang cách sống bằng chăn nuôi hay không?

MR: Đối với giống người Australopithecus² thì 83% thức ăn của họ là hoa quả. Không mấy khi họ ăn thịt, các trường hợp này thật hiếm hoi và chỉ xảy ra vào những dịp khi họ tìm thấy xác chết của một con vật. Tiếp theo đó là một thời kỳ thật dài của giống người Neanderthal³ chuyên ăn thịt. Sau đó con người bắt đầu sống định cư: canh nông và chăn nuôi phát triển. Gần đây hơn, tức là cách nay khoảng từ 3.000 đến 4.000 năm, con người bắt đầu thuần hóa thú rừng để biến chúng thành gia súc: chẳng hạn như chó sói, ngựa, dê và sau đó là mèo ở Ai Cập. Giai đoạn biến thú rừng thành gia súc đã làm thay đổi hẳn mối tương quan giữa con người và súc vật. Thật hết sức lạ lùng, cũng vào thời kỳ này đã phát sinh ra chế độ nô lệ trong vùng lãnh thổ của dân tộc Samur⁴! Các biến chuyển trên đây đã làm nảy sinh ra ý nghĩ cho rằng con người có quyền khai thác các chúng sinh khác nhằm mang lại lợi nhuận cho mình. Đấy chính là quá trình làm hạ phẩm giá kẻ khác.



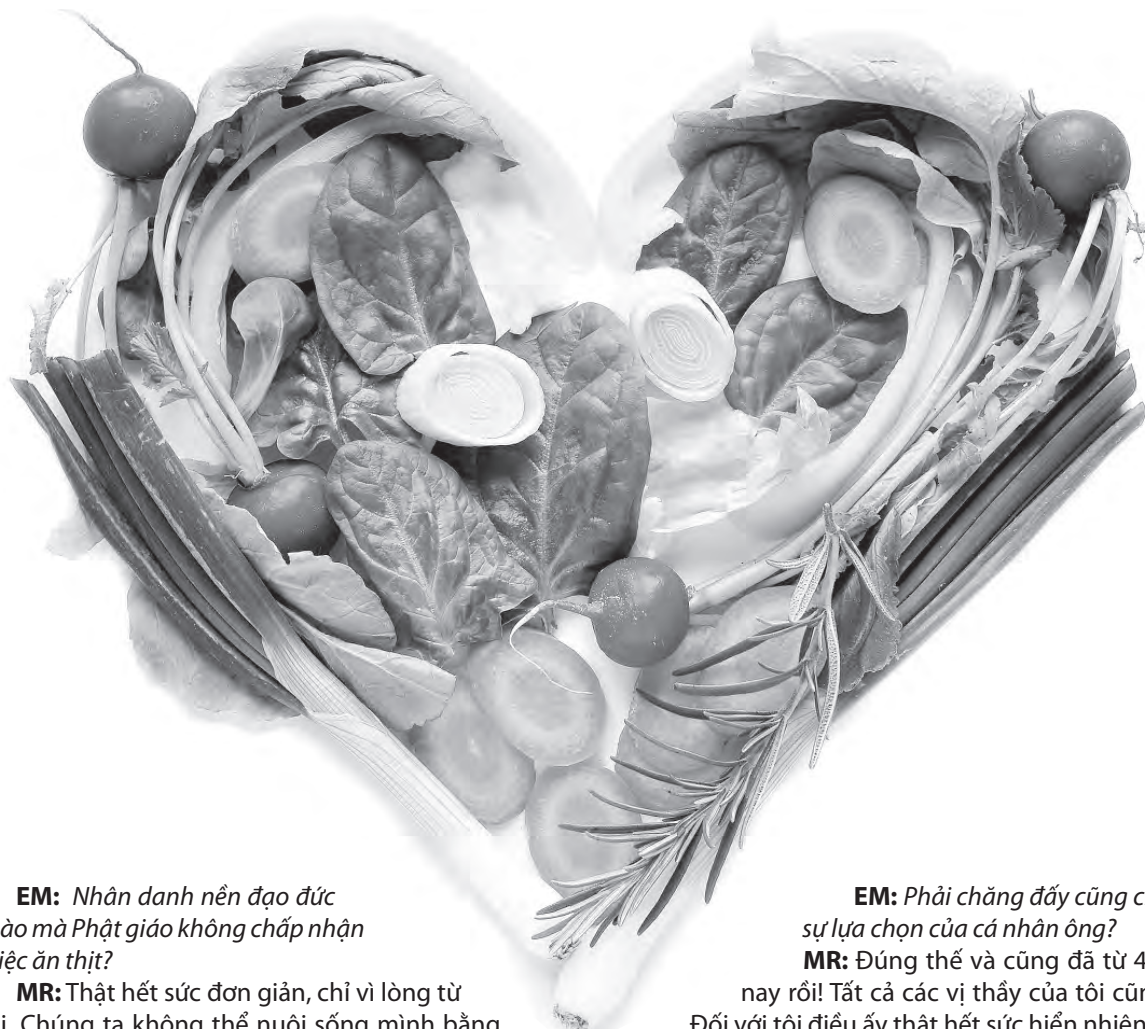
EM: *Phải chăng từ trước nay tình trạng đó chưa hề xảy ra trong các xã hội sơ khai?*

MR: Tất nhiên là không. Những người tiền sử kể cả những người thuộc các bộ lạc sinh sống bằng cách săn bắt và nhặt hái còn tồn tại đến nay trong các vùng Amazon ở Nam Mỹ tuy cho rằng súc vật khác với họ, nhưng không hề xem chúng là thấp kém hơn họ. Hơn nữa đối với họ thú vật còn là hiện thân của các loài ma quỷ mà họ khiếp sợ, hoặc đội lốt các thần linh mà họ tôn thờ, lý do là vì các con thú ấy có những sức mạnh mà họ không sao bì kịp. Chúng ta đều biết là các lực sĩ thượng thặng giỏi lắm cũng chỉ lội nhanh bằng một con cá chép, hoặc chạy nhanh bằng một con mèo là cùng... Con người sinh sống trong các tập thể xã hội biến thú rừng thành gia súc đã gây ra không biết bao nhiêu khổ đau cho chúng. Nhằm bảo đảm sự an toàn đạo đức cho mình và tránh các sự bất an trong tâm trí mình, con người đã hạ phẩm giá súc vật để biện minh cho cung cách hành xử ấy của mình. Họ đánh giá súc vật là những loài thấp kém và vô cảm hầu có thể ăn thịt chúng một cách thần nhiên.

EM: *Quan điểm ấy của ông có quá khắt khe đối với các triết gia Hy Lạp và những người Thiên Chúa giáo hay không, bởi vì họ không hề cảm thấy tội lỗi mỗi khi tạo ra khổ đau cho súc vật?*

MR: Hầu hết các tôn giáo độc thần đều xem súc vật như một thứ tài vật được tạo ra cho con người sử dụng

vào việc ẩm thực hoặc tha hồ khai thác: không ăn thịt súc vật là thái độ khinh thường tặng phẩm mà Trời đã ban cho mình. Tuy nhiên trong số họ cũng có những người không ăn thịt, thế nhưng lại nêu lên các lý do chẳng hạn như muốn giữ sự thanh đạm, hoặc e sợ bị trừng phạt, hoặc vì thịt của một số loài vật nào đó bị ô nhiễm nên không được phép ăn. Dầu sao trên dòng lịch sử cũng có những trường hợp ngoại lệ nói lên được lòng thương cảm đối với súc vật: chẳng hạn như đối với Thiên Chúa giáo thì có Thánh Jean Chrysostome và Thánh Jean-François d'Assise, và vào các thời kỳ cổ đại của Hy Lạp thì có Ovide và Plutarque là những người đã tích cực quảng bá việc ăn chay. Théodore Monod thuật lại câu chuyện sau đây về một vị thầy sufi người Ma-rốc, thật ra thì cũng chỉ là một trường hợp ngoại lệ đối với Hồi giáo. Trong khi đang thuyết giảng vị thầy này trông thấy một con chim sẻ từ tổ rơi xuống đất, ông bèn sai các đồ đệ hãy nâng lấy kẻ mà ông xem như "đồng loại" với mình. Thiết nghĩ đối với thuật ngữ "đồng loại" trên đây có lẽ ngoài ông ta ra chưa có một nhà nhân bản (humanist) nào dám nói lên. Sau hết chúng ta cũng không nên quên là có 450 triệu người dân Ấn ăn chay, và đây cũng là một tập thể nhân loại ăn chay đông đảo nhất thế giới, trong số họ dẫn đầu là những người theo đạo Kỳ-na (Jain), họ tuyệt đối tôn trọng tất cả mọi hình thức của sự sống. Vào thế kỷ XVII chính những người du hành Tây phương lần đầu tiên đã khám phá ra nền văn minh biết kính trọng súc vật của nước Ấn.



EM: Nhân danh nền đạo đức nào mà Phật giáo không chấp nhận việc ăn thịt?

MR: Thật hết sức đơn giản, chỉ vì lòng từ bi. Chúng ta không thể nuôi sống mình bằng sự đau đớn và cái chết của các sinh vật có giác cảm khác. Trong một bài kinh Phật có một câu như sau: “Ăn thịt là hủy hoại lòng từ bi bao la”. Dẫu sao cũng có một vài ngoại lệ khá tế nhị: chẳng hạn như đối với Phật giáo Nguyên thủy, người tu hành không được phép giết một con vật để ăn, hoặc để cho người khác giết cho mình ăn. Trong khi đó đối với Phật giáo Đại thừa thì phải phát nguyện lòng từ bi một cách đích thật: tức không được phép biến thân xác mình thành một nghĩa trang. Ví thế các nhà sư Trung Quốc đều nhất loạt ăn chay. Ở Tây Tạng vào các thời kỳ xa xưa không có đường sá lưu thông, sữa và sữa chua chỉ đủ dùng khoảng ba tháng trong năm, ngoài ra thì chỉ có bột lúa mạch, bơ và thịt khô: do đó việc ăn chay là cả một sự khổ hạnh! Ngày nay việc nấu nướng trong các chùa chiền Tây Tạng trên đất Ấn không còn dùng thịt nữa. Ở Nepal tôi lưu ngụ trong một tu viện gồm khoảng 600 nhà sư, việc ăn chay không nhất thiết bắt buộc, thế nhưng những người lo việc bếp núc không mua và cũng không sử dụng thịt, với mục đích không tiếp tay vào việc buôn bán thịt. Một nửa các nhà sư đã trở thành những người chay lạt.

EM: Phải chăng đây cũng chính là sự lựa chọn của cá nhân ông?

MR: Đúng thế và cũng đã từ 47 năm nay rồi! Tất cả các vị thầy của tôi cũng vậy. Đối với tôi điều ấy thật hết sức hiển nhiên, bởi vì làm thế nào lại có thể vừa quảng bá lòng từ bi lại vừa giết súc vật để ăn? Ngày nay khoa học đã chứng minh cho thấy là việc ăn thịt không phải là một nhu cầu cần thiết. Nhiều lực sĩ Thế vận hội, chẳng hạn như lực sĩ chạy bộ Carl Lewis không hề ăn thịt. Cho rằng phải hấp thụ các chất đạm động vật thì mới có thể sinh tồn được là một ý niệm sai lầm. Ngoài ra tôi còn nhận thấy tuổi trẻ ngày nay cũng rất nhiệt tình trong việc ăn chay với mục đích bảo vệ môi sinh. Bớt ăn thịt không những chỉ vì lý do đạo đức mà còn là một cách giữ gìn sức khỏe và làm giảm bớt sự biến đổi môi sinh. Xu hướng chung ngày nay là bớt ăn thịt, tức có nghĩa là không cần phải ăn chay một trăm phần trăm. Tôi xem xu hướng ấy là cả một sự tiến bộ của nền văn minh con người. Cách nay 300 năm, người ta còn công khai tra tấn người ở những nơi công cộng, hoặc kéo nhau đi xem hành quyết vào các ngày Chủ nhật, cứ tương tự như ngày nay rủ nhau đi xem bóng đá. Quả là một cuộc cách mạng thật ngoạn mục trên phương diện tình thương và sự kính trọng những sinh vật khác, và xu hướng này vẫn còn tiếp tục. Ở Hoa Kỳ, quê hương của những kẻ chăn bò (cowboys) và những tay thợ săn, chỉ có 4% dân chúng

là ăn chay; thế nhưng trong môi trường đại học, số sinh viên ăn chay lên đến 20%. Ở Pháp số người ăn chay ngang hàng với số người sản bản.

EM: Phải chăng khái niệm cho rằng “chúng sinh có giác cảm”^{**} tất phải sớm được đưa vào Bộ Luật Dân sự?

MR: Hầu hết các nước Âu châu đã đưa khái niệm này vào các bộ luật của họ. Điều này cho thấy rằng khoa học ngày nay đã chứng minh được là thú vật cũng nhận biết được sự đau đớn. Đối với người Phần Lan thì súc vật còn hàm chứa cả tri thức nữa! Ở Pháp ngày 14 tháng 4, 2014 vừa qua, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội đã thừa nhận súc vật được hưởng quy chế “chúng sinh mang khả năng cảm nhận” (*êtres vivants doués de sensibilité/living being endowed with sensitivity*), điều đó cũng phù hợp với quan điểm chung của đại đa số quần chúng trên đất Pháp ngày nay. Thế nhưng trên thực tế vẫn chưa thấy một sắc luật nào được đưa ra nhằm áp dụng quy chế ấy đối với súc vật. Lý do là các thủ tục vận động trong chiều hướng này đều bị phe chống đối tìm cách chặn đứng... Tôi cảm thấy thật bàng hoàng trước tình trạng đạo đức hết sức nghịch lý đó của xã hội chúng ta (*ý nói nước Pháp*) đối với súc vật!

EM: Có phải chính ông đã từng nêu lên nhận xét là không mấy ai ý thức được sự liên hệ giữa một miếng cốt-lét và những nỗi đớn đau của một con bê hay không?

MR: Điều này cũng tương tự như một thứ bệnh tâm thần. Trong dân chúng Pháp chỉ có 14% chống lại việc chăn nuôi súc vật để lấy thịt, 65% cảm thấy xao động khi trông thấy cảnh mổ giết gia súc. Các lò sát sinh được che giấu kín đáo! Chưa bao giờ cuốn phim *Terriens*⁶ nêu lên kỹ nghệ giết mổ súc vật trong các lò sát sinh được trình chiếu trên màn ảnh truyền hình, lý do là không muốn làm cho các lứa tuổi còn quá trẻ phải bị “xao động”.

Ngoài ra người ta còn nhận thấy 50% học sinh ở các lớp tiểu học tại thành phố Chicago không đủ sức hình dung được là miếng thịt kẹp trong ổ bánh mì hamburger của chúng có liên hệ gì với một con thú trên thực tế hay không. Miếng thịt ấy từ đâu mà có? Trong các siêu thị! Trước khi đưa vào siêu thị thì nó từ đâu ra? Từ các cơ xưởng kỹ nghệ! Dù có giải thích cho chúng biết đấy là thịt của một con vật thì nhất định chúng sẽ không tin. Đấy chính là tình trạng mâu thuẫn thật tiêu biểu của những con người sống trong các xã hội tôn thờ thú vật trong nhà, lòng từ bi của họ sẽ biến mất ngay mỗi khi họ trông thấy một đĩa thức ăn hiện ra trước mặt mình. Trong năm vừa qua có một người chơi trò ném mèo vào tường để quay phim. Giới truyền thông làm ấm lên và nhiều người đã bày tỏ sự phẫn nộ của mình. Người ném con mèo vào tường bị đưa ra tòa, con mèo được cứu sống, quả là một điều đáng mừng. Thế nhưng có được mấy ai cảm thấy xúc động khi biết rằng trong cùng một ngày hôm ấy 500.000 con

vật bị giết trong các lò sát sinh - nhiều hôm riêng số heo bị giết cũng đã lên đến 1.000 con mỗi giờ - với các phương tiện giết mổ thật vô cùng tàn nhẫn.

EM: Vậy có một phương pháp chăn nuôi súc vật lấy thịt nào có thể gọi là mang tính cách đạo đức hay không?

MR: Nhất định là có: một con bò mẹ cùng với bò con thông dong gặm cỏ trên một cánh đồng của vùng Dordogne chẳng hạn, như thế có phải là một nghìn lần nhân đạo hơn là nhốt riêng một con heo nái trong một chiếc chuồng làm bằng thanh sắt để nó khỏi đẻ bẹp hai mươi lăm con heo con mới sinh? Đấy là cách phải chăn nuôi gia súc để giết thịt, tương tự như nuôi các con vật yêu quý trong nhà thế thôi.

EM: Thế nhưng người ta vẫn có thể chống lại quan điểm ấy khi cho rằng các công cuộc vận động nhằm bảo vệ nhân quyền mang tính cách khẩn thiết hơn?

MR: Những kẻ nêu lên luận cứ ấy thường không hề tỏ ra tích cực trong việc bảo vệ con người cũng như súc vật! Hiện nay tôi đang tham gia vào khoảng 140 dự án nhân đạo, thế nhưng việc chăm lo cho súc vật không hề làm cho tôi mất thêm một giây phút nào. Quả hết sức lạ lùng mỗi khi nhìn vào lịch sử người ta đều nhận thấy những người từng tranh đấu cho nhân quyền cũng là những người đã đứng lên để bảo vệ súc vật. Chẳng phải Tolstoi⁷, Shelley⁸ và Théodore Monod là những người ăn chay và rất nhiệt tình với lý tưởng bảo vệ súc vật hay sao? Lòng từ bi không có một biên giới nào cả! Nào có ai ngăn cản được một người khi đã quyết tâm tự biến cải mình để trở thành một con người tốt đâu, và cũng chẳng có ai dám bảo rằng sự quyết tâm ấy lại không phải là một cách biểu lộ cao quý nhất của bản chất con người? ■

Chú thích của người dịch:

1. Tên khoa học là *Limosa lapponica*, tiếng Anh là *bar-tailed godwet*, một loài chim di trú, sống trong các vùng cỏ hoang Bắc Cực và bay đến các vùng Á châu, Úc châu và Phi châu để tránh mùa đông.

2. Giống người tiền sử sống cách nay từ 4,5 đến 1 triệu năm.

3. Giống người tiền sử sống cách nay khoảng từ 250.000 năm đến 28.000 năm.

4. Giống người sống cách nay vào khoảng 4.000 đến 3.000 năm trong một vùng nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrate thuộc lãnh thổ Iraq ngày nay.

5. Théodore Monod (1902-2000) là một nhà khoa học thiên nhiên nổi tiếng của Pháp.

6. Tựa tiếng Anh của bộ phim này là *Earthlings*, có nghĩa là “Thế gian” hay “Cõi Ta-bà”, hay cũng có thể dịch là “Con người của thế gian này”, một bộ phim tài liệu của Mỹ do Shaun Monson thực hiện năm 2005.

7. Tolstoi (1828-1910), đại văn hào người Nga.

8. Shelley Catherine Hennig, người mẫu và nữ diễn viên điện ảnh Hoa Kỳ đương đại.



Tìm hiểu về địa danh Đồng Nai

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Đồng Nai tức “Cánh đồng có nhiều nai ở”. Cách giải thích này được nhiều sách về địa chí như *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí* của Duy Minh Thị do Thượng Tân Thị dịch; *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn và *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (1765-1825) ghi nhận.

Điều giải thích đó là hợp lý, vì tại địa phương vẫn còn tồn tại một vài địa danh mang tên con vật này như *Hố Nai* (Trảng Bom), *Hang Nai* (Nhơn Trạch)...

Vậy *cánh đồng có nhiều nai* ở bây giờ nằm ở đâu? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta thử tìm hiểu qua lịch sử của vùng đất này.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép:

“*Tỉnh Biên Hòa, có lẽ là nước Bà Lị xưa, sau là đất Bà Rịa và Đồng Nai.*”

Đường thư chép:

Nước Bà Lị ở phía Đông nam nước Chiêm Thành, phía sau có nước Thù Nai, sau đời Vĩnh Huy (Đường Cao Tông 650-655) bị nước Chân Lạp kiêm tính.

Gia Định thành thông chí chép:

Bà Rịa ngờ là nước Bà Lị xưa, còn Thù Nai, âm gần giống Đồng Nai, có lẽ là đất Sài Gòn bây giờ.

Năm Kỷ Mùi thứ 32 (1679) đời Thái Tông, bọn trấn thủ các châu Cao Lôi Liêm nước Minh cũ xin phụ thuộc, lấy đất Giản Phố cho họ ở, bọn họ mở đất, lập phố, đất ấy ngày một đông đúc, có phong tục như Trung Hoa.

Năm Mậu Dần thứ tám (1698), đời Hiến Tông, sai chương cơ Nguyễn Hữu Kính lấy xứ Lộc Dã (tức Đồng Nai, người Thanh gọi là Nông Nai) đặt làm huyện Phúc Long, đặt dinh Trấn Biên (hồi đầu bản triều những đất ở biên giới gọi là trấn. Trấn Biên thuộc tỉnh Gia Định), chiêu mộ dân xiêu tán từ Quảng Bình trở vào cho đến ở, chia đặt thôn ấp; người Thanh trú ngụ cũng biên tên vào sổ bộ (...)

Năm Mậu Thân, Thế Tổ Cao Hoàng Đế thu phục Gia Định, vẫn đặt dinh như cũ, đóng trọng binh để giữ, năm Gia Long thứ 7 đổi làm trấn Biên Hòa, lệ vào thành Gia Định...

Năm Minh Mạng thứ 13, chia tỉnh hạt gọi là tỉnh Biên Hòa... dưới quyền Tổng đốc An - Biên và ty Án sát...”

(ĐNNTC, T5, sđd, tr.36)

Qua đó ta thấy, ban đầu Đồng Nai là vùng đất thuộc nước Bà Lị xưa. Dưới thời các chúa Nguyễn gọi là xứ Lộc Dã, khi Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) thừa lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu (1674-1725) vào Nam kinh lược, đặt ra dinh Trấn Biên. Đến đời vua Minh Mạng (1820-1840) thì đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Về địa danh Đồng Nai, trong *Gia Định thành thông chí*, cụ Trịnh Hoài Đức cho biết:

“Đồng Nai là một tên riêng của trấn Biên Hòa, mà chợ Đồng Nai lại ở phía Nam hạ lưu sông Phước Giang, cách trấn lỵ hơn 8 dặm, vì là trước kia nơi đó là cánh đồng hươu nai ở, nên gọi là Đồng Nai, chữ Hán là Lộc Dã, lại gọi là Lộc Động. Và đất Gia Định có năm trấn là Phiên An, Biên Hòa, Vinh Thanh, Định Tường, Hà Tiên khác nhau, trong ấy tên các xứ sở rất nhiều, mà người bản thổ thường nói, thì chỉ gọi đất Biên Hòa là Đồng Nai, Bà Rịa, đất Phiên An là Bến Nghé, Sài Gòn, đất Định Tường là Vụng Cù Mỹ Tho...”

“Bảng nay Gia Định mà gọi là Đồng Nai là vốn có căn bản, bởi vì nguyên ban đầu mới mở đất Gia Định thì bắt đầu từ Đồng Nai, cho nên người trước chỉ gốc mà kiêm cả ngọn, chỉ đầu mà liền cả đuôi, bèn gọi chung là Đồng Nai; nay hoặc quen theo mà không xét. Người bản địa đã mạn xưng là Đồng Nai, người hạt khác cũng nghe là Đồng Nai, chẳng hiểu rõ ràng, đến khi làm sự cử hành, hoặc bàn cãi, hoặc hỏi han, thì mờ mịt chẳng biết tông tích ra sao cả, thực có nhiều thế...”

“Tra ở sách Chính vận, chữ Ly âm là lực địa thiết, ngờ Bà Rịa tức là Bà Ly xưa chẳng mà Thủ Nại lại cùng âm với tiếng Đồng Nai, Nông Nại, nghe hơi giống nhau, hoặc nay là đất Sài Gòn chẳng? Tạm chép phụ ở đây để chờ những bậc học rộng sau này khảo biên”.

(GĐTTC, sđd, tr.30)

Như thế, theo Trịnh Hoài Đức, ông đã ghi nhận rằng Đồng Nai (tức Lộc Dã) là nơi cánh đồng có nhiều nai (hươu) ở, (mặc dù ông còn nghi vấn là có thể do từ Thủ Nại mà có), và từ này được chính người dân địa phương đặt lâu dần thành tên gọi chính thức. Thiểu nghĩ, từ Thủ Nại là tên địa phương cổ xưa, vì thế khó có thể xảy ra.

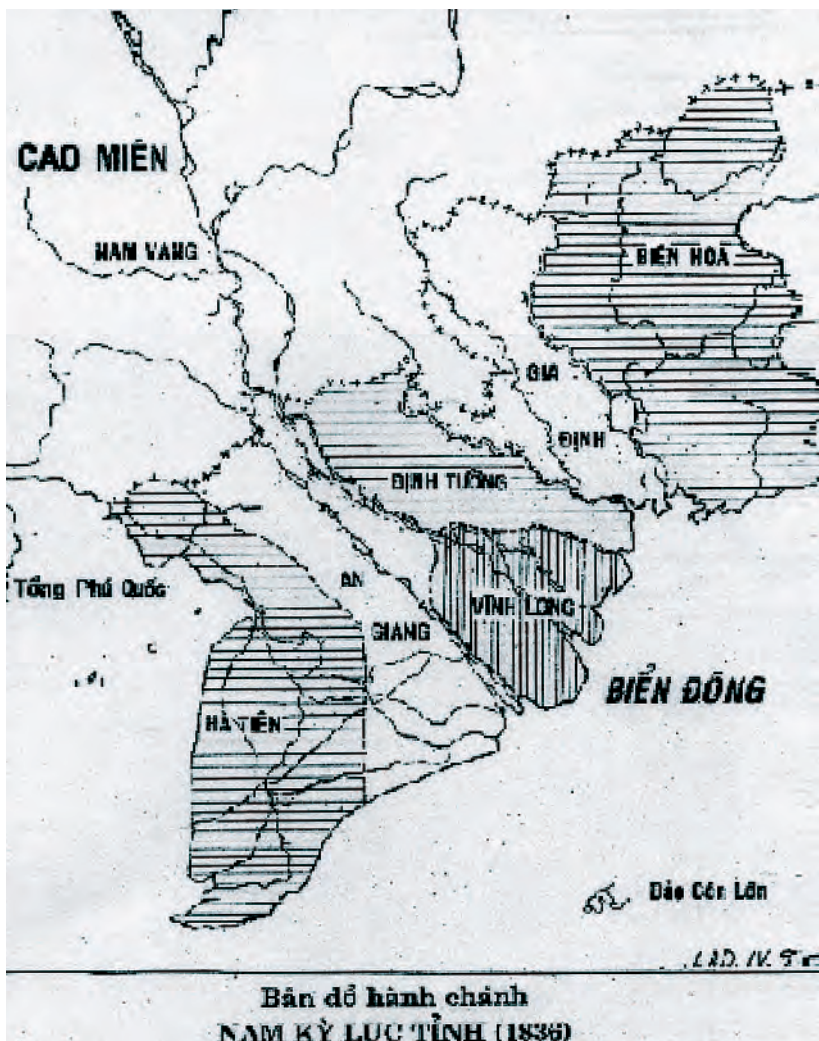
Trở lại vị trí của “Cánh đồng nai ở”, sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi:

“Chợ Lộc Dã ở phía Nam hạ lưu Phước Long, huyện Phước Chính, vì trước kia là đồng nội lắm hươu nai, nên gọi tên thế, hoặc gọi là Lộc Động, tục gọi chợ Đồng Nai - Xé: sáu tỉnh Gia Định mà gọi chung là Đồng Nai, là vì lúc mới khai thác, bắt đầu từ Đồng Nai, nên lấy chỗ gốc mà bao trùm” (ĐNNTC, sđd, tr.69).

Sách *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí* ghi rõ hơn:

“Chợ Đồng Nai ở về phía Nam hạ lưu Phước Giang (tức sông Đồng Nai) cách tỉnh lỵ năm dặm. Ban đầu là cánh đồng hươu nai ở. Tiếng Nôm là Đồng Nai, tiếng chữ là Lộc Dã, lại kêu là Lộc Động. Hoặc tóm cả đất Gia Định mà gọi là Đồng Nai là bởi ban sơ khai thác đất Gia Định, bắt đầu từ Đồng Nai cho nên nhắc cái gốc, gồm đủ đến cái ngọn mới tóm xưng là Đồng Nai” (NKLTDÇ, sđd, tr.31).

Tóm lại, căn cứ vào vị trí, địa thế đã được ghi chép ở các sách trên, ta có thể dễ dàng xác định: địa phận “cánh đồng có nhiều nai ở” đó nằm phía Nam bên bờ



sông Đồng Nai, đó là địa phận phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa ngày nay. Đây là một địa phương nổi tiếng với làng nghề gốm sứ truyền thống của tỉnh.


Tân Vạn chính nơi phát tích xứ Đồng Nai, và là cơ sở cho việc đặt tên cho một vùng đất và sau đó chỉ địa danh của cả một khu vực rộng lớn. Cùng với Gia Định và nhiều địa danh khác, Đồng Nai đã đi vào trang sử hào hùng trong sự nghiệp mở nước và giữ nước của nhân dân Nam Bộ:

Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân đã trải Đồng Nai đã từng...

Cũng cần nói thêm, theo lời truyền miệng của một số cư dân địa phương, chợ Đồng Nai đã ngưng nhóm khoảng thập niên 20 của thế kỷ trước, sau khi đã có chợ Tân Vạn ở gần đó thuận tiện cho việc mua bán hơn... ■

Tài liệu tham khảo:

- *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí*, Duy Minh Thị, Thượng Tân Thị dịch, Đại Việt tạp chí xb 1944.
- *Đại Nam nhất thống chí*, T5, Nxb Thuận Hóa, 1992.
- *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức, Nxb Giáo Dục, 1999.



Chiếc sáo bầu của người K'Ho

Bài & ảnh: TRỊNH CHU

Brê (sáo bầu), là một loại nhạc cụ truyền thống của người K'Ho. Tuy không phổ biến và thông dụng bằng *m'boät* (kèn bầu), nhưng *brê* vẫn là nhạc cụ được nhiều người yêu thích.

Đôi dòng mô tả

Brê gồm một quả bầu (plai ling) và một ống nứa (ding dơ). Quả bầu giữ vai trò làm hộp âm, còn ống nứa chính là đường âm. "Tôi là người biết chơi *brê*. Còn nếu như muốn tìm hiểu về cách thức chế tác *brê* thì phải đến ông K'Sót (89 tuổi, ở thôn 5B). Ông ấy mới là người biết tường tận nguyên lý loại nhạc cụ này", già Bro (66 tuổi, ngụ tại thôn 1B, xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng), người duy nhất ở xã Đình Trang Hòa biết chơi *brê*, phân trần.

Theo già K'Sót, cách thức chế tác một chiếc sáo bầu như sau: Trước hết, chọn quả bầu thật già, dày vỏ, kích thước vừa phải và tròn đều, đem thả xuống giếng nước cho ruột rửa ra trước khi loại bỏ ruột qua lỗ cắt ở phía cuống; làm sạch bằng nước sôi, rồi mang đi phơi nắng. Phơi xong, cho vỏ quả bầu vào luộc với lá hoặc vỏ cây rừng có chất đắng chất để tránh mối mọt và co giãn sau này. Kế đến, gác quả bầu lên giàn bếp khoảng một tháng cho da lên màu nâu đỏ và sần, rồi lại phơi sương vài đêm nữa. Sau đó, khoét lỗ ở bên hông, kiểm tra âm để lắp ống nứa. Sáo *brê* chỉ có bốn nốt (lỗ thoát âm), nhưng vẫn tạo được năm âm. Thực ra, sáo *brê* có tất thảy là tám lỗ thoát âm. Tuy nhiên, ngoài bốn lỗ thoát âm chính, ba lỗ thoát âm khác (nằm cùng phía với bốn lỗ thoát âm chính) và một lỗ thoát âm nữa nằm phía bên kia quả bầu, chỉ đóng vai trò phụ trợ. "Theo âm nhạc phương Tây, năm âm đó là các nốt Sol, La, Si, Do, Ré. *Brê* thiếu hai nốt Mi và Fa", già K'Sót giải thích, rồi nói tiếp. "Ống nứa phải thon giống, mỏng vừa độ. Ống nứa cũng phải trải qua các khâu kiểm tra âm và phải bảo đảm độ bền chất liệu. Lúc này, người chế tác mới dùng dao chuyên dụng khoét bốn lỗ ở phía bên ngoài hộp âm (quả bầu). Ngoài ra, người chế tác còn phải tính toán, đo đạc, căn chỉnh làm sao lấy được phần chính giữa của ống nứa ở phía trong hộp âm, rồi dùng dao khoét một lỗ dài chừng 2 cm và gắn thêm một cái lưới gà bằng inox vào đáy để tạo độ rung. Khâu này rất quan trọng và cũng là khâu khó nhất. Bởi nó quyết định âm sắc. Cuối cùng mới gắn đường âm (ống nứa)

vào hộp âm (quả bầu) và lấy sáp của con ong muỗi cố định ống nứa vào quả bầu. Chiếc *brê* hình thành. Tất nhiên, để âm sắc *brê* chuẩn, có hỗn vía, còn phải tháo lắp, chỉnh sửa nhiều lần".

Thang âm núi rừng

Tôi hỏi: "Vậy, ai là người dạy già chơi *brê*?"

"Ông cậu K'Bôn. Ngoài chơi *brê* rất hay, K'Bôn còn sử dụng thành thạo nhiều loại nhạc cụ khác, như *rokel*, *m'boät*, *kwao*... Khoảng năm 1961-1962, lúc còn ở đất Hòa Trung (xã Hòa Trung, huyện Di Linh), ông cậu K'Bôn đã truyền dạy cho tôi cách thức chơi những loại nhạc cụ trên".

Theo chia sẻ của già Bro, khác với công chiêng chịu sự ràng buộc nghiêm ngặt của luật tục và hoàn toàn xa lạ với việc cá nhân hóa, cá thể hóa người biểu diễn, *brê* ngược lại, ít chịu sự ràng buộc của tín ngưỡng đa thần. Người K'Ho sử dụng *brê* ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi trạng thái tình cảm, khi vui cũng như lúc buồn. Trong những lúc làm nương rẫy hay đi rừng mệt nhọc, người K'Ho cần một thứ âm thanh để xua đuổi mệt nhọc, để khỏe khoắn và thoải mái tinh thần, thì âm thanh của *brê* lại được cất lên. Trong lúc chăn trâu hoặc ngồi canh rẫy, âm thanh của *brê* không những làm vui tai mà còn đuổi được chim chóc ăn lúa. Cũng có khi người K'Ho sử dụng *brê* để ru con...

"Ở đây, *brê* mang tính cá nhân hơn so với các nhạc cụ khác là ở chỗ, khi con người ta có điều gì buồn chán hoặc rất hứng khởi, không có người chia sẻ, thì chiếc sáo bầu là người bạn tâm tình", già Bro nói. Nhờ đó, mà *brê* được rất nhiều người, nhất là thanh niên, ưa thích. Thanh niên K'Ho nhờ năm âm của chiếc *brê* để tâm sự nỗi niềm. Người già cả thì dùng *brê* để gợi nhắc một thời "oanh liệt", trẻ trai. Đàn ông K'Ho sử dụng *brê* để chứng tỏ sự hào hoa, lịch thiệp. Phụ nữ K'Ho dùng *brê* để nói rằng mình cũng không hề kém cạnh và ngấm "khoe" với cánh mày râu đức tính vừa đảm đang, lại vừa dịu hiền tiêm ẩn nơi người phụ nữ. "*Brê* tuyệt đối không được sử dụng trong đám tang. Bởi theo quan niệm của người K'Ho, nếu sử dụng *brê* trong đám tang, các *cha* (ma) sẽ bắt mất hồn *brê*", già Bro lưu ý.

Gắn bó máu thịt với đời sống tinh thần K'Ho nhiều đời là vậy, nhưng giờ đây thỉnh thoảng trong các buổi sinh hoạt văn hóa văn nghệ địa phương hoặc những

lần các giáo xứ tổ chức hội diễn văn nghệ, thăng hoặc lằm tôi mới thấy chiếc *bré* xuất hiện. “Nếu trong thôn, xã, hay giáo xứ tổ chức hội diễn văn nghệ, được mời, tôi lại mang *bré* đi biểu diễn phục vụ bà con”, già Bro chia sẻ.

Mai này về đâu?

Trời sẩm tối, tôi vội chia tay già Bro cùng người dân thôn 1B, xuôi hướng Quốc lộ 20 để về lại phố thị B’lao. Trong nhà nhem ánh đèn điện hắt ra từ những ngôi nhà của người dân sống dọc đường, tôi vẫn nhận rõ sự đổi thay nơi miền sơn nguyên này, qua cái cách mà các thế hệ 8X, 9X người K’Ho hành xử. Nam thì phóng xe gắn máy âm ầm và xăm trổ đầy mình. Nữ thì tóc xanh, tóc đỏ và xài smartphone (điện thoại thông minh) trên cả mức sành điệu. K’Brík, một thanh niên K’Ho thế hệ 9X, tay cầm chiếc iPhone 6, miệng đang nhắm theo những bản nhạc “hit” nhất tuần qua, hồn nhiên trả lời: “Đây là ở thời ông bà, cha mẹ thôi. Giờ ai thèm chơi *bré* nữa. Chơi keyboard piano (dương cầm điện tử) dễ và hay hơn nhiều. Vả lại, chúng ta đang sống trong thời đại digital music (nhạc số) cơ mà, học chơi *bré* chi cho khổ!”, khi tôi hỏi về chiếc sáo bầu.

Rõ rồi, hội nhập là xu thế tất yếu. Thời đại đã đổi khác, không lý do gì con người không đổi mới để tồn tại và phát triển. Càng không thể ngồi yên một chỗ để mà phản kháng hay ngăn chặn. Giờ đây, trên trái đất này, trong xu thế toàn cầu hóa, không còn gì là riêng tư, bất khả xâm phạm nữa; mỗi cộng đồng, mỗi vùng đất đang dần trở thành ngôi làng thế giới. Do đó, đã đến lúc đòi hỏi mỗi sắc dân, tộc người phải tự tìm cách ứng xử mới. Sắc dân K’Ho cũng cần tìm ra một phương thức ứng xử phù hợp. Trong diễn tiến có phần đa tạp và vô nguyên tắc của các dạng thức văn hóa đương đại, người K’Ho nếu không biết cách tổng hợp được cái cũ - cái mới, tích hợp được yếu tố nội - ngoại, trong dung hòa các mối liên kết giữa bản sắc văn hóa tộc người và xu thế toàn cầu hóa, rất dễ đánh mất khuôn mặt văn hóa riêng mình, lãng quên quá khứ, xem thường những di sản tinh thần cha ông. Chiếc *bré* bị giới trẻ K’Ho quay lưng ít nhiều cho thấy, trên bước đường dẫn thân vào quá trình đối ứng không hề đơn giản giữa quá khứ - hiện tại - tương lai, sắc dân K’Ho vẫn chưa tìm được khuôn mặt văn hóa chính mình giữa những khuôn mặt văn hóa nhân loại. Đành rằng, giờ đây chúng ta có thể lên mạng và download (tải về) cả phí và không phí bất cứ bản nhạc nào mà mình yêu thích. Nhưng không vì thế mà *bré* mất đi tính độc đáo. Ngược lại, *bré* cùng với *m’boãt* và công chiêng chính là khuôn mặt của văn hóa Tây Nguyên trong hệ thống những di sản văn hóa nhân loại. Ít nhất, trải qua bao biến cải xã hội, *bré* vẫn giữ nguyên sự thuần khiết, gắn chặt với tự nhiên về mặt chất liệu (nứa, bầu, sáp con ong muối) và cả về đặc tính âm nhạc thì âm thanh của *bré* chính là âm thanh của núi rừng. *Bré* là sản phẩm tinh thần của

cư dân nông nghiệp, sống bằng nghề lúa cạn và nền văn minh thảo mộc. Nó thể hiện mối quan hệ giữa con người với thế giới siêu nhiên, sự gắn bó giữa cá nhân và cộng đồng trên tinh thần tự nguyện.

Cũng cần nói thêm rằng, do đặc tính là một dạng thể âm nhạc dân gian, còn mang nhiều yếu tố ngẫu hứng, chưa có những chuẩn tắc nhất định, nên việc lưu truyền *bré* (cả cách chơi lẫn cách thức chế tác) xưa nay vẫn theo kiểu tâm truyền. Nghĩa là ai hợp tính hợp nết thì truyền, ai không hợp tính hợp nết thì còn... khuya. Các bài bản, điệu thức của *bré* đều có sẵn. Tuy nhiên, phương pháp truyền dạy lại hoàn toàn dựa vào khả năng cảm thụ của người học, không hề có văn bản ký âm, thành thử gây khá nhiều lúng túng cho cả người dạy lẫn người học. Người dạy chỉ có mỗi phương pháp thị phạm, tức cầm tay chỉ việc. Người học chẳng còn cách nào khác ngoài việc phải có khả năng cảm thụ âm nhạc tốt rồi để trong cái đầu và nhớ. Hệ lụy nhãn tiền mà chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy là ngày càng hiếm người biết chơi *bré*. Bởi vậy, cần tính tọc người K’Ho cũng vì thế mà bị mai một.

Ai là người sẽ viết tiếp giấc mơ đại ngàn? ■





Hoành phi câu đối tại phủ Quốc Uy công

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN CƯƠNG - NGUYỄN VĂN KHÁNH

I. Giới thiệu chung

Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần (1653-1675), là con trai thứ tư của chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1620-1687), vì kỵ húy nên tên ông đổi thành Hiệp, do đó ông còn được gọi là Tôn Thất Hiệp (尊室協). Thân thế, sự nghiệp của ông được các sách *Đại Nam liệt truyện* và *Đại Nam nhất thống chí* chép khá rõ. Ban đầu ông được phong làm Chương cơ, tước Hiệp Đức hầu

Năm Nhâm Tý (1672), chúa Trịnh là Trịnh Tạc cử đại binh do con Trịnh Căn làm Nguyên soái cùng Lê Thời Hiến mang 10 vạn quân từ miền Bắc vào đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong; thanh thế quân Trịnh dững mãnh. Trước tình hình khẩn cấp, Tôn Thất Hiệp tuy còn trẻ chưa đầy 20 tuổi nhưng đã được chúa Hiền và triều thần tín nhiệm phong ông làm Nguyên soái đem quân chống giặc, phòng thủ lũy Trấn Ninh¹.

Trước các cuộc tấn công mãnh liệt của quân Trịnh, một số tướng chúa Nguyễn toan bỏ lũy, nhưng Tôn Thất Hiệp không đồng ý và nói rằng: “*một khi quân ta rút lui, tất địch thừa thế lấn vào, vậy phải hết sức cố giữ*”. Chính sự quả cảm của ông đã thuyết phục được danh tướng Nguyễn Hữu Dật khi ấy đang trấn giữ lũy Sa Phụng cùng phối hợp chống

giữ. Trước sự chống trả quyết liệt của tướng sĩ Đàng Trong, quân Trịnh thất bại đành rút quân ra Bắc. Trong trận này, Tôn Thất Hiệp lập đại công phòng thủ vững lũy Trấn Ninh và đánh tan đội thuyền tuần tiễu trên sông Nhật Lệ của quân Trịnh. Chúa Nguyễn nghe tin thắng trận, thưởng cho ông 100 lạng vàng, 100 lạng bạc và 50 tấm gấm. Sau khi đem quân về, Tôn Thất Hiệp bỏ hết nữ sắc, dựng am nhỏ thờ Phật, giảng bàn nghĩa lý huyền vi.

Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược* có chép: “*Làm lễ cầu siêu cho các tướng sĩ Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài chết trận, thả tù binh xong; tháng 4 dương lịch 1673, Tôn Thất Hiệp về đến Thạch Xá. Chúa Hiền mừng rỡ, khen ngợi, ban thưởng nhiều vàng bạc. Nhận thưởng, nhưng sau đó Tôn Thất Hiệp từ bỏ gia đình, quyết chí xuất gia, tuy mới 20 tuổi*”.

Theo *Gia phả Nguyễn Phước tộc* thì Tôn Thất Hiệp mất vì bệnh đậu mùa. Thương tiếc, chúa Hiền phong tặng ông là *Minh Nghĩa Tuyên Đức Công Thần, Khai Phủ phụ Quốc Thượng tướng Quân, Cẩm Y Vệ, Đô Đốc Phủ Sự, Thiếu úy Hiệp Quận công*, thụy là Toàn Tiết. Năm Gia Long thứ 4 (1805), ông được liệt vào hàng thượng đẳng công thần khai quốc cùng với Đào Duy Từ, Nguyễn

Hữu Dật, được thờ phụng ở Tả Vu nhà Thái Miếu (Huế). Đến năm Minh Mạng (1823) thứ 4 được tấn phong là Thành Quốc công, năm Minh Mạng thứ 12 lại phong Khai Quốc tôn thần, tước hiệu Quốc Uy công.

Phủ Quốc Uy công hiện tọa lạc tại làng Vân Khê, xã Thủy Thanh, huyện Hương Thủy, cách trung tâm thành phố Huế khoảng 8km về Đông nam, được dựng trên thế đất cao ráo, mặt quay hướng Tây nam, trước mặt là cánh đồng lúa xã Thủy Thanh, phía sau là sông Như Ý, tổng thể diện tích khuôn viên khoảng 15.000m². Trong khuôn viên phủ, gồm từ đường chiếm vị trí trung tâm, xung quanh còn có cổng hậu, bình phong, mộ tẩm, miếu thờ nhị vị tôn ông... Phủ thờ trải qua nhiều biến cố lịch sử đã hư hỏng nên hiện nay kiến trúc phủ đã được trùng tu lại. Phần từ đường có nhiều án thờ nhỏ, chính điện là án thờ Quốc Uy công Nguyễn Phúc Thuần, bên phải thờ Tôn Thất Thuyết² (cháu năm đời của ông), các án còn lại thờ các thế hệ con cháu về sau.

Án thờ chính giữa có bài vị ghi rõ tước vị, danh hiệu thờ phụng ngài Quốc Uy công cùng phu nhân:

案奉爲開國尊神尊人府左尊正特進壯武大將軍都統掌府事封國威公並夫人阮氏興之神位

Âm:

Án phụng vị Khai quốc tôn thần, Tôn nhân phủ Tả tôn chính, đặc tiến Tráng vũ đại tướng quân Đô thống Chưởng phủ sự, phong Quốc Uy công tịnh phu nhân Nguyễn Thị Hưng chi thần vị.

Nghĩa:

Án phụng thờ ngài Quốc Uy công tước phong Khai quốc tôn thần, Tả tôn chính phủ Tôn nhân, truy tặng Tráng vũ Đại tướng quân Đô thống Chưởng phủ sự cùng phu nhân Nguyễn Thị Hưng.

Trong vườn còn có mộ táng của ngài.

Cổng hậu phủ Quốc Uy công đối diện sông Như Ý được khảm bốn chữ 國恩世業 (Quốc Ân thế nghiệp) cùng cặp đối khảm chạm hai bên:

一路依然長江脩竹
半邊空處平野青山

Âm:

Nhất lộ y nhiên trường giang tu trúc;
Bán biên không xứ bình dã thanh sơn.

Nghĩa:

Tre phủ sông dài một đường thẳng tắp;
Núi xanh heo hút nửa bên ruộng đồng.

Phủ thờ Quốc Uy Công được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa quốc gia ngày 01-11-1994.

II. Hệ thống hoành phi và đối liễn tại phủ Quốc Uy công

Gồm một bức hoành phi và năm cặp đối liễn. Nội dung đối liễn chủ yếu ca ngợi công lao, sự nghiệp và phẩm hạnh của Quốc Uy công.



Bức hoành treo giữa chính điện để danh hiệu và phần lạc khoản ghi rõ năm tạo dựng phủ:

國威公祠

(Âm: Quốc Uy công từ. Nghĩa: Phủ thờ Quốc Uy công).

嗣德十九年仲春之吉恭造

(Âm: Tự Đức thập cửu niên, trọng xuân chi cát cung tạo. Nghĩa: Tạo dựng vào ngày lành mùa xuân năm Tự Đức thứ mười chín [1866]).

Câu đối:

Cặp thứ nhất:

節鉞勳名古在昔
翰城事業國而家

Âm:

Tiết việt huân danh³ cổ tại tích
Hàn thành sự nghiệp⁴ quốc nhi gia.

Nghĩa:

Nêu danh bằng tiết việt từ xưa đã có
Công lao rường cột đất nước do nếp nhà mà ra.

Cặp thứ hai:

英年指顧翊雄圖大功垂宇宙
晚景皈依神法力遺像肅清高

Âm:

Anh niên chỉ cố dục hùng đồ, đại công thùy vũ trụ;
Vãn cảnh quy y thần pháp lực, di tượng túc thanh cao.

Nghĩa:

Tuổi trẻ xuất chúng phò tá cơ đồ, công lao bao trùm khắp vũ trụ;
Quy y cửa Phật chuyên tâm thần pháp, hình dung kính cẩn càng thanh cao.

Quy y cửa Phật chuyên tâm thần pháp, hình dung kính cẩn càng thanh cao.

Cặp thứ ba:

孝於親忠於君家聲存家史
光於前垂於後世德衍世祠

Âm:

Hiếu ư thân, trung ư quân, gia thanh tôn gia sử;
Quang ư tiên, thù ư hậu, thể đức diễn thể từ.

Nghĩa:

*Hiếu với cha mẹ, trung với vua, tiếng nhà còn lưu
trong sử sách;*

*Rạng rỡ đời trước, còn mãi đời sau, công đức sáng
tỏa khắp muôn nơi.*

Cặp thứ tư:

四征帥闔威聲節制阮左昭名將
千古意親勳績頡頏陳興道大王

Âm:

Tứ chinh soái khỏn uy thanh, tiết chế Nguyễn Tả
Chiêu⁷ danh tướng;

Thiên cổ ý thân huân tích, hiệt ngoan Trần Hưng
Đạo⁸ đại vương.

Nghĩa:

*Bốn lần ra quân, uy danh khắp cõi, chẳng kém tiết
chế Nguyễn Tả Chiêu danh tướng;*

*Ngàn năm xưng tụng, chiến công lừng lẫy, gắng
học bậc kiên cường Trần Hưng Đạo đại vương.*

Cặp thứ năm:

惟報國以開先國寵山河書卷在
不出家而成佛家聲忠孝鉢衣傳

Âm:

Duy báo quốc dĩ khai tiên, quốc sủng sơn hà thư
quyển tại;

Bất xuất gia nhi thành Phật, gia thanh trung
hiếu bát y truyền⁹.

Nghĩa:

*Báo đền ơn nước mà mở mang sự nghiệp tổ tiên,
về vang khắp cõi mãi còn trong sử sách;*

*Không xuất gia mà thành Phật, tiếng nhà trung
hiếu truyền bát y.*

Lạc khoản:

嗣德三十年春吉

(Âm: Tự Đức tam thập niên xuân cát. Nghĩa: *Mùa
xuân năm Tự Đức thứ ba mươi [năm 1877]*). ■

Chú thích:

1. Lũy Trấn Ninh: Hay còn gọi là lũy Động Hải, nay thuộc tỉnh Quảng Bình, được chúa Nguyễn cho đắp vào 1631 để làm phòng tuyến chống Trịnh.

2. Tôn Thất Thuyết: (1839 – 1913) là quan Phụ chính đại thần dưới triều các vua Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Hàm Nghi của nhà Nguyễn. Đứng đầu phái chủ chiến trong triều đình trong công cuộc chống thực dân Pháp.

3. Tiết việt huân danh: hoặc Cờ tiết (節旗: tiết kỳ) là tên gọi một thứ nghi trượng, cùng phủ việt tên gọi đồ binh khí đi kèm dùng làm nghi trượng do hoàng đế ban tặng cho bậc vương hầu thời quân chủ.

4. Hàn thành sự nghiệp: Tức văn nghiệp, về trên võ công đối với về dưới văn nghiệp trị nước.

5. Anh niên chí cố dục hưng đồ: Tuổi trẻ xuất chúng, Quốc Uy công lúc chưa đầy 20 đã nổi tiếng dũng cảm có tài thao lược được triều thần và chúa Nguyễn trọng vọng.

6. Văn cảnh quy y thần pháp lực: Sau khi lập đại công, ngài từ bỏ danh lợi theo con đường Phật pháp cho đến lúc viên tịch.

7. Nguyễn Tả Chiêu: tức Nguyễn Hữu Dật (阮有鑑: 1603-1681) là đại công thần của chúa Nguyễn tại Đàng Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ông là người có công phò tá nhiều đời chúa Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc Nam tiến của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, được phong chức Chiêu Vũ hầu. Sau khi mất, ông được nhân dân ở Quảng Bình tiếc nhớ, gọi là Bồ-tát, lập đền thờ ở Thạch Xá.

8. Trần Hưng Đạo: (1232 -1300), tên thật là Trần Quốc Tuấn, còn được gọi là Hưng Đạo vương (興道王) hay Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương (仁武興道大王) là một nhà chính trị, nhà văn, Tư lệnh tối cao (Quốc công Tiết chế) của Việt Nam thời nhà Trần.

9. Bát y truyền: Thông thường xá-lợi của Đức Phật gồm có ba loại: thân xá-lợi (di cốt còn lại sau lễ trà-tỳ kim thân của Đức Phật như: xương, răng, tóc...), tùy thân xá-lợi (những vật dụng mà Đức Phật thường dùng khi còn tại thế như y, bát, tích trượng, tọa cụ...), và pháp xá-lợi tức là những kinh điển hay pháp và luật mà Ngài đã truyền dạy. Trong Phật giáo, y và bát của Đức Phật được tôn trọng, kính ngưỡng vì chúng không chỉ được xem là những phần xá-lợi gắn liền với cuộc đời Đức Phật Thích-ca mà còn là những vật truyền thừa của chư Phật trong nhiều đời.

Tài liệu tham khảo:

1. Nhà Bảo tàng Huế, *Di tích, cảnh quan trên địa bàn thành phố Huế và phụ cận*, tập 3, 1997.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, tập 1-2, Nxb Thuận Hóa, 2014.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Lao Động, 2015.

4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn Học, 2011.



Tôn giả A-nan

THÍCH TRUNG HẬU

Lời tòa soạn: *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mới nhận được tập biên khảo "Tôn giả A-nan" do Hòa thượng Thích Trung Hậu thực hiện. Chúng tôi trích đăng Lời đầu sách gửi đến quý độc giả thay cho lời giới thiệu.*

Tôn giả A-nan là tập sách thứ tư trong nỗ lực biên khảo và sưu tầm của chúng tôi về các Thánh đệ tử của Đức Phật. Ba tập đầu đã xuất bản là *"Tôn giả Xá-lợi-phất"*, *"Tôn giả Đại Mục-kiền-liên"* và *"Tôn giả Đại hiếu Mục-kiền-liên"*.

Ngoài việc chọn lựa hai vị Đại đệ tử của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, chúng tôi sẽ sưu tầm tài liệu về các Đại đệ tử khác tùy theo sự thuận tiện của công việc chứ không có ý chọn các vị ấy theo thứ tự tầm quan trọng.

Tập sách *"Tôn giả A-nan"* này gồm 4 chương:

- Chương một: Khái quát, tóm tắt về Tôn giả A-nan qua một số từ điển Phật học;

- Chương hai: Một số mẫu chuyện về Tôn giả A-nan. Đây là phần dịch từ cuốn *"Buddha's Constant Companion, Venerable A-nan"* của Hòa thượng Weragoda Sarada. Sách này ngắn gọn nhưng đủ cho ta thấy được hành trạng và phẩm chất cao quý của Tôn giả A-nan;

- Chương ba: Trích một số bài viết về Tôn giả A-nan của vài tác giả trong nước;

- Chương bốn: Tóm tắt kinh văn có liên hệ đến Tôn giả A-nan trong năm bộ Nikaya, gồm 132 kinh, 133 truyện Tiền thân (Jataka). Chương này khá dài, chiếm gần phân nửa tập sách. Và cuối sách là phần phụ lục một số tranh tượng về Tôn giả A-nan.

Trong khi các sách viết về Tôn giả A-nan không trích dẫn từ các kinh liên hệ hoặc chỉ trích dẫn vài câu (Ví dụ, *"The Great disciples of Buddha - A-nan"* của Sylvia Bay, *"A-nan the Guardian of Dhamma"* của Hellmuth Hecker...), chúng tôi lại trích dẫn hầu như toàn bộ các kinh Nikaya có liên hệ đến Tôn giả. Sở dĩ như vậy vì chủ ý của chúng tôi là cung cấp các nguồn tài liệu chính thức từ các kinh do Đức Phật thuyết giảng được ghi lại, nguyên bản hay dịch bản đều được mở đầu bằng lời khẳng định của Tôn giả A-nan: "Tôi nghe như vậy" (Evam me sutam, Evam maya 'sutram, Như thị ngã văn, Thus have I heard, Ainsi ai-je entendu...). Do đó mà người ta thường bảo rằng nếu không có Tôn giả A-nan thì sẽ không có kinh, rằng Tôn giả là người bảo vệ Chánh pháp, rằng ngài tạo cho người nghe, người đọc kinh niềm tin đầy là chính xác lời vàng của Đức Phật cũng như những sự việc trong nội dung kinh.

Tôn giả A-nan được xếp vào nhóm mười Đại đệ tử hàng đầu của Đức Phật. Ngài thuộc dòng Thánh giả, trí tuệ, phẩm chất cao vời. Bậc Thánh A-nan lại có vẻ gần gũi với người Phật tử qua một số truyện kể về ngài: dung sắc đẹp đẽ, phụ nữ thoát trông thấy đã đem lòng cảm mến, đến

nổi Đức Phật phải dạy cho ngài về cách tránh xa sự lôi cuốn của phụ nữ; ngài thường hỏi Đức Phật về giáo lý; ngài buồn rầu khi thấy Đức Phật đã già; ngài khóc lóc khi Đức Phật nhập diệt; so với các Đại đệ tử khác của Đức Phật, bước đường từ khi nhập Dòng thánh (Dự lưu) đến khi đạt quả Vô sanh (A-la-hán) là tương đối dài, đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn và qua một đêm trần trở, bức xúc, tự trách, quả vị A-la-hán mới chín muồi và bùng phát.

Biên soạn về tài liệu Tôn giả A-nan, một mặt chúng tôi vô cùng kính mộ ngài, mặt khác chúng tôi tưởng như nhận được sự cảm ứng từ ngài, sự thông cảm, an ủi, khuyến dụ chúng tôi trên đường tu tập. Mong sao độc giả của sách này cũng đồng tình và có cảm nhận như chúng tôi.

Một lần nữa, thực hiện xong tập sách này, cũng như những lần trước khi các tập sách được hoàn tất, chúng tôi cảm thấy nhẹ nhàng, hoan hỷ, nghĩ rằng mình đã đóng góp thêm chút ít Phật sự, dù biết rằng không tránh khỏi những sai sót; chỉ mong sẽ có dịp bổ sung, sửa chữa, tự mình hoặc do các vị cao minh chỉ giáo, trong những lần sách được tái bản.

Chúng tôi tự nhủ sẽ tiếp tục công việc sưu khảo về các Đại đệ tử của Đức Phật và hai cuốn sách tiếp theo là cuốn *"Trường giả Cấp Cô Độc (Anathapindika)"* và *"Lộc mẫu Tỳ-xá-khu (Visakha)"* mà chúng tôi đã khởi bút từ mấy tháng trước đây. Tuy nhiên, chúng tôi cũng khẳng định rằng việc tu học, biên soạn sách của chúng tôi sẽ chẳng đi đến đâu nếu không có sự tận tình giúp đỡ của Thầy Tổ, chư ân nhân, thân hữu từ suốt nhiều chục năm qua. Ngoài ra chúng tôi cũng xin cảm ơn Giáo sư Cao Huy Thuần đã viết Lời giới thiệu và Giáo sư Trần Tuấn Mẫn đã góp ý cho tập sách này hoàn chỉnh trước khi in. Chúng tôi xin ghi tạc ơn đức của chư vị và nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho chư vị được phước lạc tròn đầy.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Chùa Linh Thái, TP.Hồ Chí Minh,

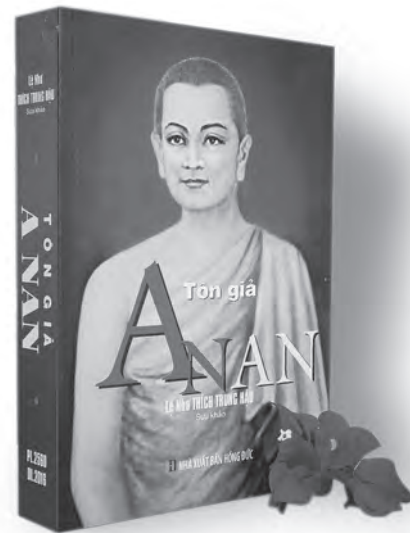
Trung thu, Bính Thân (2016), PL.2560.

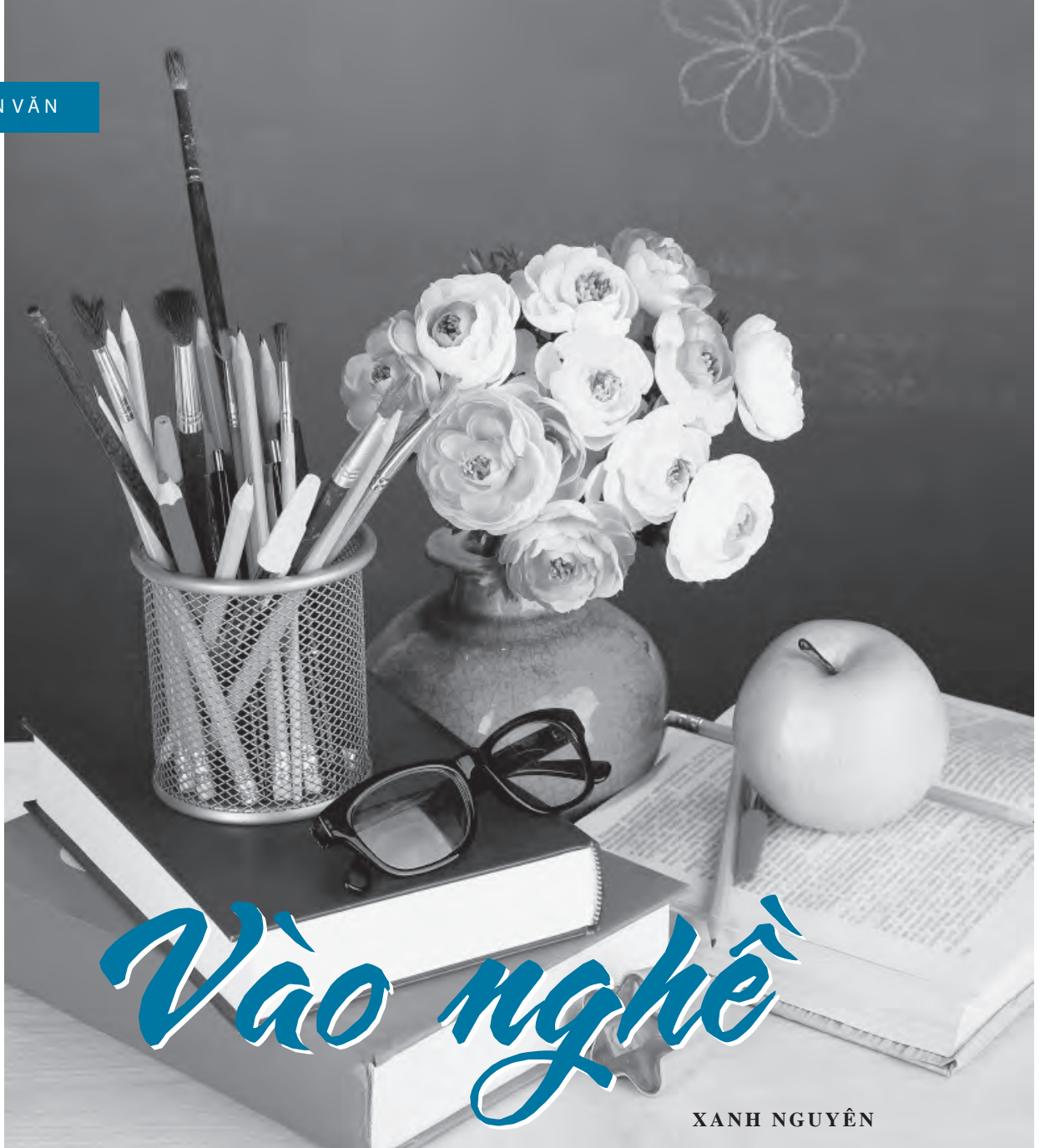
Tỳ-kheo Thích Trung Hậu

Trú trì chùa Linh Thái

Trường ban Văn hóa T.Ư

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ■





Vào nghề

XANH NGUYỄN

Sáng sớm, trong khu tập thể giáo viên cạnh trường, Lan đã thức dậy từ lúc nào. Con gà trống nhà anh chín Kín dẫn đầu đàn tiến vào bãi cỏ trước phòng Lan ở. Nó làm mấy động tác khởi động rồi rướn cổ làm một tràng dài “ò...ó...o...o” rõ mồn một để đánh thức mọi người.

Bên cạnh nó, chú trống choai cũng te te từng tiếng hòa theo đàn anh gáy thừ. Nhưng xem ra trống choai ta chẳng được cả đàn hoan nghênh, nên sau khi vừa kết thúc giọng ca the thé, nó liền bị anh trưởng đàn rượt đuổi chạy bạt vía. Đón chào một buổi sáng với những thanh âm rộn rã ấy khiến ánh mắt Lan vui vẻ đến lạ.

Đã thành thói quen, sáng nào cũng giờ này, Lan đều ngồi bên chiếc bàn nhựa cạnh cửa sổ, xem lại giáo án cho một ngày lên lớp. Cô chẳng thể lý giải vì sao mình lại yêu cái nghề giáo đến thế, và càng không hiểu vì sao, từ khi được nhận về trường này dạy, cô lại tâm

huyết, nhiệt tình đến vậy. Hình ảnh những cô cậu học trò vô tư, hồn nhiên với những cặp mắt xoe tròn, đôi lúc lại há hốc miệng ngạc nhiên, khi lại phá lên cười nghiêng ngả khi nghe Lan giảng bài như càng tiếp thêm niềm tin cho cô những giờ lên lớp.

Bốn năm trước, sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm với tấm bằng loại khá, Lan vẫn thất nghiệp như thường. Thấy con cái người ta có công việc ổn định, trong khi con mình vẫn rong ruổi với đủ nghề tay trái, nay ở Sài Gòn làm công nhân giày da, mai làm bảo mẫu cho một trường mầm non tư thục, rồi lại lên Đà Lạt bán hàng cho cô ruột, bố Lan phần vì thương con, phần vì lo lắng cho con gái đã ngoài tuổi 26. Nhiều lần gọi điện, ông vẫn thường hay khuyên bảo:

- Thôi con ạ. Về quê cưới chồng rồi làm nông cũng được.

Nghe bố nói, Lan thấy chạnh lòng. Không hiểu sao bố lại nói vậy. Mình mất bốn năm học đại học, tiêu hết

bao nhiêu tiền của bố mẹ mà lại đành phải về quê làm nông sao? Với lại, mình phải kiếm tiền để đền đáp công lao nuôi dưỡng của bố mẹ chứ?

Thế nhưng, mỗi lần phân trần với bố như thế, bố Lan lại vẫn khẳng khăng:

- Con gái có tuổi rồi. Cứ lòng bông mãi, biết khi nào mới ổn định mà lo chuyện chồng con hả con? Xem bạn con đấy, chồng con cả rồi.

- Bố cứ lo xa. Thời đại bây giờ, khối người lấy chồng muộn đó thôi. Bố đừng lo con gái bố ế chồng. Mà nếu có ế thì con sẽ ở vậy nuôi bố mẹ suốt đời, có sao.

Lan pha trò khiến ông Thành tưởng thật:

- Mà cứ đại cái miệng. Nhanh nhanh mà lo cái thân đi. Bố mẹ cũng già rồi. Còn mỗi cô nữa thôi đấy!

- Dạ! Tuân lệnh bố yêu!

Những đêm không ngủ được, Lan lại nhớ bố mẹ, lại nghĩ về công việc và về bản thân mình. Nhà có mỗi hai chị em gái. Trong khi cô em ra trường, làm việc ở Sài Gòn và đã có gia đình ổn định thì Lan vẫn chưa đâu vào đâu. Nhiều lúc cô thấy nản lòng, muốn buông xuôi về quê kiếm quách anh nông dân nào đó cưới rồi sinh con, đẻ cái, thế là coi như xong. Nhưng cứ nghĩ đến mấy đứa bạn mỗi khi gọi điện vẫn thường hay khoe trường, lớp, học trò,... làm Lan không thể không hy vọng. Không những thế, cả ngày đi làm, đến đêm về, mở facebook xem, thấy bạn bè đăng ảnh mặc áo dài này, váy công sở nọ chụp hình, lòng Lan ngập tràn nỗi thèm thuồng được làm cô giáo.

Thế rồi, niềm vui đến với Lan bất chợt như cơn mưa rào giữa ngày nắng hạn. Một ngày đẹp trời, chị Xuân, đồng hương của Lan, gọi điện thông báo trường chị thiếu một chỉ tiêu Địa lý. Thế là ngay lập tức, bộ hồ sơ lâu nay vẫn nằm lặng lẽ trong rương sắt, được cô đem ra gửi phát nhanh đến trường chị. Lan may mắn được nhận vào dạy. Vẫn còn đó như in giây phút cô nhận được điện thoại của chị:

- Alo! Em ra nhận việc nhé! Thầy đồng ý rồi.

- Dạ! Chị nói gì cơ?

- Chị nói là em đã được thầy nhận vào dạy trong trường và đã được Sở Giáo dục chấp thuận rồi.

Cô vui sướng, niềm vui sướng vỡ òa khiến cô chẳng thể cất nên lời. Nước mắt lăn tròn xuống hai gò má, Lan mỉm cười hạnh phúc. Tim cô loạn nhịp, bao cảm xúc hồi hộp, lo lắng, đan xen khiến cô quên cả câu cảm ơn gửi chị đồng hương qua cuộc điện thoại.

Cất gọn những tháng ngày lộn lộn với những nghề không phải là sở trường của mình, Lan nhanh chóng có mặt tại trường như quy định. Được khoác lại trên mình bộ áo dài sau bốn năm cất giữ, Lan hồi hộp dự buổi lễ chào cờ của trường đầu năm học mới. Có cái gì đó xốn xang khiến lòng cô nao nao đến lạ. Được đồng nghiệp hỏi han, trò chuyện, được học trò gọi tiếng "cô", chợt chạm vào tim Lan xúc cảm sóng sánh. Lan thấy mình chưa bao giờ hạnh phúc hơn thế.

Tiết học đầu tiên trên lớp, Lan giới thiệu với học trò của mình tên, tuổi, quê quán, sở thích,... Nói chung là tất cả. Mấy cô cậu trong lớp có vẻ như muốn thử thách cô, chúng nhao nhao:

- Cô có biết hát không cô?

Lan có chút bối rối, nhưng ngay lập tức, cô lấy lại tinh thần. Chuyện gì chứ hát thì là sở trường của cô mà; dù sao suốt mấy năm đại học, cô đã từng là cây văn nghệ của lớp. Lan gạn giọng rồi cất lên lời ca thánh thót. Cả lớp im bật. Hơn bốn chục cặp mắt cứ đăm đăm hướng vào Lan. Tròng pháo tay không ngớt của học trò khi kết thúc bài hát giúp Lan dẫn lớp vào bài học đầu tiên một cách dễ dàng.

Lan say mê giảng bài. Bóng nắng lách mình qua tán xà cừ theo gió nhún nhảy bên ngoài song cửa. Mấy chú chim sâu vắt vẻo trên cành liễu ngoài hành lang riu rít cũng đang chăm chú học bài học của riêng chúng. Cứ thế, thời gian qua đi thật nhanh. Trống trường từng hồi dài vang lên báo hiệu một buổi học kết thúc. Lan đáp lại học trò bằng nụ cười tươi rói thay lời chào lại rồi rảo bước về khu tập thể. Tà áo dài màu xanh nõn chuối phát phơ theo gió, đem theo niềm vui của Lan hòa tan trong tiết trời thu xanh ngắt.

Đang loay hoay nấu cơm trong phòng, giọng của chị Xuân đã lạnh lạnh từ bên ngoài:

- Bữa đầu tiên đi dạy thế nào hả em?

Lan nhìn chị với vẻ mặt hớn hờ:

- Vui lắm chị ạ. Em rất thích mấy cô cậu học trò. Các em rất ngoan.

- Đấy mới là ngày đầu tiên thôi. Dần dà em sẽ thấy. Chúng sẽ khiến em đau đầu liền à.

Chị Xuân vừa nói vừa đưa tận tay Lan đĩa bánh lá:

- Bánh lá chị làm sáng nay đấy. Ăn xem có giống bánh ngoài quê mẹ em vẫn hay làm không?

- Dạ. Em cảm ơn chị.

Nhìn theo bóng chị khuất dần ở con ngõ dài đối diện, Lan thầm cảm ơn chị bởi những gì chị đã giúp đỡ mình.

Đã hơn một tháng gắn bó với ngôi trường, với thầy cô và học trò, Lan cảm thấy hạnh phúc đến vô bờ. Cô gọi điện về khoe với bố mẹ. Bố Lan vui vì con gái đã có việc làm đúng với ngành học. Ông muốn nhắc nhở chuyện chồng con nhưng sợ làm Lan mất vui nên lại thôi. Về phần mình, cô hiểu được điều bố không nói.

Ngày chủ nhật. Khu tập thể giáo viên sáng nay khá yên tĩnh. Mấy phòng kế bên vẫn đóng cửa im im; dường như ai cũng muốn thưởng cho mình một giấc ngủ thoải mái ngày cuối tuần. Lan vẫn dậy sớm như thường ngày. Cô gấp trang giáo án rồi đứng dậy bước ra sân ngó nghiêng sắc trời. Gió thu bay qua vượt nhẹ hai má, đám tóc mai trước trán cô lay lay nhẹ nhẹ. Trời trong veo một màu xanh diệp vôi. Khẽ hít một hơi thật sâu, Lan thấy mình như được tiếp thêm sức mạnh để tiếp tục với hành trình của một giáo viên mới chân ướt chân ráo vào nghề. ■



Mẹ là gì?

NGUYỄN HOÀNG DUY

Tôi bắt đầu sống tự lập từ năm 18 tuổi. Trải qua bao tháng ngày lận đận xứ người, tôi đã nếm được rất nhiều mùi vị của cuộc đời: có lúc hân hoan tột cùng, nhưng cũng đôi khi rơi vào vực thẳm bế tắc... rồi lại ngoi lên bằng ý chí và bản năng.

Thực ra tôi không muốn xa nhà vì nơi làng quê heo hút chỉ mỗi mẹ già đơn độc sớm hôm. Nhưng cuộc sống lại không cho tôi được phép định đoạt hoàn cảnh thuở khai sinh, mà bắt tôi phải cải thiện nó, phải vạch ra một hướng đi mới tốt hơn. Nhà nghèo nên tôi sớm nhận thức được hoàn cảnh gia đình và cuộc sống lây lất như thế nào. Tôi nghĩ, nếu muốn gia đình mình có cơm ngon áo ấm thì phải học, học thật giỏi và cố gắng vươn lên bằng nghị lực kiên cường. Và tôi đã học như chưa từng học, lao động miệt mài để mưu sinh, để tồn tại trong xã hội luôn choáng ngợp những chạm

bầy, phù phiếm, nơi thành phố không dành cho những người thiếu bản lĩnh.

Sống xa mẹ tôi cũng buồn lắm, nhưng tôi thấu hiểu mẹ buồn hơn tôi gấp vạn lần. Những bức thư, những cuộc gọi điện của mẹ tôi luôn cảm nhận được mùi ẩm ướt của nước mắt, của nỗi buồn. Nhiều đêm trong mơ, tôi thấy ba hiện về, gương mặt của người giận dữ mắng tôi: "*Mày thật bất hiếu với mẹ*"...

Tôi giật mình tỉnh giấc nửa đêm, mồ hôi nhễ nhại, đầu óc tiếng cú ăn đêm cứ vọng về liên hồi làm tôi bỗng thấy sợ. Tự ngẫm lời của ba, tôi càng sợ nhiều hơn. Tôi lo một ngày nào đó, mẹ sẽ xa rời tôi mãi mãi. Tôi thấy mình quá đỗi xấu hổ! Vì "cơm áo gạo tiền", vì tham vọng và danh lợi mà tôi đã lao vào mọi ngã rẽ của cuộc đời. Bỏ mẹ nơi quê nhà héo hon, chân yếu, tay run, mắt kèm nhem trông tôi từng phút.

Lối suy nghĩ này đã ám ảnh tôi từ thời đại học cho



đến lúc đi làm. Nó cứ bâng lảng thường nhật và chờn vờn trong giấc ngủ của tôi. Lúc thấy mình yếu đuối vì tình cảm dễ chùng muốn quay về trong vòng tay mẹ, nhưng rồi lại bị cơm-áo-gạo-tiền vực dậy trong phút chốc. Bởi suy cho cùng tôi cũng chỉ muốn mẹ được sống ấm êm trong quãng đời còn lại ở tuổi xế chiều.

Có nhiều lần tôi tự hỏi mình, từ “Mẹ” nghĩa là gì mà bao la và vĩ đại như thế? Phải chăng, đơn thuần “Mẹ” là một người phụ nữ đã mang nặng đẻ đau ra mình như trong từ điển Việt Nam đã nói, mà bất cứ một người con nào trên hành tinh này đều vẫn kính yêu? Không, công lao của mẹ còn vượt xa hơn thế nữa!

Mẹ là một cô giáo hiền từ, nhân hậu. Trong suốt nhiều năm cắp sách đến trường, lúc nào mẹ tôi cũng quan tâm đến việc học và dạy dỗ đạo đức cho tôi nên người. Có một bài toán khó hay một bài tập làm văn phân tích học búa là tôi đều nhờ đến mẹ dạy bảo. Khi bước sang cấp

ba, những môn học dần xa với tầm kiến thức của mẹ, nhưng không vì thế mà mẹ chẳng quan tâm đến việc học tôi. Mẹ tôi luôn động viên, cùng tôi học bài, ôn bài. Bao giờ mẹ cũng nhắc nhở tôi học vừa sức, dành thời gian thư giãn lành mạnh, đừng quá vui đầu vào sách vở quá mà tạo ra căng thẳng cho chính bản thân.

Mẹ là một tài xế cần cù, tốt bụng. Nhớ lúc xưa nhà tôi rất nghèo, không có xe đạp cũng chẳng có xe máy. Mỗi khi đến trường vào mùa nước nổi, mẹ đều công tôi trên lưng men theo triền đê, băng qua những cánh đồng thẳng tắp để đến lớp. Rồi khi nhà mua được xe đạp, ngày hai buổi mẹ tranh thủ làm xong việc nội trợ để cạo cạo xe đưa tôi đến lớp và về nhà. Đến khi bước vào cấp hai, mẹ mới yên tâm cho tôi nhong nhong trên con ngựa sắt.

Mẹ là một ca sĩ có giọng hò, lời ru ngọt lịm. Thuở ấu thơ, lúc trời hè nóng nực, mẹ hay mắc võng vào lũy tre sau nhà để ru tôi ngủ. Tiếng ru của mẹ hòa vào tiếng gió, giao thoa với thanh âm kéo kẹt của lũy tre làng tạo ra những âm điệu thật du dương êm ái. Suốt tuổi thơ tôi, nếu thiếu vắng lời ru của mẹ, không khi nào tôi ngủ được, cứ trần trọc mãi hoặc khóc nhè. Tuy giờ đây tôi bắt gặp lời ru ấy chỉ trong giấc mơ, nhưng tận tiềm thức, tôi có thể mơ màng tượng lời ru mẹ vẫn ngọt ngào, quyết rũ như xưa.

Mẹ là một thần bếp tuyệt vời, không ai bì được. Nhưng món ăn do chính tay mẹ làm đều ngon và đậm đà hồn quê. Ngày xưa, tuy cơm canh đạm bạc, nhưng qua bàn tay chế biến của mẹ, những món ăn như biết nhảy múa, thật đẹp mắt và ngon miệng làm sao. Giờ đây, tuy gia đình đã qua cơn nguy khó, nhưng thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn khơi gợi ký ức cho tôi bằng những món ăn dân dã ngày nào. Mẹ bảo, làm như thế để tôi không quên nguồn cội, không quên cái thuở hàn vi mà biết trân trọng quá khứ gian nan.

Mẹ là một người bạn chân thành và nhiệt tình nhất trong đời tôi. Những lúc vui hay buồn, người đầu tiên tôi chia sẻ là mẹ. Bởi mẹ luôn thấu hiểu tôi, lắng nghe tôi tâm sự, tìm ra được con đường sáng sửa cho tôi đi, dắt tôi vượt qua những chông gai, cám dỗ của cuộc đời.

Mẹ là nàng tiên thảo hiền trong câu chuyện cổ tích Việt Nam mà tôi từng đọc. Ba vắng nhà thường xuyên. Mẹ thay mặt làm chủ gia đình, lo toan mọi thứ. Tuy có cực nhọc, gánh vác nhiều phần trách nhiệm không thuộc khả năng của người phụ nữ chân yếu tay mềm, nhưng mẹ vẫn vượt qua được. Đối với hàng xóm và họ hàng, mẹ tôi chưa bao giờ làm mất lòng ai, ngược lại còn nhận được nhiều câu khen ngợi. Ở mẹ tôi, luôn toát lên sự thánh thiện, thuần khiết, từ tâm...

Vâng, tất cả những gì tinh tú, khéo léo, đẹp đẽ... nhất trên trái đất này đã thai nghén và tạo nên Mẹ. Công lao to lớn ấy Mẹ cho đi không cần nhận lại, mà chỉ để con cái biết rằng tình mẫu tử có thể chiến thắng tất cả, ngay trong cơn nguy! ■

Cơm nắm mo cau của mẹ

TRINH VIẾT HIỆP

Hôm qua đi ngang một ngã tư đường phố, khi nhìn thấy một người phụ nữ lớn tuổi, để chừng đã ngoài 60 tuổi, đang lúi cúi cắt và bán những nắm cơm cho khách qua đường ghé mua, tự dưng trong tôi lại nồn nao sự thèm muốn được ăn cơm nắm.

Và tất nhiên tôi, cũng đã ghé vào vỉa hè để mua vài nắm cơm mang về nhà ăn, bởi lẽ cơm nắm đầu có đất; với lại đã quá lâu rồi, có lẽ phải tới vài năm nay tôi chưa từng ăn lại món cơm mà suốt những năm tháng tuổi thơ chẳng có tuần nào, tháng nào mà tôi không được mẹ làm cho ăn...

Quả là với những người tuổi trẻ ngày nay thì món cơm nắm là quá xa lạ, thậm chí là có người chưa bao giờ từng ăn, bởi khi xã hội phát triển, kinh tế đủ đầy hơn thì đã có vô vàn những thức ăn chế biến sẵn được bày bán tiện lợi ở mọi nơi mọi chỗ, vì thế mà ta chỉ cần bỏ tiền ra là đã có thể sở hữu những món đồ ăn theo ý mình.

Thế nhưng, với những người sinh ra từ cách đây vài ba thập kỷ trở về trước, nhất là đối với ở thôn quê thì món cơm nắm là thứ đồ ăn rất thân quen. Mỗi khi gia đình nào đó có người chuẩn bị đi đâu xa cỡ một, vài ngày là cha mẹ, ông bà trong gia đình ấy thường lo sửa soạn việc nấu cơm, nắm cơm để cho thành viên nhà mình mang theo ăn dần. Giai đoạn đó kinh tế còn thiếu thốn, nhà nào cũng nghèo nên có nắm cơm bên mình khi đi xa sẽ không đói lòng mà được chắc dạ...

Tuổi thơ tôi từng "làm bạn" với những nắm cơm gói trong mo cau của mẹ. Mẹ tôi là người phụ nữ khéo léo trong việc bếp núc vì vậy mà hễ trong nhà có ai đi đâu đó là bao giờ mẹ cũng dậy thật sớm để lo sửa soạn cơm nắm. Thậm chí chẳng cần phải đi đâu xa tới vài ngày, mà ngay như mấy anh chị em chúng tôi chỉ phải học cả ngày, ở lại trường buổi trưa mẹ cũng làm cơm nắm bỏ túi để các con ăn trưa. Rồi thì bố tôi có những buổi đi làm thuê ở làng bên, hay cày ruộng nơi xứ đồng xa, trưa không về thì mẹ cũng chu toàn lo cơm nắm để bố không phải dứt bữa.

Có thể nhiều người nghĩ quy trình và cung cách chế biến nên những nắm cơm là giản đơn, dễ, mà ai cũng có thể làm được, nhưng thực tế thì nó không như vậy, mà phải là người có nghề, có kinh nghiệm mới có thể làm nấu cơm và nắm được những nắm cơm ngon, đạt tiêu chuẩn.

Mẹ từng dạy tôi việc lựa gạo, nấu cơm rồi nắm ra sao để nắm cơm được ngon, để được lâu tới cả hai ngày mà không bị thiu. Thế nhưng dù có làm tới nhiều lần thì tôi cũng không thể nấu và nắm được những nắm cơm ngon, đạt tiêu chuẩn như mẹ vẫn làm. Theo tôi thấy từ kinh nghiệm của mẹ trong việc nắm cơm, đó là việc chọn gạo là khá quan trọng, nghĩa là gạo mang nấu cơm để nắm phải

là gạo mùa trước, nghĩa là thóc được thu hoạch từ một năm trước, để gạo ít nhựa, khi nắm cơm sẽ không nhanh bị chua thiu. Khi nấu, cơm cũng không được khô quá, mà phải dẻo dẻo, nhưng cũng không được quá nhão, bởi nếu cơm nhão khi nắm cơm sẽ chẳng khác gì món bánh đúc.

Công đoạn nắm cơm cũng rất cầu kỳ, nghĩa là khi cơm chín được dỡ ra cho nguội, rồi sau đó dùng chiếc khăn mặt sạch, hoặc một miếng vải sạch, bỏ cơm vào đó theo định lượng của từng nắm, và gói lại. Lúc này dùng hai tay nắm thật chặt, thật đều sao cho khối cơm nhào quyện vào nhau thật chặt. Khi cơm đã chặt tay và tạo thành một khối đồng đặc, lúc này mẹ mới bỏ vào chiếc mo cau còn tươi rói vừa tách bẹ rụng xuống sân và cuộn tròn lại như kiểu bó giò lụa. Rồi mẹ dùng lạt, dây cuộn thật chặt nắm cơm trong mo cau. Công đoạn cuối cùng là mẹ dùng dao sắc cắt xén sao cho nắm cơm gói trong tàu mo cau được gọn gàng, để bỏ vào đũa, vào túi cho việc mang đi.

Với món cơm nếp, khi mang nắm và gói trong mo cau mẹ cũng làm tương tự các công đoạn như nắm cơm tẻ. Chỉ có một chút hơi khác, đó là cơm nếp có độ dính cao nên trước khi bỏ nắm cơm vào mo cau gói cuộn lại mẹ tôi thường bao bên ngoài nắm cơm một lớp ny-lông mỏng chống dính, để khi gỡ lạt tháo dây ra, nắm cơm không bị dính vào lớp mo cau.

Ngày ấy, cơm nắm mo cau thường ăn kèm với muối vừng, muối lạc chứ làm gì có mấy ai được ăn kèm với ruốc thịt, chả giò như bây giờ. Nhiều người không có điều kiện làm muối vừng, muối lạc có khi chỉ chấm ăn với chút muối trắng cho thêm phần đậm đà.

Suốt những năm học cấp hai, cấp ba trường làng, thậm chí sang tới cấp ba nơi trường huyện mẹ luôn chăm lo phần cơm nắm cho tôi mỗi khi tôi rời nhà chỉ trong khoảng một ngày. Những chuyến tham quan, hay đi du lịch, đi cắm trại cùng bạn bè, trường lớp với thời gian vài ngày thì chuyện mẹ làm dăm ba nắm cơm cho tôi mang theo ăn kèm là không thể thiếu được.

Dẫu nhà có ăn đói, có thiếu gạo phải độn thêm nhiều ngô, khoai, sắn thì mẹ cũng luôn dành vài bô gạo để nấu cơm, nắm cho tôi mang đi. Không chỉ chăm phần ăn cho tôi, với bản tính thơm thảo rộng lượng, mẹ còn luôn nắm thêm nhiều cơm chút để tôi thết đãi bạn bè ăn cùng...

Đã xa rồi tuổi thơ, tạm biệt đã quá lâu rồi cái thời thiếu đói nghèo khổ, và nay sống ở thành phố, dẫu cuộc sống đủ đầy, rồi cơm nắm được các bà, các chị từ một số miền quê chế biến mang lên phục vụ tận nơi, song dù có thỏa ý muốn với vài nắm cơm kèm theo giò chả hào hạp, nhưng trong tôi vẫn luôn thèm muốn được ăn những nắm cơm gói trong mo cau đượm tình quê của mẹ... ■



Nguồn: casacnghean.com

Thương nhớ rau rừng

LÝ THỊ MINH CHÂU

Chẳng hiểu sao, chỉ cần nhìn thấy cây cà-rốt là tôi nhớ ngay đến loại rau rừng cũng có mùi vị và hình dáng y chang loại rau củ quý phái này. Khác với cây cà-rốt phải trồng trên vồng đất mùn tươi xốp để có củ to và đẹp, rau của tôi lại mọc thông dong dưới nước đọng, bùn lầy.

Ngày đó sau chuyến hành quân vất vả, chúng tôi được lệnh đóng quân trong một khu rừng nguyên sơ của thôn Dạ Tro, xã Dạ Sa.

Thực tế thì vào rừng chẳng ai dại gì mang nhiều rau xanh cho nặng mà lại chẳng thể để được lâu. Chỉ sống bằng kinh nghiệm thì chưa đủ. Cánh cựu binh chỉ quen mùi rau tàu bay, rau má hay măng tre, cháo bẹ là những thứ mà cánh rừng này hầu như không có. Dưới tán thông thì chẳng có gì mọc được ngoài cỏ tranh, cỏ cú và những thứ mà đến trâu bò cũng cười nửa miệng chào thua.

Đói rau lắm rồi, thật tình đấy. Canh mì gói mà không có rau thì khác gì bà goá áo váy nửa vời, khô khan và nhàn nhạt sao ấy. Đành thôi, muốn ăn thì lăn vô bếp mà vô bếp thì thằng anh nuôi mắt cứ đảo liên hồi, đảo đến chóng cả mặt nên quảng cho hẳn nụ cười ruồi rồi lặng lẽ rút êm. Chỉ còn cách ra suối may ra có cái gì đó để yêu, để thích. Mình vốn dân quê nòi mà, nên biết ở suối có nhiều cái có thể làm cho cái đầu đói bớt nóng. Trong đó, cần nước là số một, rồi ngô lục bình cũng ăn được, còn ngô sen, ngô sùng thì chắc có trời mới dám chê ông chê eo. Trên bờ thì rau ăn vô kể nhưng nơi này chỉ có đọt vòng, đọt mây. Đọt vòng nấu canh ăn ngủ sướng lắm, kéo một hơi từ đầu hôm tới rạng sáng chẳng khó khăn gì. Và một loại rau rất đặc biệt mà mình thấy giống cây cà-rốt quá còn ăn được hay không thì phải hạ hồi phân giải. Hấp tấp quá có khi phải vạ vào thân. Bước đầu là ngắt lá và vò nát, sau đó mới ngồi xa xa rồi mới dám ngồi gần gần. Thơm đấy, mà lại quen nữa. Quan sát thật kỹ

xem có sâu bọ nào hỗn láo xơi trước hay chưa. Nó không xơi thì mình cũng chả dám. Chả ai dại.

Thấy rồi, những cái đọt non bị sên hay ốc iếc gì đó phồng tay trên hồi nào hồi nào. Hồn nhiên nhâm nhi vài lá và hát nho nhỏ “nào ta cùng tiến lên”... sát phạt.

Bát canh mì tôm với rau rừng ấy ngon thế mà chẳng đứa nào dám thò đũa. Nhất thế, ta đành phải làm lính trinh sát mở đường. Đêm ấy mình ngủ ngon đến khiếp, chắc chắn đã có vài lần tay lay lay, lắc lắc gì đó, thậm chí sờ mũi sờ tim xem còn động tĩnh gì không chứ chẳng chơi.

Chết không chết mà lại thành thầy thông thì quả là lạ. Ngày hôm sau, chỉ huy giao mình với đám chú lính xông pha “chiến trường”. Và rau ấy đã thành đặc sản. Với vài miếng tóp mỡ làm duyên, xào nhanh trên lửa thông cháy như ăn cướp nên rau xanh, giòn, ngọt và ngon đến đổi đũa gắp phải va nhau đôm đốp. Ngon, tuyệt ngon nữa là khác bởi tóp mỡ ngày ấy huênh hoang lắm, không có tem phiếu thì đừng mong động đến lông chân hấn. Nhưng với lính rừng thì sùng đạn đầy mình nên cũng có chút gì đó nể nang chẳng.

Sau này thì mình biết bà con nơi đây cũng thường nấu canh với loại rau này. Cái tên thì có nghe nhưng chẳng thể nào nhớ. Đành xin gọi là rau cà-rốt rừng cho nó thiêng vậy.

Đất nước ngày luôn phát triển, đời sống con người ngày càng nâng cao, song vấn đề sức khỏe, vệ sinh an toàn thực phẩm cũng được người ta quan tâm hết mực nên rau rừng cũng chẳng dại gì bỏ lỡ cơ hội lên ngôi hoàng ngôi đế... Thực tế thì trong những nhà hàng sang trọng đĩa rau thương phẩm giá chỉ bằng nửa thậm chí một phần năm đĩa rau rừng đã có tuổi, có tên.

Cảm ơn rừng đã nuôi sống chúng ta - những con dân nước Việt - luôn vì nòi giống mà hết lòng gìn giữ, tôn tạo cao nguyên hùng vĩ và xinh đẹp này. ■

Quê hương nội tại

TÁNH THIÊN

Đời ta có một quê hương
 Quê hương nội tại dễ thương vô cùng
 Nhiều năm mà vẫn lạnh lùng
 Bầy chừ nhớ lại lòng mừng như điên

Quê ta chẳng muôn chẳng phiền
 Quê ta là cả bao niềm bình an
 Quê ta chẳng buộc chẳng ràng
 Đến đi đi đến nhẹ nhàng thong dong

Ta còn quê cũ hình cong
 Ra đi để lại muôn dòng cách xa
 Ta yêu cuộc sống bao la
 Quê hương nội tại chẳng xa bao giờ.

Phật pháp vô biên

NGUYỄN TỪ

Lời Phật dạy: Ta đừng nên quyền luyến
 Tất cả gì vốn không phải của ta
 “Ta” chẳng có, thì cái gì ta có?
 Có chăng chỉ “Phật tánh” của mỗi người.

Cho hay Phật pháp vốn vô biên
 Điều thiện nên làm, điều ác kiêng
 Năm giới khởi đầu người tu học
 Ráng rèn thuần thực, diệt oan khiên.

THÂN - KHẨU - Ý, tạo ra thập nghiệp
 THÂN làm lành, KHẨU cũng nói lành
 Chỉ có Ý ráng đừng nhớ nhớt
 Vì Ý điều khiển cả KHẨU, THÂN!
 Lục căn duyên với lục trần
 Xô người vào bể trầm luân muôn đời...

Mẹ tôi

HÀ NGỌC HOÀNG

Mẹ tôi gánh cả chợ chiều
 Gió đưa muối mặn đọng nhiều mắt cay
 Làn da héo thán hao ngày
 Khép hờ mi đã phủ đầy nếp nhăn
 Bữa cơm mẹ vẫn dặn rằng
 Con ơi hay chữ để bằng người ta
 Thế rồi ngày tháng cứ qua
 Mẹ tôi cười bảo cửa nhà yên vui
 Đã đi gần nửa cuộc đời
 Tôi ngồi tôi hiểu mẹ tôi nói gì.

Gửi lòng đến với đảo xa

PHAN THÀNH MINH

Giai điệu tự hào sóng hát mãi không thôi
 Hạt cát mài mòn để thiên thu trầm lắng
 Mênh mông điệp trùng phong ba mưa nắng
 Lính xa nhà lấy biển đảo nhớ thương

Biển ào ào như lính biên cương
 Ngày chưa mọc đã ra cùng với biển
 Trăng chờ lặn ngõ cánh buồm hiển hiện
 Lòng băng khuâng sông nước quê nhà

Có vạn nỗi niềm trong hai tiếng Trường Sa
 Một chấm nhỏ giữa bao la biển lớn
 Như nóm ruột nói đất liền và biển
 Mẹ Tiên Rồng ôm ấp những đứa con

Dốc sức trai hùng kéo mảnh đêm lên
 Niềm vui nghẽn trong tiếng cười lính trẻ
 Tay lưới nặng tưởng chừng không thể
 Con mú con hồng sáng rực mâm trưa

Lá bàng vuông thay cải thay dưa
 Gian khó tảo tần tạc dáng hình lính đảo
 Căng vòng ngực chắn che giông bão
 Gần lắm Trường Sa nhưng xa lắm ngọt bùi

Bất khuất kiên trung gìn giữ biển trời
 Là cột mốc cho ngư tàu neo đậu
 Sương nắng phong trần nhưng giản đơn hiền hậu
 Giữa Trường Sa vui gặp những đời thường.

Nén muện

NGUYỄN THỊ BÌNH

Thấp lên một ánh nến
 Trong đêm khuya... rất khuya
 Những ngôi sao thắm lặng
 Đã ngủ quên cuối trời
 Thấp riêng ta ánh nến
 Soi bóng mình lẻ loi
 Gió vườn khuya buồn bã
 Tiếng phong linh u trầm
 Thấp cho niềm yêu cũ
 Nén ngày xưa reo vui
 Hoa hồng và nến đỏ
 Âm ỉ những ngâm ngợi
 Thấp lên trong đêm vắng
 Nén một mình... buồn không?
 Chút lửa hồng ấm áp
 Rồi tan vào mênh mông...

Nỗi thu

KIM HOA

Ve thôi...!
Buông tiếng gọi hè
Phượng thôi khoe sắc
Lối về trường xưa
Nhẹ phoi vạt nắng...! Sang mùa
Mây trôi bàng bạc - tiết vừa độ thu.

Đồng xanh sương nhả khói mù
Lâng lâng nỗi nhớ mưa thu gọi buồn
Tím trời ngả bóng hoàng hôn
Nghe...! Năm tháng cũ mãi còn vấn vương.

Lượn vòng sợi nhớ sợi thương
Trở trần tóc đã điểm sương mắt rời
Khẽ khàng nhìn chiếc lá rơi
Chạnh lòng thăm hỏi...! Thu ơi mấy mùa.

Lá bay về cội

NGUYỄN NGHĨA

Thân si đợi đón thu vàng
Lá bay về cội đợi ngàn tình xưa
Hồng lâu mộng lặng lẽ mưa
Đất dòng lệ chảy tiễn đưa bóng chiều
Trăng khuya lẻ bóng cô liêu
Người về gói đá nâng niu giấc nồng.

Vòm trời ước mơ

TRẦN THỊ THÙY LINH

Vòm trời con thả ước mơ
Vút cao miền mây xanh thắm
Ban mai bình minh rực đỏ
Đàn chim ca hát yên lành

Vòm trời con thả ước mơ
Nghiêng nghiêng bờ tre rợp mát
Cánh diều bay cao bát ngát
Rộn ràng khúc hát đồng dao

Vòm trời con thả ước mơ
Mẹ cha sớm chiều vất vả
Lặn lội đồng xa cực nhọc
Cho con vui bước đến trường

Vòm trời con thả ước mơ
Tháng năm trôi vào hoài niệm
Ngày thơ lung linh nguyên vẹn
Tình khôi kí ức êm đềm.



Cách rong yêu của loài hoa

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Hoa, cái tên nghe đầy nữ tính. Quê ngoại tôi có nhiều phụ nữ mang cái tên cứng cộm này. Tôi hỏi ngoại, sao không là Bông là Huệ mà là Hoa? Chẳng lẽ, dân Cái Bè, khi trước nhà Nguyễn gọi Trà Lọt - dám lờ chuyện kỵ húy triều đình? Ngoại cười, nụ cười móm sọt:

- Thiên tử nói, thiên tử nghe. Thảo dân, loài cây có sống nơi điển dã, sá gì!
- Chớ người làng mình không phải gốc Quảng Nam, hả ngoại?
- Thiệt giống con mẹ mầy, ham ăn cơm hút!

Ngoại vừa nói vừa cặp nách cái rổ bằng cật tre chuẩn bị đi ngắt đọt bầu, lật nụ bông bí...

* * *

Giàn bầu bí nhà ngoại nằm chênh vênh nửa bám đất, nửa gie ngoài mặt nước và che khuất một góc cầu ao. Tôi thường theo dì Út tắm giặt nơi đây mỗi khi trời sụp mí mắt, không gian chìm vào tiếng vạc kêu buồn đi ăn thẳm trong đêm. Quê ngoại thuộc vùng đất "xôi đậu" thời chiến tranh. Dân làng tứ tán. Trai tráng kẻ vào quân ngũ, người vô bụng biển. Những người làng bám trụ giữ đất không sợ chết, chỉ sợ nổi cò đơn lạc đồng trong bóng chiều kéo lê thê sự vắng lặng mênh mông qua làng.

Làng ngoại hồi đó, nhà nào cũng có ít nhất một cái tầng-xê (tranchée) để tránh bom pháo, đạn lạc. Cuộc sống không có thời gian và cũng không đủ thời gian tạo riêng cuộc sống. Ngoại trồng bầu bí chung giàn chẳng ngại chúng xâm lấn giàn, cưỡng bức đổi nòi thay giống. Hoa bí hoa bầu quang hợp năng, khoe sắc và nhảy múa theo gió lùa buổi sớm mai như cố xua đuổi sự chết rời khỏi xóm làng. Tôi yêu quê ngoại có nhiều lý do nhưng có lẽ đây là một trong nhiều lý do tôi không thể nào xa quê ngoại!

Tôi nhớ, ngoại nơm nớp lo trong bụng khi ngực dì Út thường căng nhức về đêm và đôi lúc sờ ống chun đi, ngoại thấy con gái mình đã nổi bắp! Thời loạn và nhiều nhượng, mấy ai lường được những điều bất trắc?

2 Gió mang đến niềm vui và sự sống cho bầu bí, gió cũng tạo điều kiện cho hoa gần gũi tự tìm cách rong yêu. Trời sinh bầu bí khác giống, nhưng giới tính chúng tuy đa dạng và phức tạp mà lại giống nhau. Bầu bí có thể có một hoặc nhiều dạng hoa, và ở mỗi dạng hoa độc chiếm một giới tính riêng. Kiểu dáng, màu sắc, đậu trái nhiều ít, chất lượng... do *gien* và môi trường quyết định. Ngoại nói:

- Các con ngoại từ một giống ngoại sinh ra. Chưa bao giờ ngoại buồn vì các con không giống ngoại.

Ngoại chỉ đi Út bới tóc gọn gàng, rồi nói tiếp:

- *Gien* dù có tốt mấy mà không gặp môi trường sống tốt thì cái *gien* tốt kia cũng chẳng ích lợi gì!

Tôi chưa kịp hỏi ngoại: "Người làng mình trồng bầu bí chung giàn từ lúc nào?", thì ngoại đã nói tuồn tuột:



- Đàng cụt không có chữ nên lấy hành động thay chữ. Vì không có chữ nên mượn lời nói bày tỏ tấm lòng. Lời nói phải xuất phát từ hiểu biết, từ chứng cứ. Nếu không được vậy, dựa cọt mà nghe và nhớ:

*"Nói chín thì nên làm mười
Nói mười làm chín kẻ cười người chê".*
(Ca dao)

Ngoại nói tới đây, tôi chợt nhớ câu hò huê tình mà dì Út hay hò lúc hai dì cháu tắm đêm:

*"Nói lời thì giữ lấy lời
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay!"*

- Người phương Nam chẳng tự nhiên trồng bầu bí chung giàn. Các con của ngoại từ ngoại sinh ra, mặt mũi chúng chẳng giống nhau thì lòng dạ chúng sao giống nhau được! Dẫu vậy, chúng có một cái không thể không giống nhau đó là con người! Thú vật còn biết yêu thương, há lẽ con người quay lưng thù ghét?

Rồi ngoại cất giọng:

- Người Việt thuộc lớp lưu dân vào phương Nam thường "nói ít mà nhiều"; họ trồng bầu bí chung giàn là nhắc nhở người đời sau! Ở đời, mấy khi có hình mà thiếu bóng. Ông bà mình bỏ bóng chọn hình là chọn cái cụ thể và có thật! Mỗi người một cảnh, một quê; bao lý do thâm kín chôn chặt ở trái tim mình khi lìa xa xứ... Nếu biết buông bỏ "một cảnh một quê", gác lại "bao lý do thâm kín" thì dù giông bão tận thế, tận cùng trời đất cũng chỉ là chuyện "nhỏ như con thỏ" thôi, con ạ!

3 Mái tóc dì Út ngày một dài mượt, đen nhánh, không hẳn do xúc dầu dừa; chắc là do thời gian giúp con gái trở mã dậu thì. Lắm lần tôi nhìn trộm và mong được như dì. Ngoại hiểu mọi điều nhưng ngoại không nói.

Ngoại kể:

- Bầu bí giống nhau có hoa cái, hoa đực thì cái sự đời khác giống chẳng ăn thua chi trong cõi thiên nhiên. Không đực cái, sao sinh sản sinh tồn? Người không "bầu bí", sao "con người mới" chào đời? Cái mọc từ nách lá và mỗi nách lá thường đâm ra một hoa cái. Hoa cái có nhụy đủ dài và núm, cánh hoa khỏe đẹp và tươi tắn. Tất cả nằm trong bầu nhỏ và sau lần thụ phấn, bầu nhỏ sẽ phát triển thành trái.

Tôi hỏi ngoại:

- Cái đã vậy rồi, còn đực thì sao ngoại?

Dì Út ngồi tựa ngạch cửa vá tằm áo rách vai, nghe tôi hỏi ngoại chuyện đực cái lấy mắt lườm chòng chọc vào tôi, nhưng tôi biết đó chẳng qua động tác mần bộ mần tịch để di giấu đi sự ham muốn hóng chuyện.

Ngoại thủng thỉnh kể tiếp:

- Nếu cái mọc từ nách lá thì đực mọc từ nách nhánh. Đực có một cụm nhiều hoa nẩy ra trong một nách nhánh. Vì là đực nên hoa đực ngắn hơn hoa cái. Chẳng để chữa cần chi bầu nhỏ, bầu to!

Đột nhiên, dì Út xoay lưng hỏi ngoại:

- Việc để chữa của nó ra sao má?

Tôi lên ngó mặt dì, hai gò má dì hồng hieu sao tự nhiên ửng đỏ như màu trái gấc chín bằm dầy lúc la lúc lắt ngoài vườn.

Ngoại cười. Có lẽ đó là nụ cười vui lúng liếng của bất cứ bà mẹ nào khi nhận ra con gái mình đang trở thành thiếu nữ.

- Việc để chữa đâu hề muốn là được. Ngay cả hoa bầu hoa bí, nếu phần hoa đực còn non choẹt chưa già, nghĩa là chưa chín và nhụy hoa cái chưa đủ độ trưởng thành để hứng tinh thì chuyện "ép dầu ép mỡ ai nỡ ép duyên" sẽ xảy ra, hoa đực hoa cái đều rụng từng trước khi trời rụng sáng!

Thấy dì cháu nghe như vịt nghe sấm, bản mặt cứ ngu ngu ngơ ngơ, ngoại nói thêm:

- Hoa đực vạm vỡ và đẹp sẽ có nhị phân thùy bao phấn to màu vàng, mẩn cảm kích thích và sẵn sàng thụ phấn hoa cái. Gió hoặc ong bướm, côn trùng... mẩn chuyện mai mối và có thể không mai mối, tự nhiên tạo điều kiện cho hoa đực xâm lấn và kích thích rong yêu hoa cái!

Dì Út xoay mặt lại ngó ngoại, cười cầu tài múm mím:

- Má! Hoa cái kháng cự, hoa đực mẩn chi được?

- Đồi lức, đầu kháng cự, đuôi quy thuận. Núm nhụy hoa cái ngậm trọn nhị hoa đực, hạt phấn hoa đực màu vàng mịn, bằm, xiết... núm nhụy hoa cái... xưa "ông bà" ta có câu thơ rằng:

*"Hỡi hỡi cô bay tổ hão nhe
Hão nhe không được, gậy ông ghè
Ông ghè không được, ông ghè mãi
Ghè mãi thì lâu... cũng phải ròi!"*

Tới mừng đó thì... hết chuyện!

Tôi mắc cỡ, nôn nao hỏi dồn:

- Núm nhụy hoa cái không hé mở chờ đợi nhị hoa đực thì chuyện đâu hết!?

Ngoại cú đầu tôi.

- Khó nói lắm con ơi và chẳng... dễ dàng khi cả hai đực-cái đều đồng thời đã chín!

Giờ thì, ngoại đã theo ông theo bà và dì Út thì cũng đã thành lão bà bà trong cái xóm thuộc doi đất cù lao Tân Phong; tôi mới hiểu vì sao ở quê tôi mỗi lần nhắc tới giàn bầu bí, người ta thường chuyển đổi chữ "ràng" ra chữ "mình" trong câu hò:

*"Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy mình khác giống nhưng chung một giàn".*

Đêm sông nước Tiền Giang, nghe tiếng "mình" của ai đó hò ngân xa... Thiệt đã mẩn sao! ■

Chú thích:

1. Bài của Phạm Đình Hồ họa bài thơ thứ 3 trong ba bài *Trách Chiêu Hồ* của Hồ Xuân Hương; "tổ hão" có nghĩa là tổ cáo không đúng sự thật.

Phan Châu Trinh và “Hồn Tinh Vệ”

VĨNH SÍNH

Lời tòa soạn: Nhân một buổi trà đàm tại tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mới đây, mọi người nhắc đến một vị thân hữu của tạp chí là cố Giáo sư Vĩnh Sính. Chúng tôi xin đăng bài viết sau đây của cố Giáo sư gọi là một chút tưởng niệm. Trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

1 “Tinh Vệ” là loài chim sống ở bờ biển, trông na ná như quạ. Tục truyền con gái vua Viêm Đế chết đuối hóa thành chim, nên chim thường ngậm đá ở núi Tây những mong lấp cạn biển Đông. Tinh Vệ dùng theo nghĩa bóng là “việc gì khiến ta xả thân làm hết sức mình, bất luận thành bại”.

1.1. “Ngô đô phú” (Phú làm tại kinh đô nhà Ngô) trong *Tả Tư* có câu:

“Tinh Vệ hàm thạch nhi ngô kiếu”

(Tinh Vệ ngậm đá gặp lại chủ cũ).

Ông Tinh Vệ (1885-1944), chính trị gia người Quảng Đông, sau khi Tôn Văn mất, lãnh đạo cánh tả của Quốc dân đảng, một thời đối lập với Tưởng Giới Thạch. Năm 1937, khi chiến tranh Trung - Nhật khốc liệt, ông khởi xướng phong trào hòa bình với Nhật Bản, lập chính phủ Nam Kinh. Ông cũng lấy “Tinh Vệ” làm tên chữ - tên thật của ông ta là Ông Triệu Minh. Ở nước ta, trong Kiều có câu:

“Tinh thâm bể thâm lạ điều”

“Nào hồn Tinh Vệ biết theo chốn nào”

hoặc truyện *Sãi Vãi* cũng có:

“Đá Tinh Vệ muốn lấp sao cho cạn bể”.

1.2. Vào đầu thế kỷ XX, từ ngữ “Tinh Vệ” được dùng nhiều hơn bao giờ cả. Một trong những người đầu tiên sử dụng điển tích đó là Phan Châu Trinh (1872-1926). Phan là nhà cách mạng đã để lại nhiều văn thơ bằng chữ Hán và chữ Quốc ngữ - có bài đứng vào hàng kiệt tác.

Sau đây, chúng ta thử xem các bài thơ của Phan có nhắc đến chim “Tinh Vệ” và thử đoán “Tinh Vệ” hàm ý nghĩa gì. Cần nói thêm là khác với thơ văn Phan làm bằng chữ Hán, các bài thơ có liên quan đến chim Tinh Vệ trích sau này đều được viết bằng chữ Quốc ngữ.

2 Làm ở Côn Đảo, 1908?

Anh biết cho chăng hỡi Dã Hàng?

Thình linh sóng dậy của Nha Trang.

Lời nguyện trời đất còn ghi tạc,

Giọt máu non sông đã chảy tràn.

Tinh Vệ nghìn năm hồn khó dứt?

Đỗ Quyên muôn kiếp oán chưa tan!

2.1. Đỗ Quyên: chim quốc (cuốc), còn gọi là Đỗ Vũ, hay Tử Quy. Tương truyền vua Thục Đế là Đỗ Vũ ham mê nữ sắc, tư thông với vợ của bầy tôi. Thục Đế vì ham sắc bị buộc phải nhường ngôi, bỏ nước ra đi. Nhà vua về sau hối hận về hành động xằng bậy của mình, buồn rầu và sanh bệnh rồi mất, hóa thành chim Đỗ Quyên. Chim về mùa Hè kêu suốt đêm ai oán, đến hừng sáng là gãy chết. Tiếng chim Đỗ Quyên thường dùng theo nghĩa “lòng nhớ quê hương”.

2.2. Bài thơ trên, thiếu hai câu cuối, Phan chắc hẳn đã làm sau khi nghe tin Trần Quý Cáp lên đoạn đầu đài ở chợ Nha Trang sau vụ “Trung Kỳ dân biến” năm 1908. Trước cuộc dân biến, phong trào Duy Tân đã rất mạnh, đặc biệt là Quảng Nam, rồi đến Hà Nội, Nghệ An và Hà Tĩnh.

Trần Quý Cáp hiệu là Thai Xuyên hay Thích Phu, tự là Dã Hàng, đỗ tiến sĩ năm Giáp Thìn (1904). Trần là bạn chí thân của Phan và chí hướng hai người cũng giống nhau. Cả hai nổi tiếng về tài hùng biện.

Năm 1905, bộ ba Phan, Trần và Huỳnh Thúc Kháng Nam du, họ giả dạng lái buôn để lên “thám hiểm” tàu Nga đang cập bến ở Cam Ranh². Vào đến Bình Định, gặp kỳ khảo hạch hàng năm, Phan làm bài thơ *Chí thành thông thánh* (Chí thành thông đạo thánh hiền), Trần và Huỳnh Thúc Kháng làm bài phú *Lương ngọc danh sơn* (Cầu ngọc tốt ở ngọn núi lưng danh), dùng lời lẽ để kích động lòng yêu nước của sĩ phu toàn quốc. Năm 1908, khi phong trào Duy Tân đang dấy lên sôi nổi với khẩu hiệu “chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh” thì vụ dân biến xảy ra.

Cựu đảng Cần Vương nổi tiếng là Tiểu La Nguyễn Thành sau khi làm việc với Trần trong mấy năm, từng nói với Phan: “Nếu được một đôi người như Thai Xuyên có việc gì chả làm xong!”³. Trần hy sinh là điều mất mát rất lớn đối với Phan.

2.3. Tuy cùng mang hoài bão cứu nước, lập trường của Phan và Phan Bội Châu (PBC) rất khác nhau, thậm

chí về sau trở thành đối lập. Phan chủ trương bất bạo động và hoạt động hợp pháp, khởi xướng thuyết tự trị, kêu gọi canh tân để tự cường qua chủ trương “ý Pháp cầu tiến bộ”, rồi từng bước giành lại độc lập quốc gia. Lập trường của Phan được một số thân sĩ chịu ảnh hưởng tân học biểu đồng tình. Ngược lại, PBC chủ trương bài Pháp kịch liệt, hô hào lật đổ chính quyền thuộc địa bằng phương tiện bạo động và bí mật. Tưởng nên nói thêm là trong khoảng thời gian cuối đời sống trong tình trạng bị giam lỏng ở Huế từ cuối năm 1925 cho đến khi từ trần vào năm 1940, PBC có thái độ chính trị ôn hòa so với thời kỳ hoạt động ở hải ngoại.

Dưới mắt Phan, PBC là nhà yêu nước bị ảnh hưởng nặng nề của cái học khoa cử. Phan xem các trước tác của PBC là biến thể của văn chương bát cổ, “không có mấy may một chút giá trị, nhưng vì trình độ và tính cách thích hợp với quốc dân, nên dân mới bị lừa theo”⁴.

Cá tính con người PBC biểu hiện “những quán tính lâu đời của người Việt Nam, gồm những mặt tốt đẹp nhất cho tới những mặt thiếu sót, kém cỏi nhất”⁵. Theo Phan, PBC là “người đại biểu cho những tập quán có từ ngàn xưa trong lịch sử của dân tộc nước Nam. Không biết chân tướng của người nước Nam, xem ông ấy thì biết được. Người dân nước Nam rất giàu tính bài ngoại, ông ấy bài ngoại đến chỗ cực đoan. Người nước Nam rất thích ý lại vào người nước ngoài thì ông ấy ý lại đến chỗ cực đoan. Người dân nước Nam rất thiếu tính tự lập thì ông ấy lại càng thiếu cùng cực. Tính cách và trình độ của ông ấy nhất nhất đều tương hợp với tính cách và trình độ của quốc dân, bởi vậy ông nhân ưu điểm và khuyết điểm của quốc dân mà lợi dụng”⁶.

Điều khiến chúng ta kính phục là chính Phan cũng không kém thẳng thắn và khách quan khi dự đoán về khả năng thất bại của đường lối mà chính bản thân Phan đang theo đuổi: “Tôi tự biết những lý do mà chủ nghĩa của ông ấy đưa ra thì rất yếu, nhưng nếu áp dụng vào đặc tính của dân nước Nam thì rất mạnh. Chủ nghĩa của tôi, lý do đưa ra thì rất mạnh, nhưng nếu áp dụng vào đặc tính của người nước Nam trong tình thế hiện tại thì rất yếu. Chủ nghĩa của ông ấy rất hợp với đặc tính và trình độ của quốc dân, lại nhắm vào chỗ mạnh mà lợi dụng và vì ở hải ngoại nên ngôn luận tự do, dễ có người theo, do đó chủ nghĩa ông ấy sẽ tất thắng. Chủ nghĩa của tôi tương phản với đặc tính và trình độ của quốc dân, lại nhắm vào chỗ yếu mà cứu và vì ở trong nước nên bị các thế lực chèn ép và nghi kỵ tập trung vào, các hoạt động và ngôn luận đều không được tự do nên người theo cũng khó, do đó chủ nghĩa của tôi tất bại”⁷.

2.4. Phan trình bày những ý kiến của mình về PBC trong *Tân Việt Nam*, viết khoảng tháng 4, 1910 - tháng 3, 1911 ở Mỹ Tho trước khi đi Pháp. Thử hỏi chim Tinh Vệ sức đâu mà “ngậm đá”, một khi Trần Quý Cáp đã mất thì khả năng “lấp cạn biển Đông” lại khó khăn muôn phần.



3 Làm tại Paris, 1911? Một trong 10 bài thơ Phan làm thay Đổng Chiêu [Nguyễn Đình Chiểu] để khóc Trương Định

*Phân bua thiên hạ hỡi thương lòng,
Cái nợ non sông quyết gỡ xong.
Ngậm đá biển Đông chim hết sức,
Trông mây trời hạ lúa khô đồng.
Đêm dài Nịnh Thích khôn mong sáng,
Xuân lại Nghiêu Phu đã chắc đông.
Sùi sụt nhớ người càng tưởng cảnh,
Lờ mờ bụi lấp dấu Gò Công⁸.*

3.1 Làm tại Paris, 1911? Bài thứ 1 trong 10 bài “*Lại họa Tôn Thọ Tường*” [đầu đề giữa ngoặc kép là của Phan]

*Than thở lời ai hỡi để đây,
Trăm năm hầu để tỏ lòng này.
Sóng cao cá ngớp giương vi lợi,
Ngày túi chim đành mỗi cánh bay.
Tiếc bấy tài cao chưa gặp thuở,
Hiềm vì khí vẫn nở mưa ngày.
Chín sông dẫu có lòng Tinh Vệ,
Nghe thử mười bài miện lá lay⁹.*

3.2. Làm tại Paris 1911? Bài thứ 9 trong 10 bài “*Lại họa Tôn Thọ Tường*” [đầu đề giữa ngoặc kép là của Phan]

*Mười mươi xúm xít luống xăng vàng,
Rắn lợn¹⁰ nào ai tính thế ngăn?
Láo liến chuột bầy thua chuột lắt¹¹,
Chàng ràng trâu cột ghét trâu ăn¹².*

*Ngu Công hết cháu, non nên sủng,
Tinh Vệ còn thân, nước phải bằng.
Gánh nặng đàng xa đầu nữ bỏ,
Làm trai trước phải giữ lòng hằng*¹³.

3.3. “Ngậm đá biển Đông chim hết sức”: trong bài ngụ ý nói chim Tinh Vệ không còn sức để ngậm đá những mong lấp cạn biển Đông.

3.3.1. Nịnh Thích: Hiền sĩ ở Trung Hoa. Lúc nhỏ chăn trâu, thường gõ sừng trâu hát: “*Núi Nam sáng, đá trắng rạng, sinh không gặp thời Nghiêu Thuấn tốt lành, đêm dài mờ mịt biết khi nào sáng cho?*” Sau làm đến chức tể tướng¹⁴.

Nghiêu Phu: Thiệu Ung tự Nghiêu Phu là một đại nho đời Tống, nghiên cứu dịch lý rất sâu, soạn sách *Hoàng cực kinh thế*. Ông ở ẩn trong núi, tự cày cấy lấy mà ăn. Tên tụng khi chết là Thiệu Khang Tiết.

3.3.2. Gò Công: Nơi Trương Định đóng nghĩa quân¹⁵.

3.3.3. Ngu Công: lấy từ điển tích “*Ngu Công dời núi*”. Chuyện ngụ ngôn này nói ngày xưa có ông lão Bắc Sơn Ngu Công muốn đập bằng một hòn núi lớn để dời đi nơi khác, con cháu thầy đều tán thành. Thần thánh cảm kích, giúp đỡ lão ông dời núi.

4 Làm tại Paris, ngục Santé, tháng 9-1914 đến tháng 7-1915

Dã tràng xe cát bể Đông, Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì [đề bài của Phan]

*Nhọc mình chi lắm dã tràng ôi?
Xe cát xưa nay chẳng thấy rồi.
Tháng lụn năm qua cà cụm đấy,
Bãi dài sóng cả tạt xô bồi.
Mượn hồn Tinh Vệ thù cho bể,
Hóa kiếp Ngu Công chống với trời.
Cuộc thế tang thương đâu đã chắc,
Thân này xin hỏi bạn cùng người*¹⁶.

4.1. Bài thơ này làm khi Phan ngồi tù ở khám Santé, từ tháng 9-1914 đến tháng 7-1915. Khi Thế chiến thứ nhất bùng nổ vào mùa hè năm 1914, Pháp là một trong những nước tham chiến chính yếu. Chính quyền Pháp gọi Phan nhập ngũ, nhưng Phan cự tuyệt không đi vì dân nước bảo hộ không bắt buộc phải đi lính. Phan bị vu cáo là thông đồng với Đức và bị ngồi tù. Nỗi bi quan và thất vọng của cảnh lao tù ở ngục Santé đã được nói lên ít nhiều trong bài thơ trên đây.

5 Phan từ Pháp hồi hương tháng 6 năm 1925 và tháng 3 năm sau thì Phan tạ thế. Phan Bội Châu đi câu điệu:

*“Thương hải vi điền, Tinh Vệ hàm thạch
Chung Kỳ ký một, Bá Nha đoạn huyền”.*
(Biển xanh biến thành ruộng,
chim Tinh Vệ còn ngậm đá
Chung Kỳ thôi đã mất, Bá Nha cắt dây đàn)¹⁷.

Bá Nha và Chung Tử Kỳ người đời Xuân Thu. Bá Nha biết bạn là Tử Kỳ hiểu tiếng đàn cầm của mình hơn ai cả nên khi Tử Kỳ mất, Bá Nha tự đập vỡ đàn, thể trọn đời không đàn nữa vì thiếu bạn tri âm.

Sau khi về sống ở Huế từ cuối năm 1925, đường lối chính trị của PBC ôn hòa ra hẳn¹⁸. Nhưng việc PBC so sánh Phan mất với Tử Kỳ, và Bá Nha cắt dây đàn với chính mình thì có cái gì không ổn cho lắm. Nếu PBC là bạn tâm đầu ý hợp của Phan như Trần Quý Cáp thì câu đối mới chính. Đảng này, qua *Tân Việt Nam* chúng ta đã biết lập trường của PBC và Phan quá cách xa nhau, thì đối vậy sao được, dẫu Phan lúc đó đã thành người thiên cổ.

5.1. Khi lễ truy điệu Thai Xuyên Trần Quý Cáp được tổ chức, PBC đọc điệu văn. Trong sách trích dẫn¹⁹ không đề ngày truy điệu, ta chỉ biết rằng vào tháng 6 năm 1925, PBC bị bắt ở Thượng Hải và giải về Hà Nội (giam ở Hỏa Lò), sau đó đưa về Huế và sống trong tình trạng bị giam lỏng từ tháng 12 năm 1925 cho đến khi mất vào năm 1940.

Đoạn cuối của bài điệu văn có câu:

*Trời chí công sao nữ thế!
Gương nhật tinh há lẽ mờ chẳng!
Suối đỏ kia ai thăm viếng!
Huyết Trần Hoàng sắc biếc nhuộm xanh!
Giống vàng chắc chữa diệt đâu,
Hồn Tinh Vệ thể điển biển bạc!
Mấy lời bạn cũ, tấc dạ thân soi.*

Trần Hoàng là nhạc sư cho triều đình nhà Chu, tương truyền ông đã dạy nhạc cho Khổng Tử (*Lễ ký*, “*Nhạc ký*”).

Lời văn của PBC phải nói là lâm li và chân thật. Tuy không muốn quá nghiêm khắc với PBC, phải nói rằng nếu bài điệu văn là để gửi cho người quá cố là Trần Quý Cáp, thì “*giống vàng*” bị “*diệt*” hay không là vấn đề của tác giả bài điệu văn là PBC, chứ không phải là nỗi lo âu lo lắng của Trần Quý Cáp (hay của Phan). Chúng ta biết rằng PBC chịu ảnh hưởng của thuyết Liên Á (các nước Á châu phải liên hiệp lại với nhau), bởi vậy PBC thường nói về nạn “*diệt chủng*”. PBC nghĩ rằng Việt Nam phải được sự giúp đỡ của Trung Hoa, Nhật Bản và cần được sự yểm trợ của các nước chống lại Pháp -- như Đức và Nga, hoặc giả của bất cứ nước nào mà PBC ngỡ là chống lại Pháp. Khi về Huế sống những năm cuối đời, PBC vô tình vẫn dùng những danh từ của thời tranh đấu ở hải ngoại.

Sinh tiền Phan xem lối suy luận của PBC là do ảnh hưởng “*văn chương bát cổ*” đã muốn dùng ngôn từ cho kêu và ngỡ vậy là hay. Nói cho công bằng với PBC, chúng ta thấy rằng cho dẫu PBC có muốn lột hết ảnh hưởng của “*văn chương bát cổ*” cũng rất khó vì từ nhỏ đã “*dùi mài kinh sử*” và lớn lên hết thi cử thì đã lo dẫn thân đấu tranh, thời giờ đâu mà học hành suy nghĩ



trước sau. PBC không thích và không thạo về lý luận, lại cả tin, nên có khuynh hướng “ba phải” trong suy nghĩ²⁰.

Mặt khác, như chúng ta đã thấy, Phan dùng chim Tinh Vệ đi đôi với Ngu Công (hoặc Đỗ Quyên, theo nghĩa “lòng nhớ nước”) không phải vì thiếu danh từ hay thiếu chữ, mà chỉ vì hai chữ Tinh Vệ và Ngu Công mới đối thật chỉnh với nhau. Cả hai chữ đều hàm nghĩa là cực khó.

Nói đến chim Tinh Vệ, chúng ta không khỏi nhớ đến học giả Đào Duy Anh (1904-1988) sinh tiền lấy bút hiệu là Vệ Thạch, cũng đi từ điển tích “*Tinh Vệ hàm thạch*” của người xưa. Bút hiệu này chắc hẳn đã ra đời lúc Phan về nước và mất chưa đầy một năm sau đó. ■

Ghi chú:

1. Tây-Hồ Phan Châu Trinh, *Tây-Hồ và Santé Thi tập*, Lê Ấm sưu tập. Nhà in Lê Thị Đàm, 1961, trang 21.
2. Xem bài của cùng tác giả, “*Chuyện một trăm năm trước - Tháng 4, 1905 ở vịnh Cam Ranh*”. *Diễn Đàn*, tháng 4, 2005. <http://zdfree.free.fr/diendan/articles/u150vsinh.html>.
3. Anh Minh-Ngô Thành Nhân, *Ngũ hành sơn chí sĩ* hay là *Những anh hùng liệt sĩ tỉnh Quảng Nam* (Huế : Nxb Anh Minh, 1961), trang 39.
4. *Pháp Việt liên hợp hậu chi Tân Việt Nam* (bản chữ Hán, tác

giả bài này tự dịch, viết tắt là *Tân Việt Nam*), trang 17.

5. Như trên, trang 36.
6. Như trên, trang 18.
7. Như trên, trang 21.
8. Tây-Hồ Phan Châu Trinh, *Tây-Hồ và Santé Thi tập*, trang 18.
9. Như trên, trang 22.
10. Đi từ chữ “*xà thí*”. Chỉ quân cướp nước. Huỳnh Lý, *Thơ văn Phan Châu Trinh* (Hà Nội : Nxb Văn học, 1983), trang 124.
11. Thành ngữ “*Chuột bảy thua chuột lắt*”. Như trên.
12. Thành ngữ “*Trâu cột (buộc) ghét trâu ăn*”. Như trên.
13. Tây-Hồ Phan Châu Trinh, *Tây-Hồ và Santé Thi tập*, trang 28.
14. Huỳnh Lý, *Thơ văn Phan Châu Trinh*, trang 118.
15. Như trên.
16. Như trên, trang 87.
17. Thế Nguyên, *Phan Chu Trinh (1872-1926)* (Sài Gòn: Tủ sách “*Những Mảnh Gương*” Tân Việt, 1956), trang 63.
18. Xem thêm Vĩnh Sính and Nicholas Wickenden, translators and editors, *Overtured Chariot: The Autobiography of Phan-Bội-Châu* (University of Hawai'i Press, 1999), “*Introduction*”, trang 21-27.
19. Anh Minh-Ngô Thành Nhân, *Ngũ hành sơn chí sĩ*, trang 129.
20. Xem thí dụ điển hình trong Vĩnh Sính and Nicholas Wickenden, translators and editors, *Overtured Chariot: The Autobiography of Phan-Bội-Châu*, “*Introduction*”, trang 17-19.

Bảo Cường

nhà văn, người nghệ sĩ

PHÁP TUỆ



"Thơ văn (của tôi) như lớp sóng ngầm chờ đầy nổi khát khao, khắc khoải của người ly xứ, đêm đêm vọng về cố quận. Tình yêu quê hương là ngọn nguồn của niềm luyện thương đam mê bất tận, là khúc tình ca mãi mãi vinh tồn".

Bảo Cường trân trọng, quý mến mọi người anh đã gặp, đã nhận chút ân tình. Anh chan hòa với mọi người trong giao tiếp, vì anh vốn tin tưởng vào nhân duyên, nhân quả. Anh thổ lộ:

"Chữ 'Duyên' may mắn nó đến với tôi quá nhiều không thể nhớ hết; nhớ đến đâu viết đến đó, có thể là hơi lộn xộn, không đầu đuôi... Dù gì đi nữa, tôi có ngày hôm nay cũng đều nhờ chữ 'Duyên' đưa lối... để tôi gặp gỡ ân nhân trên nhiều lãnh vực, và họ cũng đã giúp tôi đi trọn con đường văn chương, ca hát này".

Đấy là lời trân trọng của anh về "nhân duyên", là lời cảm ơn đời. Sự đền đáp ân tình của cuộc đời hẳn đã thể hiện trong những tác phẩm đủ thể loại của anh, cũng như trong tiếng sáo, trong giọng ngâm thơ và trong nỗ lực tổ chức những buổi trình diễn văn nghệ.

Xin cảm ơn Bảo Cường, nhà văn, người nghệ sĩ đã đóng góp làm đẹp cuộc đời.

Nghệ sĩ Bảo Cường, con người lưu lạc giang hồ suốt 52 năm, trải bao gian nan thử thách nhưng luôn giữ một sức sống mạnh mẽ, một ý chí và hoài vọng kiên cố.

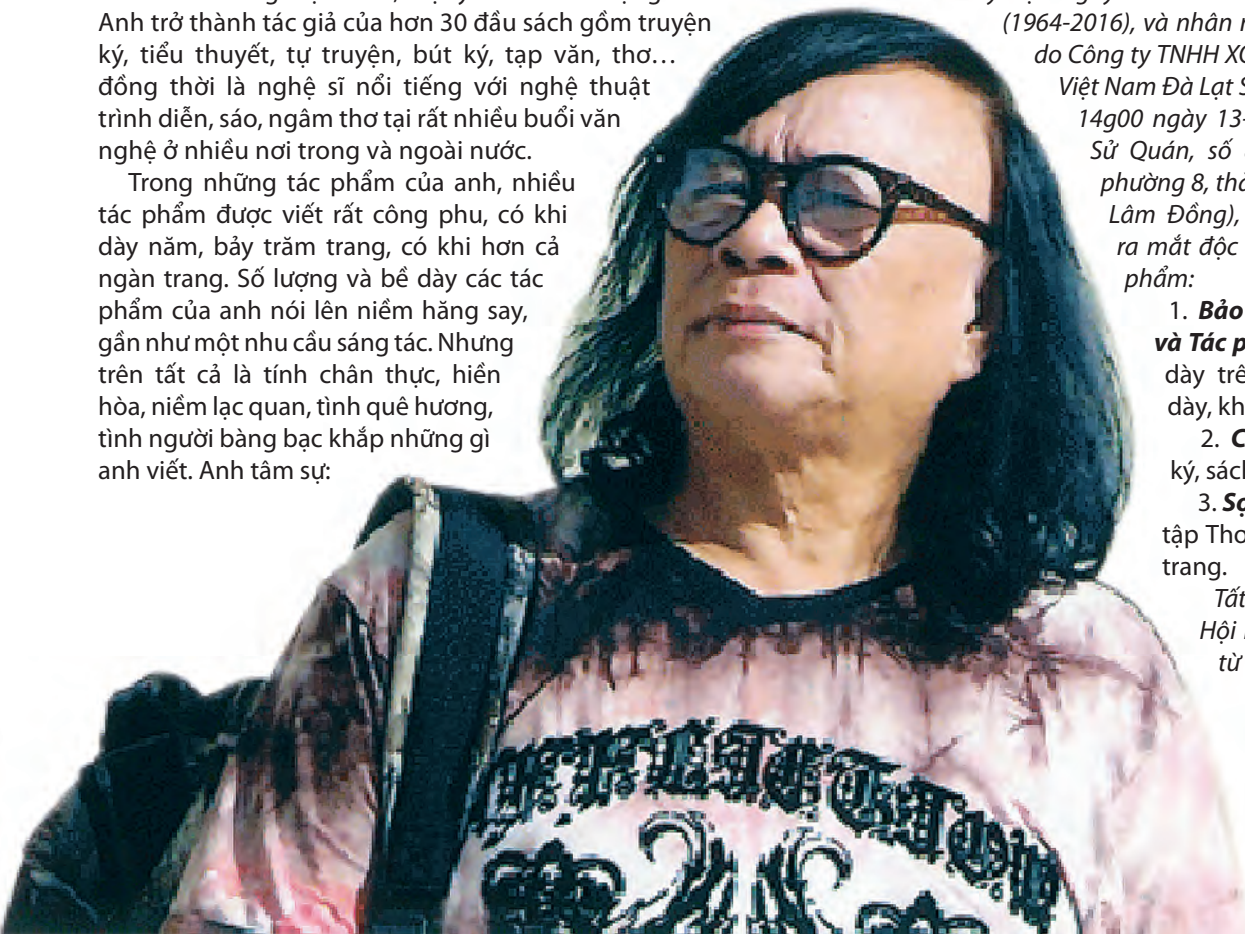
Anh trở thành tác giả của hơn 30 đầu sách gồm truyện ký, tiểu thuyết, tự truyện, bút ký, tạp văn, thơ... đồng thời là nghệ sĩ nổi tiếng với nghệ thuật trình diễn, sáo, ngâm thơ tại rất nhiều buổi văn nghệ ở nhiều nơi trong và ngoài nước.

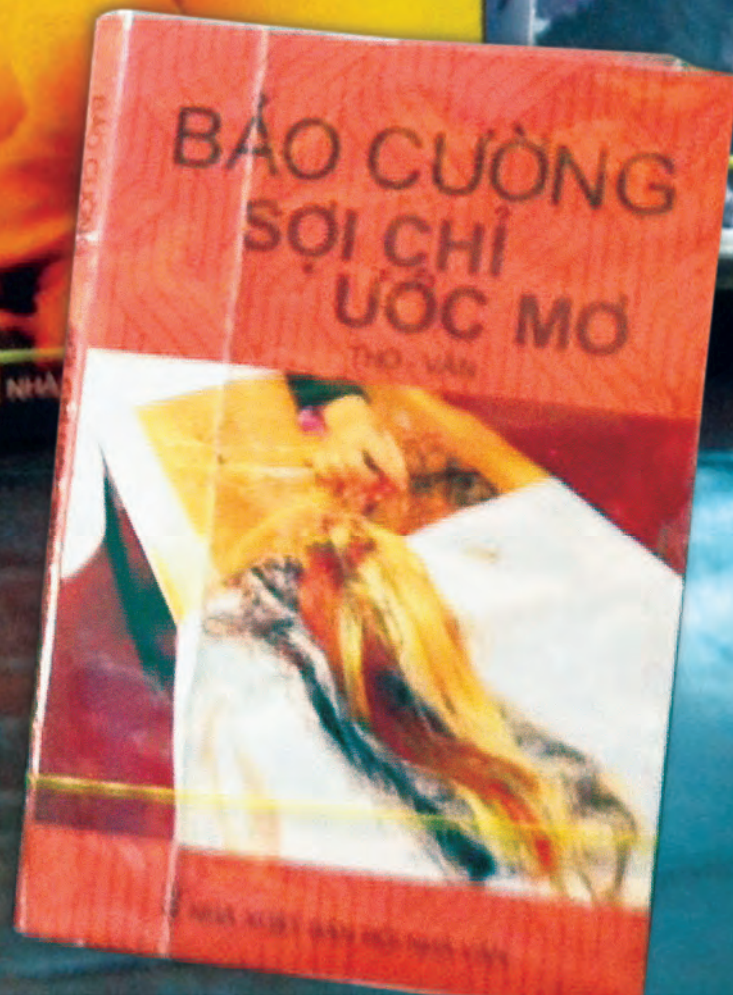
Trong những tác phẩm của anh, nhiều tác phẩm được viết rất công phu, có khi dày năm, bảy trăm trang, có khi hơn cả ngàn trang. Số lượng và bề dày các tác phẩm của anh nói lên niềm hăng say, gần như một nhu cầu sáng tác. Nhưng trên tất cả là tính chân thực, hiền hòa, niềm lạc quan, tình quê hương, tình người bàng bạc khắp những gì anh viết. Anh tâm sự:

Để kỷ niệm ngày rời xa Huế đến nay đúng 52 năm (1964-2016), và nhân ngày "Lễ Tri Kỷ Hữu" do Công ty TNHH XQ Đà Lạt Tranh Thêu Việt Nam Đà Lạt Sứ Quán tổ chức (lúc 14g00 ngày 13-12-2016 tại Đà Lạt Sứ Quán, số 80A Mai Anh Đào, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng), Bảo Cường sẽ cho ra mắt độc giả cùng lúc ba tác phẩm:

1. **Bảo Cường - Cuộc đời và Tác phẩm**, tạp văn; sách dày trên 1.200 trang, bìa dày, khổ lớn 16x24.
2. **Chữ Duyên đưa lối**, ký, sách dày 500 trang.
3. **Sợi chỉ ước mơ**, tuyển tập Thơ-Văn, sách dày 170 trang.

Tất cả do Nhà xuất bản Hội Nhà Văn phát hành từ tháng 12 năm 2016.





NGUYÊN NHÂN VÀ CÁCH PHÒNG NGỪA bệnh viêm khớp gối

1. Các nguyên nhân gây viêm khớp gối

Bệnh viêm khớp gối gây ra bởi những nguyên nhân sau đây:

- **Do béo phì:** bình thường khớp gối đã phải chịu sức nặng của toàn bộ cơ thể suốt đời nên nếu bạn bị thừa cân béo phì càng khiến khớp gối chịu áp lực nhiều hơn khiến nguy cơ viêm khớp gối tăng lên.

- **Do tuổi cao:** cũng như nhiều căn bệnh viêm khớp khác, tuổi càng cao thì nguy cơ viêm khớp gối cũng gia tăng.

- **Do chơi thể thao quá độ:** những môn thể thao như đá banh, cầu lông, tennis, bóng rổ... sẽ khiến đầu gối của bạn phải hoạt động liên tục và chịu nhiều áp lực lâu ngày gây ra viêm khớp.

- **Do đặc thù công việc:** Những công việc đi lại nhiều, chạy xích-lô, mang vác nặng sẽ ảnh hưởng nặng nề đến khớp gối.

- **Một số bệnh lý:** như đái tháo đường, loãng xương, gout cũng gây ra biến chứng viêm khớp.

2. Cách phòng ngừa bệnh viêm khớp gối

- **Cần có chế độ ăn uống hợp lý:** ăn nhiều rau xanh, vitamin C, E, các thực phẩm giàu axit béo omega-3, uống sữa Ensure Vinamilk hay Ensure gold.

- **Kiểm soát tốt:** cân nặng bằng cách hạn chế ăn nhiều chất béo, ngọt, giàu năng lượng để tránh béo phì, thừa cân.

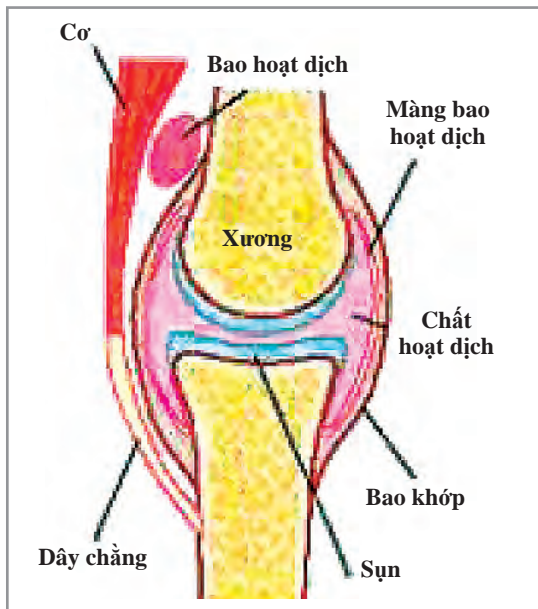
- **Ngồi đúng cách:** lưng thẳng, ghế có tựa để giảm tối đa lực ép lên đĩa đệm;

- **Không cố hết sức:** để vớ cao, vớ xa hay khiêng vác vật nặng vì tất cả các động tác quá sức gây ra căng cơ, dễ trật khớp và cũng dễ tạo ra vi chấn thương lên ổ khớp.

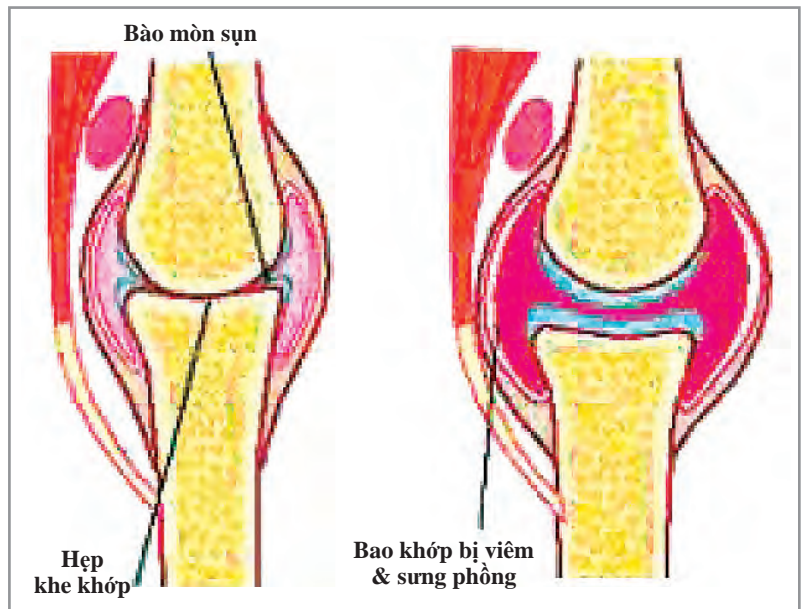
- **Không nên:** tắm quá lâu, nằm ngủ trực tiếp trên nền gạch vì nền gạch lạnh, môi trường có độ ẩm cao, nhiệt độ thấp sẽ gây co cơ, hẹp khe khớp tăng nguy cơ tạo vi chấn thương.

- Ngoài ra, **cần khám sức khỏe định kỳ**, phát hiện sớm các bệnh như đái tháo đường, loãng xương, bệnh gout để điều trị kịp thời, tránh các biến chứng về khớp.

PHÁP TUỆ (sưu tầm)



Khớp bình thường



Viêm xương-khớp

KHỚP BÌNH THƯỜNG & KHỚP VIÊM



Song Hỷ Trà & Phú Quý Thảo

HỘP TRÀ LỄ Tinh hoa trà Việt
Sang trọng và đậm nét cổ truyền Việt

☎ 0947 798 186
📍 6A Lê Quý Đôn, Q.3, TP.HCM
📱 Song Hỷ Trà
🌐 songhytra.com





Điêu khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vuông, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 18 18 18 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trâm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đa Cảnh Nghệ Thuật

Nhà Gốm Nghi Tâm

169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội
☎ 0912.66.1973

Chuyên Kinh Doanh:

- Trà Đặc sản Việt
- Gốm Sứ Nhật bản (Giao Thương Sĩ & Lẽ)
- Nhang Trâm chính hiệu Quảng Nam
- Bonsai & Đa cảnh nghệ thuật tự nhiên



Nhà Gốm Nhật H & H

Chuyên kinh doanh: Gốm sứ, Nhang trâm

53A Ngô Thì Nhậm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ 0944.588.568 ☎ 0968.59.88.57



An Phú Thành nhà cung cấp gỗ xá xí

**VỖ THỊ HƯƠNG THÙY
GIÁM ĐỐC**



ĐC: 281/25/11 Lê Văn Sỹ, Phường 1
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
Email: huongthuy2505@gmail.com
ĐT: 0903 864455

ĐT: (08) 3991 8688
Fax: (08) 399 8680
Web: www.anphuthanh.com
Web: www.anphuthanh.blogspot.com

Mang Hương Thơm Đến Mọi Nhà

Chuyên:

- Tượng gỗ (Tượng Phật, tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Linh vật...)
- Gỗ phong thủy - Nội thất (Lộc bình, Cốc tài lộc, Tranh gỗ...)
- Đá phong thủy - Đá cảnh.
- Đá trang sức phong thủy.



pháp uyển
DHARMA GARDEN
17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
Candles 光 QUANG NGHỆ CO., LTD. 藝 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- ☐ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
 - ☐ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"





DIỆU TƯỜNG ÂM

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

- DIỆU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 1
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0902 848 363
- DIỆU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 2
382D NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: (08) 35 260 150 - HOTLINE: 0902 848 363
- DIỆU TƯỜNG ÂM NAM KỶ 3
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3, TP. HCM
ĐT: 0909 367 626
- DIỆU TƯỜNG ÂM - VIÊN DUNG ĐƯỜNG
668 NGUYỄN CHÍ THANH, P.4, Q.11, TP. HCM
HOTLINE: 0938 959 503
- DIỆU TƯỜNG ÂM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q.10, TP. HCM
ĐT: (08) 38 684 913
- DIỆU TƯỜNG ÂM HÀ NỘI: 112 PHỐ HUẾ,
P. NGÕ THỊ NHẬM, Q. HAI BÀ TRƯNG, HN
HOTLINE: 0903 288 112 - 0906 955 663

HOTLINE: 0902 848 363 - 0938 959 503 - 0906 955 663

www.dieutuongam.com



PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.



- Đ/C: cuối hẻm 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM □ ĐT: (08) 22477809
- Di động: 0902 40 47 48 - 0972 898 818 □ Email: hoinguyen.kt@gmail.com
- STK: 76935619 NH ACB chi nhánh Bình Thạnh, CTK: Ngô Phương Đức
- STK: 1920206053273 NH Agribank, chi nhánh Bến Thành, CTK: Nguyễn Thị Hời



Hoạtien

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

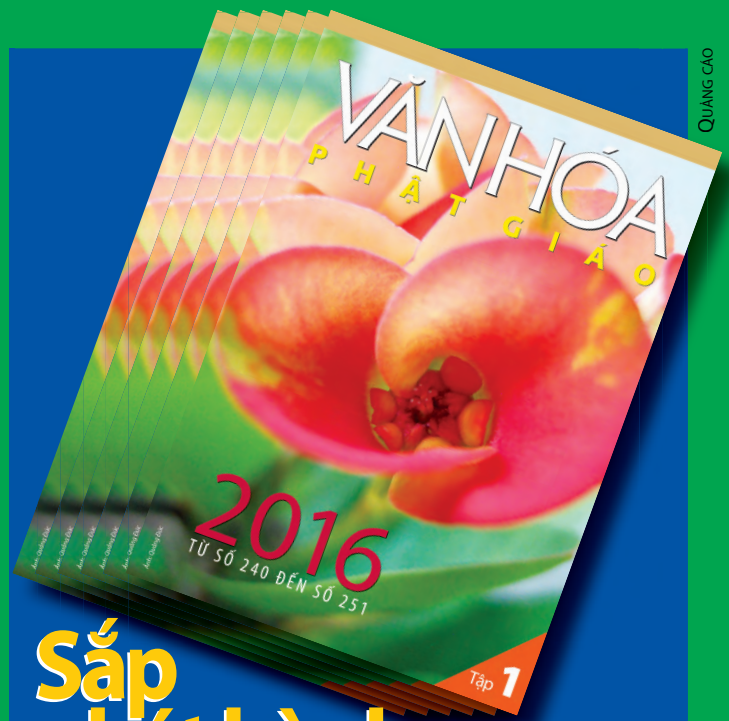
Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
 Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
 Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
 Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
 ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



QUANG CAO

Sắp phát hành

- Mọi chi tiết xin liên hệ
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP.HCM
- Phòng Phát hành
ĐT: (84-8) 3 8484 335 - DĐ: 0906 934 252 (Ngô Văn Thông)



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com
 Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Delhi-Tiểu Tây Tạng - Nepal: T.11,12/2016: 17N16Đ: 29 triệu (Phật tử) - Ủng hộ quý Tăng Ni **chiêm bái đất Phật**: 22,5 triệu
- Singapore - Malay - Indo
6N5Đ: 10,9 triệu (hàng tuần)
- Đài Loan-Đài Bắc-Đài Trung
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
- Thành Đô - Cửu Trại Câu - Nga Mi Sơn
6N5Đ: 22,5 triệu (hàng tháng)
- Hàn Quốc
5N4Đ: 12,5 triệu (hàng tuần)
- Thái Lan
(Buffet 86 tầng): 5N4Đ: 5,490 triệu (hàng tuần)
- Cam - Thái - Lào - Myanmar
12N11Đ: 8,8 triệu (hàng tháng - tặng 2 suất buffet)
- Myanmar - Yangon - Tầng đá vàng - Thanlyin
5N4Đ: 11,5 triệu (hàng tuần)
- Xuyên Việt: 20N19Đ: 7,5 triệu. Cam - Thái: 6N: 4,3 triệu
- Đặc biệt ưu đãi cho khách nhóm và đạo tràng quý Tăng Ni



Restaurant

Chay Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
 Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gói và trộn, gói mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 263

Phát hành ngày 15 - 12 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG